

PGS.TS LÊ TRỌNG

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN CHO HỘ NÔNG DÂN ĐỂ XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

**HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH
LÀM ĂN CHO HỘ NÔNG DÂN
ĐỂ XOÁ ĐÓI GIÀM NGHÈO**

ctr 2285

PGS. TS LÊ TRỌNG

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN CHO HỘ NÔNG DÂN ĐỂ XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC
HÀ NỘI - 2000

***"Làm cho người nghèo thì đủ ăn
Người đủ ăn thì khá, giàu
Người khá, giàu thì giàu thêm"***

LỜI HỒ CHỦ TỊCH ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh - Toàn tập - Tập 4 - Nhà xuất bản Sự thật - Hà Nội - 1984, trang 287.

The publication of this book *Guide to Business Plans of Peasant Households for Hunger Eradication and Poverty Alleviation* was made with the collaboration of the German-Vietnamese cooperation of Hunger Eradication and Poverty Alleviation Project (MOLISA - GTZ), The center for Economic and Social Research (KX centre). The International Book Institute (Obor) and Unesco Center - Diffusion of Knowledge on Community Cultural and Educational.

LỜI NÓI ĐẦU

Hộ nông dân nói chung và các hộ nông dân đói nghèo là những đơn vị kinh tế tự chủ. Những điều kiện và cách làm ăn của mỗi loại nông hộ là khác nhau.

Trong lịch sử của nền kinh tế tự nhiên và trong sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần những năm qua, cách làm ăn của các loại nông hộ nói chung là theo kinh nghiệm sẵn có, được ghi trong đầu óc họ, hoặc "gặp đâu làm đó" chứ chưa có sự tính toán, lập kế hoạch làm ăn, kinh doanh ngắn hạn và dài hạn (gồm: sản xuất - dịch vụ - bán - tiêu dùng - tích lũy sản xuất mở rộng). Trong tình hình đó, một bộ phận nông hộ có điều kiện và tích lũy được kinh nghiệm làm ăn, bước đầu biết tính toán đầu tư kinh doanh đã giàu lên. Và ngược lại thì đói nghèo.

Đói nghèo là do nhiều nguyên nhân, nhưng suy cho cùng là do *thiếu điều kiện* và *không có kế hoạch làm ăn phù hợp* dẫn đến bị động, thiếu tính tự chủ trong sản xuất, dịch vụ để sinh sống, để tự xoá đói giảm nghèo một cách bền vững và tiến tới kinh doanh có lợi ngày càng cao.

Trước thực trạng đó, trong nhiều năm nay, Đảng đã có chủ trương, Nhà nước đã có chính sách, có chương trình và giải pháp thực hiện xoá đói giảm nghèo - với một số vốn đã và sẽ chi đến hàng chục ngàn tỷ đồng; đồng thời nhiều tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước cũng đã quan tâm trợ giúp, trong đó có chương trình hợp tác Việt - Đức về xoá đói giảm nghèo. Đó là những cố gắng vượt bậc của Đảng và Nhà nước Việt Nam với sự hợp tác giúp đỡ to lớn của cộng đồng và quốc tế. Nhờ vậy, tỉ lệ đói nghèo hàng năm đã được giảm xuống, bộ mặt nông thôn Việt Nam hiện nay đã có nhiều đổi mới.

Tuy nhiên, so với yêu cầu và vốn liếng bỏ ra để tài trợ về xoá đói giảm nghèo thì hiệu quả còn chưa tương xứng. (Đến 7/1998 cả nước vẫn còn đến 17,4% hộ đói nghèo. Trong đó có những làng bản, thôn xã ở miền núi diện đói nghèo lên đến

50 - 70% thậm chí đến 80% với mức tính là dưới 13 - 15kg gạo/ người/ tháng). Và khi gặp thiên tai thì diện tái đói nghèo lại tăng thêm.

Có tình hình đó bởi nhiều nguyên nhân. Trong đó, theo chúng tôi, có một nguyên nhân cơ bản - có tác dụng tổng hợp về nhiều mặt - là chưa hướng dẫn cho hộ nông dân đói nghèo hiểu, biết xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch làm ăn, tự chủ xóa đói giảm nghèo bền vững và từ đó tiến lên có kế hoạch kinh doanh để làm giàu.

Nói nó có tác dụng tổng hợp về nhiều mặt bởi: nó chẳng những để cho họ có ý thức tự chủ để làm ăn, từng bước xóa đói giảm nghèo bền vững mà còn có cơ sở để các tổ chức kinh tế - xã hội hỗ trợ vốn, hướng dẫn, theo cách làm ăn - quyết tâm tự xóa đói giảm nghèo; đồng thời cũng là cơ sở để thanh tra, kiểm toán việc thực hiện hữu hiệu các chính sách đã có đối với mỗi loại nông hộ đói, nghèo và từ đó mà bổ sung, hoàn thiện chính sách có căn cứ khoa học, đồng thời có thể xóa được những mặt tiêu cực trong lĩnh vực này. Như vậy, đây là yêu cầu khách quan và cấp bách. Nhưng từ trước đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu, viết và

hướng dẫn kế hoạch làm ăn cho hộ nông dân đói nghèo. Do vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu, viết quyển sách này nhằm mục đích:

- Tìm ra được một phương pháp hữu hiệu để tiến hành xoá đói giảm nghèo.
- Để giúp cho nông hộ đói nghèo hiểu và biết cách lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch làm ăn để tự xoá đói giảm nghèo một cách bền vững.
- Để các tổ chức Đảng, Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội, các cấp có cơ sở giúp đỡ, kiểm tra theo kế hoạch làm ăn xoá đói giảm nghèo của hộ.
- Kiến nghị hoàn thiện chính sách vĩ mô và vi mô nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình xoá đói giảm nghèo mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Từ mục đích trên, yêu cầu của quyển sách là: *Thiết thực, dễ hiểu và khoa học nhằm đối tượng phục vụ chủ yếu là chủ nông hộ đói nghèo; cho phổ cập viên về kinh tế, quản lý và kỹ thuật (trong hệ thống tổ chức xoá đói giảm nghèo và khuyến nông) cho các loại nông hộ khác; cho cán bộ lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và cho những ai có quan tâm.*

Đến đây, còn một vấn đề cần bàn là: như chúng ta đều biết, chủ nông hộ đói nghèo phần lớn là những người còn mù chữ hoặc ít chữ. Vậy thì làm sao có thể dạy họ hiểu và biết lập kế hoạch làm ăn?

Đúng vậy. Đó chính là khó khăn bao trùm nhất! Nhưng, nếu chúng ta đầu hàng khó khăn này thì có nghĩa là chúng ta khó có thể thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo bền vững.

Theo chúng tôi, chúng ta có thể vượt qua bằng cách: Kiên trì và kiên trì! Dạy cho họ bằng nhiều cách:

1. Dạy và hướng dẫn trực tiếp cho chủ nông hộ (đã xóa mù từ lớp 3 trở lên).

2. Dạy và hướng dẫn trực tiếp cho chủ nông hộ mù chữ cùng với một thành viên trong gia đình có trình độ văn hoá từ cấp I trở lên. Đây cũng chính là một dịp kết hợp dạy lập kế hoạch làm ăn gắn với dạy thêm chữ cho người nghèo ít chữ.

3. Cũng có thể xây dựng mô hình về lập và thực hiện kế hoạch làm ăn cho một số hộ nông dân khá sát bên cạnh nhà họ để gắn với yêu cầu: Dạy - học - thảo luận - thực hành, tạo điều kiện để người học được nhìn tận nơi, thấy và nghe cùng một lúc. Đó

sẽ là cách dạy và học cho người nghèo ít chữ có hiệu quả nhất. Từ kết quả ban đầu, chúng ta sẽ hoàn thiện cả về nội dung và phương pháp dạy và học để nhân rộng ra.

4. Từ thực tế được đặt ra về vấn đề này, theo chúng tôi, tiến lên chúng ta có thể gắn dạy chữ với dạy nghề, dạy lập kế hoạch làm ăn vào các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học nông - lâm - ngư nghiệp đồng thời sẽ chuyển vào dạy ở các trường dân tộc nội trú, các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở ở nông thôn như là một môn học.

Từ cách đặt vấn đề trên, việc nghiên cứu và viết cuốn sách này sao cho *đạt được mục đích và yêu cầu đã nêu ở trên là cực kỳ khó khăn, phức tạp*. Do đó những nội dung dưới đây của cuốn sách còn được tiếp tục bổ sung để hoàn thiện trong quá trình thực hiện.

Vậy, chúng tôi rất mong được sự quan tâm chỉ bảo và giúp đỡ của các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học và bà con nông dân - đặc biệt là các chủ nông hộ đối nghèo.

Tác giả trân trọng cảm ơn *Chương trình hợp tác Việt - Đức về xóa đói giảm nghèo*, đặc biệt là Tiến sĩ Ngô Huy Liêm, phái viên của chương trình; chân thành cảm ơn sự lãnh đạo của Đảng uỷ, của Ủy Ban nhân dân, của Hội Nông dân huyện Đông Sơn xã Đông Minh, tỉnh Thanh Hoá cùng nhiều địa phương khác, đã có sự hợp tác, giúp đỡ chí tình để tác giả vượt khó khăn trong quá trình nghiên cứu, viết bài giảng đã được đánh giá cao và có hiệu quả cho các hộ nông dân...

Tác giả chân thành cảm ơn sự cộng tác, tạo điều kiện của Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Xã hội (ESRC), Trung tâm UNESCO - Phổ biến kiến thức văn hoá, giáo dục cộng đồng, Viện Sách quốc tế (OBOR); Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc cũng như các nhà báo, các nhà khoa học và đồng nghiệp gần xa đã quan tâm.

Các liên hệ trao đổi, hợp tác... xin gửi về địa chỉ: PGS. TS Lê Trọng, P5 nhà Q25, phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng - Hà Nội. Điện thoại: 04-8644717 hoặc: 8693375.

Xin chân thành cảm ơn.

TÁC GIẢ

CHƯƠNG I

TÌNH TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN ĐÓI NGHÈO CỦA VIỆT NAM

Con người, tạo hoá sinh ra đầu đen, máu đỏ. Ai cũng mong muốn được học hành, có việc làm, cơm no, áo ấm, có nhà ở và phương tiện sinh hoạt từ đơn sơ đến hiện đại... Song do môi trường và điều kiện khác nhau nên hiện nay trên toàn cầu có đến 1,5 tỷ người đói nghèo. Ở Việt Nam, theo thống kê, năm 1996 còn từ 20 - 25% hộ đói nghèo, nhưng theo tính toán của Ngân hàng Thế giới thì con số đó trên dưới 51% (do xác định chuẩn mực có khác nhau). Để thấy rõ thực trạng, chúng tôi xin điểm qua tình cảnh đói nghèo và nguyên nhân của nó.

1. TÌNH TRẠNG VÀ KHÁI NIỆM VỀ ĐÓI NGHÈO

1. Tình trạng đói nghèo

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, đói nghèo là một vấn đề xã hội rộng lớn, mà cho tới nay chưa có một quốc gia nào giải quyết triệt để để không còn có người đói nghèo. Tuy nhiên do *nhân thức và phương pháp* giải quyết ở những nước có điều kiện kinh tế - xã hội và thể chế chính trị khác nhau thì *mức độ và tỷ lệ* người đói nghèo nhiều, ít là có khác nhau.

Việt Nam vốn là một nước nông nghiệp nghèo nàn, bởi điều kiện thiên nhiên ít thuận lợi, thường bị thiên tai nên khả năng chế ngự thiên tai là hạn hẹp, kỹ thuật và công nghệ sản xuất còn lạc hậu, đồng thời trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam là một dân tộc luôn luôn phải chống giặc ngoại xâm - nhất là chống các cường quốc hùng mạnh. Vừa mới ra khỏi chiến tranh, biết bao hậu quả khiến hàng chục vạn đến hàng triệu gia đình phải lâm vào cảnh đói nghèo, bệnh tật (trong đó nhiều người bị hoá chất độc màu da cam, bom, mìn). Để khắc phục, trong hoà bình, trong những năm đổi mới, mặc dầu Đảng và Nhà nước Việt

Nam đã có nhiều chính sách xóa đói giảm nghèo cho người đói nghèo, hộ đói nghèo đến gần 11.000 tỷ đồng và đầu tư chung để xây dựng 6 cơ sở hạ tầng cho xã nghèo vệt nghèo là gấp đôi số đó (18) nên đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận, hàng năm số hộ đói nghèo đã giảm xuống chừng 1,8 đến 2%. Nhưng, nhìn chung hiện nay, mức độ và tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam vẫn còn cao so với yêu cầu. Trong đó hơn 90% hộ đói nghèo tập trung ở nông thôn - chuyên làm nông nghiệp. Đặc biệt ở vùng cao, sâu, xa và nơi có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, thường bị thiên tai (bão, lụt, hạn...) thì mức độ và diện đói nghèo còn gay gắt.

Thế mà, hiện nay:

Có một bộ phận hoạt động kinh doanh gặp những cơ hội thuận lợi hoặc ở các ngành phi nông nghiệp, ở đô thị, có đời sống khá giả, một phần là nhờ sản phẩm của nông dân, của lao động nữ nông nghiệp bao gồm cả của nông hộ đói nghèo sản xuất ra, bán với giá rẻ ngay sau khi thu hoạch, thậm chí bán cả lúa non, lạc non, lại có cái nhìn người nông dân, người phụ nữ, trẻ em đói nghèo bằng con mắt lạnh lùng, khinh bỉ. Và cũng không ít người - kể cả cán bộ đang có chức trọng, quyền cao - muốn hiểu

rõ tình cảnh và nguyên nhân đói nghèo của họ, nhưng không sao hiểu rõ được cụ thể. Nếu chỉ "cưỡi ngựa xem hoa", thích nghe báo cáo "theo tai người nghe" và vì điều kiện hoặc không thể chịu gian khổ để thâm nhập đến các loại nông hộ, tìm hiểu cuộc sống của phụ nữ, trẻ em đói nghèo thì chẳng những ở nơi xa xôi, hẻo lánh, rừng sâu, núi cao vực thẳm, đảo xa mà ngay những nông hộ đói nghèo nhất ở cạnh các quốc lộ họ cũng không thể nào hiểu nổi.

Vì những lẽ đó, cái lẽ "Mắt không nhìn thấy sự đời, trái tim không thể rụng rời đôn đau" - chúng tôi xin cung cấp đến các đồng chí, các bạn quan tâm một số tình cảnh đói nghèo (để minh họa) dưới đây. Thiết nghĩ đó cũng là cơ sở để học, để rèn mình góp phần hiểu đúng về hộ đói, nghèo với nguyên nhân của nó để có giải pháp xóa đói giảm nghèo hữu hiệu cho những năm tới.

Hiểu đúng tình cảnh nông hộ đói nghèo tưởng chừng quá đơn giản, vì điều này chẳng những hàng ngày được nghe thông tin bằng miệng mà trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã

có diễn đàn bàn đến. Nhưng vấn đề quả thật lại hết sức khó khăn, phức tạp.

Tôi vốn sinh ra, lớn lên và có may mắn là hầu như toàn bộ quá trình hoạt động công tác của mình luôn luôn gắn với nông thôn, nông nghiệp và bà con nông dân, nên cũng dễ sinh chủ quan về sự hiểu biết đó. Có một trong những lần tôi về một thôn lớn, nằm sát đường 5, cách Hà Nội chỉ có 30 km để tìm hiểu những bước tiến thật đáng mừng trong nông thôn đổi mới với những hộ còn đói nghèo - nơi quê ngoại của các cháu. Biết ý ấy, cậu tôi - một nhà trí thức, một cán bộ hoạt động cách mạng về hưu - bảo: "Cháu muốn hiểu cho đúng... cháu phải về nằm liền ở đây vài ba tháng, đến nửa năm, chứ dăm ba hôm thì chẳng ăn thua gì".

Nghe thế, tôi vẫn giữ thái độ bình tĩnh, vui vẻ tiếp thu. Nhưng bên trong còn ẩn giấu cái bệnh chủ quan rằng, mình vốn đã hiểu biết nhiều về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và lại có phương pháp tốt thì làm gì phải nằm lâu thế?

Ấy vậy mà, riêng những đợt đi thực tập mới đây để tìm hiểu thêm và bổ xung những điều chưa biết đến, chưa hiểu đúng về tình cảnh đói nghèo với những nguyên nhân gần, xa của một số nông hộ ở năm bảy thôn nghèo, xóm vắng, để viết tác phẩm này thì mới thấm thía lời khuyên chí tình của cậu tôi!

Chuyến đi Đông Sơn (19 ngày) để làm nhiệm vụ này, tôi quyết định đến ăn ở liền trong nhà dân ở giữa một xóm nghèo (xóm 7 xã Đông Minh) và đã chuẩn bị tất cả những điều kiện vốn có để làm con em hoà mình vào cộng đồng nông dân nghèo *khó để học, để hiểu đúng về họ*, Cùng hợp tác với tôi còn có đồng chí xóm trưởng, chủ tịch hội nông dân xã và một trong số cán bộ trong Ban xoá đói giảm nghèo của huyện tham gia. Thế mà, chúng tôi phải làm việc cật lực trong suốt 15 ngày đêm với những phương pháp nghiên cứu, tiếp cận tốt mới có thể đảm bảo đạt được kết quả hiểu gần đúng về họ. Được có 13 nông hộ, nên vẫn còn thòm thềm!

Do đó, trong cuốn sách này, ngoài những nguồn tư liệu vốn có hệ thống của chúng tôi, chúng tôi cũng thấy cần sử dụng một số tư liệu khác đã công bố để góp phần minh hoạ về tình cảnh đói nghèo.

MINH HOẠ I - 1: NÔNG HỘ CHỊ LÊ THỊ DƯƠNG QUYẾT CHÍ VƯỢT ĐÓI NGHÈO

Nếu chưa một lần đến thì làm sao có thể thấy, nghe và biết được tình cảnh, ý chí quyết vượt đói nghèo của một trong những nông hộ, của một trong những người con gái như chị Lê Thị Dương - người con gái quê hương Bà Triệu (xóm 7, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá) mà nhiều chúng ta chưa biết đến.

Gia đình chị Lê Thị Dương là một gia đình nông dân nghèo: Cuối năm 1985, chồng phát bệnh, khi trên tay chị còn bế đứa con sơ sinh. Cuối năm 1987 anh chị lại có thêm cháu thứ 2 nên một thân chị vừa phải hôm sớm trông nom mẹ già - mẹ liệt sĩ ở tuổi 80, vừa nuôi dạy 2 trẻ thơ - biết đâu sắp thành mồ côi vừa phải nhịn ăn, nhịn mặc để khăn gói vào các bệnh viện nuôi chồng. Tính các đợt chữa bệnh của hai năm đầu bằng 6 tháng, tốn đến hơn 2 tấn thóc ⁽¹⁾. Thật là "hoạ vô đơn chí". Vậy mà

¹ Biết rằng mẹ liệt sĩ có chính sách trợ cấp: từng tiệm lăm thì cũng chỉ tam dư qua ngày của mẹ. Hai năm đầu, từng đợt đưa chồng đi bệnh viện chị phải theo nuôi. Từ khi chuyển đến bệnh viện Nội trợ (5/1987 đến nay) thuộc Sở lao động Thương binh xã hội Thanh Hoá thì bệnh viện miễn phí tất cả, chỉ còn chị mỗi khi đi thăm chồng và đưa chồng về thăm nhà.

chị đã gương dạy từng bước vượt qua vẫn chăm sóc được chồng, nuôi được con khỏe, dạy con ngoan?

Để vượt qua, chị phải lao động liên tục gần như suốt cả ngày đêm để có thu nhập. Có đêm chị chỉ ngủ được 2 - 3 tiếng, thậm chí nhiều đêm còn thức trắng để trông chồng, nuôi con.

Về tài năng lao động, chị chẳng những biết thâm canh sản xuất lúa, trồng rau màu vụ đông trên ruộng được chia 2500m², sản xuất mía xen rau trên 136 m² đất mượn và thường chăn nuôi 2 lợn thịt với 5 - 3 gà đẻ, vịt thịt mà còn đi cấy thuê mỗi vụ 1 mẫu.

Những ngày ngoài thời vụ, tính bằng 6 tháng trong năm, thì mỗi tối đến sau khi lo cho chồng (khi ở nhà), cho con lên giường ngủ và lợn, gà xong, chị mò đi cắt một gánh cỏ. Chừng 3 giờ sáng chị đã dậy lo sẵn mọi thứ cho chồng, con để 5 giờ sau khi cho lợn ăn và giao cho đứa con lớn mới lên 5, lên 6... ở nhà làm những việc chăm sóc em, lấy cơm rót nước cho bố, chị lại tranh thủ thời gian trên đường đi làm thuê cho chủ lò vôi gồng gánh 30 kg cỏ (đã cắt trong đêm) đi bán cho những chủ có ngựa thồ,

bò kéo, cách nhà 4km để kiếm 4 - 5 nghìn đồng, sau đó lại chạy cho kịp giờ đến làm thuê: Vác đá vào, xúc vôi ra lò cho chủ lò vôi để có bữa cơm trưa đạm bạc của nhà chủ và kiếm được 7 - 8000 đồng lo cái ăn cho chồng, con và vốn cho sản xuất. Dĩ nhiên là lúc hiểm nghèo, chị phải vay nợ nặng lãi. Song, với cường độ lao động bên bở và cần kiệm như trên, chị đã trả dần được nợ nặng lãi. Nhờ đó đến cuối năm 1997, chị chỉ còn nợ tư nhân 400.000 đồng, với lãi suất 2,5% tháng. Đến tháng 5 năm 1998, chị được Ngân hàng Phục vụ Người nghèo (NHNg) cho vay 1 triệu, lãi suất 0,8% tháng, trong 36 tháng, cộng với tiền bán lợn và số dư của tiền bán trâu mua bò cái tơ, chị quyết định dựng bếp bẻ, xây thêm chuồng, làm thêm nghề nấu rượu gạo, lấy bã (bống) rượu mở rộng chăn nuôi 1 lợn lái và 6 lợn thịt - thay cho việc đi làm thuê cho chủ lò vôi với tiền công rẻ mạt và lại độc hại.

Thêm vào đó, khi làm ăn dành dụm được chút ít tiền, chị còn biết tính toán dùng tiền đó mua một ít mặt hàng dân dụng, các ngày lễ, ngày tết, để cho các cháu bán cho bà con trong xóm ngay tại nhà, cũng kiếm thêm được một khoản thu nhập.

Chúng tôi cũng đã cùng chị thử tính lập kế hoạch làm ăn trong những năm tới, Chị muốn được vay thêm một triệu đồng nữa của Ngân hàng phục vụ người nghèo để mở rộng sản xuất, thì chắc chắn sau 1 - 2 năm tới gia đình chị sẽ vượt qua cảnh đói nghèo một cách bền vững, là một thực tế thật đáng trân trọng!

Trên đây là những kết quả vượt đói nghèo của chị mà cũng là những bài học vô cùng quý giá của chúng tôi.

Bài học ở chị mà chúng tôi có thể rút ra được là chị có bốn cái có:

- Có sức lao động dẻo dai.
- Có học vấn khá (lớp 7/10) và biết tính toán giỏi.
- Có ý chí và hành động quyết vượt đói nghèo để khỏi xấu hổ.
- Có đức tính tốt, được mọi người yêu mến.

Chính bốn cái đó tác động qua lại lẫn nhau hợp thành nội lực để chị vượt qua đói nghèo.

Trước lúc ra về, chúng tôi bắt tay cảm phục và cảm ơn chị, vì chị đã cho chúng tôi những bài học vô cùng quý giá cũng còn lắm điều suy nghĩ. Chúng tôi sức nhớ, hỏi chị:

- Chị có đề nghị gì không?

- Ngoài việc xin vay thêm Ngân hàng phục vụ người nghèo 1 triệu đồng nữa, em đề nghị:

Miễn học phí cho các cháu con nhà nghèo.

Nhà nước miễn giảm các khoản đóng góp về mặt xã hội cho hộ nghèo.

Xã miễn các khoản đóng góp về xây dựng trường, đường, y tế cộng đồng... cho hộ đói nghèo.

Cho gia đình em được nhận một khoản tiền trợ cấp xã hội khi chồng em về thăm nhà 1 - 2 tháng/năm.

MINH HOẠ I -2: ĐÓI KINH NIÊN CỦA NÔNG HỘ BÀ B CHƯA GIẢM

Ở giữa tiểu vùng chuyên môn hoá sản xuất lúa có hệ thống nước tưới sông Chu từ đập Bãi Thượng nổi tiếng chảy về từ 1996 đã có chương trình và nhiều chính sách để cơ bản xoá nạn đói trong vài ba năm, mà cái đói triền miên còn bám chặt trong nhiều nhà nông (như nhà bà B) thì lạ thật! Khó mà tin, nếu không một, hai lần đến tận nhà để vừa thấy, vừa nghe và tìm hiểu căn kể.

“Ngoài cán bộ ở xã, tôi là người ở xa mới đến, không khỏi ngạc nhiên và đau xót khi nhìn thấy cảnh sân nhà bùn lầy ảm thấp với cái nhà tranh xiêu vẹo, trống trải, sắp đổ mất rồi! Năm đứa trẻ thơ bé dại, quần áo cũ rách, thân hình gầy gò, đang ở trạng thái suy dinh dưỡng nặng, quây quần với mẹ, với bà ngoại ngay trên chiếc giường ọp ẹp!

Tôi dạo quanh nhà, chui vào xó bếp, rồi xin phép vào cả cái buồng rách trong nhà thì không tìm thấy thóc, gạo (vì đã hết ăn lâu rồi) Không có gì đáng giá để bán được vài ba chục nghìn đồng, ngoài một chiếc giường một, một sào quần áo rách, vài ba cái nồi. Tôi hỏi:

- Để lập kế hoạch làm ăn tự xóa đói giảm nghèo trong vài ba năm tới thì nhà bà có những nguồn lực chủ yếu gì và đang sản xuất được những gì?

- Nhà tôi thì đông người, có đến 6 con gái 1 con trai, nhưng quá đói nghèo từ xa xưa nên cả nhà đều mù chữ. Có cô gái út 9 tuổi chỉ mới học được lớp một. Chồng tôi chết năm 1995, hai cô con gái thì đi “đó đây”, không rõ địa chỉ. Hiện nay, nông hộ tôi (không kể vợ chồng và 3 cháu ngoại con cô thứ năm, có 4 nhân khẩu mà chỉ có tôi (54 tuổi) là lao động chính, làm 2 sào 3 thước (1.100m²) với vài cái liềm, cuốc thô sơ lạc hậu và không có tiền mua đủ phân bón, giống mới, nên năng suất lúa thấp, hàng

năm nếu không mất mùa thì sau khi trừ các khoản phải chi, qui ra thóc (248kg) thì còn được chừng 312kg. Như vậy bình quân 6,5kg thóc cho mỗi người (312 : 4 : 12) *tương đương 4kg gạo/người/tháng.*

- Vậy bà làm sao để sống?

- Những ngày thời vụ, tôi đi cắt cỏ một buổi, một buổi gánh đi bán cho chủ có xe ngựa ở Đông Tân - cách nhà 4km, được chừng 3000đ/gánh 20kg cỏ. Cả năm cũng chỉ kiếm được chừng 100.000 đồng. Năm 1996 mất trắng vụ lúa mùa (do ngập lụt) ^(*), tôi phải bán 200m² ao liền nhà được 50.000/năm và đã bán 2 năm rồi. Nhưng cũng chẳng đủ rau cháo nên từ tháng 2/1995 đến nay đã phải vay hết 2,6 triệu đồng. Trong đó vay của tư nhân đến 2,1 triệu, phải trả lãi cao 5%/tháng, còn vay của Ngân hàng phục vụ người nghèo chỉ được 500.000 đồng với lãi suất 1,2%/tháng, từ tháng 7/1996.

- Tại sao bà chỉ làm có 2 sào 3 thước ruộng.

(*) Do kênh Tiểu Cầu Ê Trường Tế (thuộc tỉnh quản lý) không được nạo vét nên có đến 80% diện tích lúa mùa 1996 của xã Đông Minh bị ngập 12 - 15 ngày, lúa mất trắng.

Đến vụ mùa 1998 lúa Đông Minh bị hạn nặng do Kênh tưới 216A và kênh tưới B2510 chưa được Công ty Thủy nông Sông Chu bê tông hoá đến Đông Minh nên nông dân tự đào lấy nước, nước rò rỉ quá nhiều, không về đến Đông Minh. Do đó ruộng lúa của hộ đói nghèo cũng thất thu.

- Lúc chia ruộng, theo luật 1993, gia đình tôi (cháu gái thứ 3, bị người ta lừa bán đi Trung Quốc từ năm 1991) không được tính. Lẽ ra còn 7 nhân khẩu được tính chia, mỗi người một sào, thì được 7 sào (3500m²). Nhưng mới được chia có 4 sào 3 thước, còn 2 sào 7 thước không được chia với lý do tôi còn nợ sản phẩm khoán của hợp tác xã cũ là 665,5kg thóc.

Sau khi có chỉ thị 117 của UBND tỉnh (phải trả lại mặt bằng ruộng đất cho nông hộ đói nghèo có nợ sản phẩm theo bình quân của xã) thì nhà tôi lẽ ra được trả 2 sào 7 thước, nhưng xã nói cháu Đỗ Văn Trung là cháu ngoại tôi không được tính vì không khai sinh ở đây. (Mặc dầu bố mẹ cháu bỏ nhau từ khi con gái tôi mới mang thai với chồng ở xã Đông Hoà, nhưng nó trở về sinh cháu tại nhà tôi từ 1989, và từ đó đến nay tôi phải nuôi cháu. Bố lấy vợ khác, không nhìn con và đã chết, còn mẹ cháu thì cũng từ đó đi "đó đây" không địa chỉ). Thế là, xã nói chỉ còn thiếu 1 sào 7 thước và năm ngoái xã trả bằng 2 mảnh ruộng xa, xấu nên tôi không nhận.

Thêm vào đây, cần nói rõ là con gái thứ 5 của tôi lấy chồng trên Vĩnh Phú (cũ), nhưng trên đó làm

ăn cũng khó khăn nên vợ chồng bế 3 con nhỏ về nương náu trong cái nhà rách của tôi đây. Chúng nó ăn riêng, chồng đi làm thuê, vợ ở nhà nuôi 3 con và tôi giao lại suất ruộng 1 sào của nó để nó làm.

Nhà tôi đói quá nên trước và sau khi chồng ốm, chết tôi không vay mượn đâu được nữa, đành phải bán 12 thước ruộng, được 100.000 đồng và giao hẹn là sau 5 vụ (từ 1995 - 10/1997) người mua phải trả lại ruộng cho tôi. Thế mà nhà giàu mua ruộng ức hiếp bắt tôi phải trả cho họ 50.000 đồng thì mới trả lại ruộng. Cũng từ ngày ấy tôi còn phải bán lâu dài 1 sào 3 thước (600 m²) ruộng lúa với giá 600.000 đồng. Do đó số ruộng còn lại cộng với ruộng phần trăm để sản xuất hiện nay chỉ có là 2 sào 3 thước.

Nghe bà kể xong, riêng vấn đề ruộng đất, chúng tôi đã đề nghị với xã:

- Xã tìm cách trả lại "mặt bằng" - 1 sào 7 thước ruộng còn thiếu, với chất lượng hợp lý cho bà.

- Đề nghị Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay tiền để bà chuộc lại 1 sào 3 thước ruộng và 200m² ao.

Xã cần liên hệ với xã Đông Hoà để biết và bàn cách giải quyết phân ruộng cho cháu Đỗ Văn Trung.

Mới qua nghiên cứu tình trạng đói nghèo của gia đình bà cũng đã cho chúng ta thấy được 24 mối quan hệ tác động đến đói nghèo ngày càng lồng ghép vào nhau rất chặt chẽ thành những mắt xích móc nối với nhau như hình I - 1.

MINH HOẠ I - 3: NHỮNG QUYẾT TÂM LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, ĐỂ GIẢM NGHEO CỦA NÔNG HỘ BÁC LÊ CÒN LẮM GIAN TRUẬN

Kỳ Anh có tiếng là nơi thực hiện xoá đói giảm nghèo tốt. Tôi đã đến để tìm hiểu, để tận mắt nhìn thấy mối quan hệ tương tác chung, riêng, nhất là học hỏi cách làm ăn xoá đói giảm nghèo tiến lên làm giàu của một số nông hộ thuộc các nhóm có hoàn cảnh, có nghề nghiệp nông, lâm, ngư, dịch vụ khác nhau (như bác Lê Bình, chị Thừa, bác Liên, chị Lý, anh Lan, anh Tình, bác Lai, anh Tùng, anh Huân, chị Can, anh Lực, chị Bích...) ở xã Kỳ Phương, nơi đất nghèo có tiếng, thiên nhiên khắc nghiệt.

Song ở đây không thể viết tắt cả (để không dài), chỉ minh hoạ một nông hộ, sao cho về cơ bản có thể phản ánh rõ sự quyết tâm lao động sản xuất của nông hộ để tự xoá đói giảm nghèo nhưng vẫn còn gian truân. Và qua đó, trong chừng mực nhất định, có thể biết được vai trò của một số chính sách. Vậy, chúng ta hãy minh hoạ bằng nông hộ bác Lê (5/1998).

- Về lao động bao gồm số lượng và chất lượng:
Gia đình bác có hai vợ chồng và 4 con:

Bác trai: 64 tuổi, chuyên nông, mù chữ, sức khoẻ vẫn còn lao động tốt.

Bác gái: 54 tuổi, làm nông, lớp 3/10, có bệnh suyễn (nhưng chưa được cấp sổ bảo hiểm y tế).

Con: Lê An 26 tuổi, làm nông, lớp 3/10, sức khoẻ tốt, nhưng nhà được giao ruộng ít, thiếu việc làm, đói, phải lên Gia Lai làm thuê từ cuối năm 1995.

Con: Lê Thị Toàn 24 tuổi, làm nông, lớp 4/10 mới có chồng.

Con: Lê Hoàn 17 tuổi, sức khoẻ tốt, học lớp 4/12, nhưng không tiền đóng học phí đành phải thôi học, ở nhà tham gia làm ruộng, ngoài thời vụ đi làm thuê bốc vác đá, sỏi lên xe công nông, ngày công được 5.000 đồng.

Con: Lê Hào 10 tuổi, học lớp 4/12 và đang lo không tiền đóng học phí sẽ không được học, vì chưa được miễn.

- Về ruộng đất và công cụ lao động:

Ruộng đất được xã giao quyền sử dụng là 4,5 sào ($2250m^2$) cho 3/6 khẩu, bằng 50%. Còn 3 sào bị xã rút do nợ sản phẩm của hợp tác xã từ trước năm 1988 và 1,5 sào bị trừ phần con thứ tư (sinh sau mốc - tháng 1 năm 1986) là khẩu quá mốc không được chia ruộng, theo qui định của địa phương (!?).

Để tự tạo việc làm, bác đã làm đơn xin khai hoang đất đồi trọc, cách nhà hơn 2km là 8 sào ($4000m^2$) để lập vườn đồi. Nhưng không vay được vốn của chương trình dự án nào (như việc làm, kinh tế gò, đồi...) nên từ đầu năm nay bác đã đến dựng chòi làm chỗ ăn, ở và quyết tâm dùng sức lao động, công cụ thủ công: dao, rựa, cuốc và một bó cây để khai hoang suốt ngày đêm và đã kịp trồng $1500m^2$ lạc xuân và $500m^2$ sắn củ ^(1.).

^{1.} Do không được hướng dẫn cách làm đất, trồng cây trên đất gò đồi, nên bác làm luống dọc theo sườn đồi (kiểu mái nhà) để trồng sắn. Cách làm đó đã tạo thành những dòng chảy mạnh làm cho đất bị rửa trôi, xói mòn tăng lên. Mong rằng tổ chức nhận dự án kinh tế gò đồi và khuyến nông cần sớm hướng dẫn đối với bác Lê cũng như những nông hộ khác.

Còn 2000m² nữa, không vay được vốn, thuê máy kéo khai hoang theo cách đã làm để năm sau trồng lạc, sắn và sẽ trồng dưa, chè, mít...

• *Về vốn sản xuất và kết quả thu nhập:*

Vốn cho sản xuất đối với gia đình bác thật hết sức khó khăn nhưng chỉ mới được Hội Phụ nữ cho vay 150.000 đồng để nuôi một con lợn thịt (từ tháng 9/1997 đến tháng 6/1998 phải trả) với lãi suất 2% tháng.

Còn các loại vốn khác họ không cho vay, vì họ sợ không có trả (!?).

Không có vốn nên không có điều kiện thâm canh cây trồng trên ruộng, đất xấu, bạc màu, chua mặn,... nên năng suất thấp, chỉ được 100kg thóc/sào (500m²), 40 - 50kg lạc vỏ/ sào, *bằng* 1/3 - 1/2 ruộng, đất có điều kiện thâm canh. Do đó thu nhập thóc lương thực mỗi năm chỉ được 300kg (sau khi trừ chi các khoản thóc giống, một ít phân, thuế và các khoản phải nộp theo đầu sào cho 4,5 sào của 2 vụ, mà chủ yếu là vụ lúa chiêm - xuân, còn vụ mùa thì thường là có sản xuất mà không có thu hoạch ⁽¹⁾ cho 4

¹ Vì cả cánh đồng trồng 300 ha ruộng lúa của xã nằm gọn trong dự án: "Đắp đê ngăn mặn, đắp Đê Đông Quân từ 5-7km, hệ thống kênh mương tưới tiêu, thay chua rửa mặn... nhưng chưa được triển khai.

người ăn trong năm (trừ 1 con đã đi lấy chồng, 1 con đi làm ăn ở xa), hàng năm phải thiếu đến 8 tháng ăn.

Còn 2 sào đất vườn nhà là đất sỏi đá, bạc màu mới được xã giao và chuyển nhà từ thôn khác đến theo dự án chuyển cư và ổn định tái định cư của Trung ương và Tỉnh (Hội làm vườn của T.W và tỉnh là chủ quản), nhưng không vay được tiền của dự án và cũng không được hướng dẫn để cải tạo vườn tạp nên chưa tìm được cây kinh tế gì thích hợp để trồng. Năm nay, trong vườn nhà có trồng 1 sào lạc cộng với 3 sào lạc nơi đất đồi mới khai hoang, nhưng không tiền mua phân để bón nên rất ít củ, may ra sẽ được gần 2 tạ, ước bán được chừng 600.000 đồng. Nhưng để có cái ăn tiếp tục khai hoang, sản xuất nên đã vay tiền trước của người buôn lạc là 600.000 đồng rồi. Dĩ nhiên là phải bán cho họ với giá rẻ. Mỗi năm cố gắng lắm mới nuôi được một lợn thịt 50kg, bán được chừng 400.000đ. Trừ tiền mua con giống và một ít thức ăn, còn thu nhập được chừng gần hai trăm nghìn với một ít phân. Vì vậy do thiếu đói quá nên phải vay của tư nhân 500.000 đồng với lãi suất cao là 3,5%/tháng. Trong khi đó nhà dột, tường đất, cột xiêu sắp sập

mất rồi nếu có cơn gió ập đến! Còn tư trang trong nhà, chỉ có 3 tấm ván làm phản nằm, một rương đựng thóc nhưng không có thóc, một chăn chiên và một số quần áo cũ rách. Cuối cùng, hai bác thật thà đề nghị:

- Mong sao được Ngân hàng người nghèo cho vay 5 triệu đồng với lãi suất thấp để có:

- 2 triệu cho sửa chữa nhà dột, sắp đồ để có chỗ nường thân lúc nắng, mưa.

- 3 triệu dùng cho sản xuất, trong đó:

+ Mua một bò cái tơ 2 năm tuổi để nuôi thành bò đẻ, phát triển bò thịt trên vườn đồi (kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, kết hợp người chăn giữ bò với quản lý vườn đồi) là 1 triệu đồng.

+ Trồng cây ăn quả: na, dứa, chuối, đu đủ, chè xanh và mít xung quanh vườn đồi gắn với cải tạo đất bạc màu, chống xói mòn (có độ dốc từ 4 độ - 20 độ) theo hướng thâm canh từ đầu là 1 triệu đồng.

+ Cải tạo vườn tạp (nơi mới định cư) và phát triển chăn nuôi lợn là 1 triệu đồng.

Thiết nghĩ để lập kế hoạch làm ăn, phát triển sản xuất, tự xóa đói giảm nghèo và tiến lên xóa nghèo bền vững như tình cảnh và chí quyết tâm

của gia đình bác Lê như đã được minh hoạ ở trên là một thực tế, giúp ta nhiều suy ngẫm. Đặc biệt là suy ngẫm về một hệ thống chính sách đã có. Nó đã đưa đến cho gia đình bác - cũng như bao gia đình đói nghèo khác - những quyền lợi gì? Và chúng ta đã làm sai những gì? Viết tới đây, tôi tự cảm thấy mình cũng có tội với bà con nông dân đang còn quá đói nghèo. Và đề nghị của bác là rất đáng suy ngẫm để xem xét giải quyết.

Tin rằng, nếu các chính sách xoá đói giảm nghèo được thực hiện tốt, bác Lê được hướng dẫn kế hoạch làm ăn có khoa học, theo qui trình công nghệ tiên bộ phù hợp với cây trồng, vật nuôi trong hệ sinh thái kinh tế - tự nhiên ở đây thì chắc chắn rằng bác sẽ vượt qua gian truân trên con đường XDGN và sẽ xoá nghèo bền vững để từng bước tiến lên khá giả.

MINH HOẠ I - 4: THANH SƠN ĐÓI ^(*)

Phóng sự của TIẾN THẮNG

Mới đặt chân đến huyện miền núi Thanh Sơn (Phú Thọ), tôi được ông trưởng Phòng Nông nghiệp

¹ Trích, NNVN 2 - 5/4/1998, L.T

- Phát triển nông thôn và bà Chủ tịch Hội Nông dân huyện cung cấp một tin không mấy vui: Ở thời điểm này, toàn huyện có tới 4.255 hộ, với 21.394 nhân khẩu trong tổng số 29.702 hộ nông dân bị đói lúc giáp hạt; trong đó có 2.196 hộ, với 11.209 nhân khẩu đang thuộc diện đói, không còn khả năng lo lương thực, nên đã bị đứt bữa, 5 xã vùng cao, cùng 28 xóm lao động của đồng bào dân tộc là nơi bị đói gay gắt nhất. Xóm Hà Thạch, có 30 hộ trong tổng số 71 hộ, hiện cháo sắn cũng không có đủ ăn! Tôi hết sức sửng sốt, vì mấy vụ nay Thanh Sơn không bị mất mùa, cố sao giáp hạt này lại đói và diễn ra trên bình diện rộng như vậy? Bởi thế cho nên tôi quyết định xuống dân để rõ thực hư và thử tìm lời giải đáp.

Nhà đầu tiên tôi ghé thăm là gia đình anh Đình Hữu Ân ở thôn Đồng Cốc. Tôi không dám tin vào mắt mình khi nhìn thấy cái gọi là nhà của gia đình anh. Trông nó chỉ rộng hơn túp lều vệt ở quê tôi, còn cũng tuềnh toàng, xiêu vẹo như thế. Nhìn sang các nhà hàng xóm ở trong thôn cũng chẳng khá gì. Đã gần 6 giờ tối, đêm miên núi bắt đầu ập xuống, nhưng bếp nhà anh vẫn ngועi ngất. Tôi ái ngại

hỏi: "Sao chưa chuẩn bị bữa tối à?" Khuôn mặt hốc hác bỗng trầm xuống, anh đáp: "Chả giấu gì các bác, còn phải đợi nhà em và các cháu đi rừng về xem có tiền đóng gạo không?". Gia đình anh đã bị dứt bữa gần hai tháng nay. Trong nhà, ngoài vườn không còn một thứ gì có thể bán được để mua lương thực, nên vợ chồng anh cùng ba cháu nhỏ phải lên rừng lấy củi, khai thác vầu, nứa, làm dăm giấy sợi bán. Mỗi ngày đi rừng từ tỉnh mớ đến tối mịt cũng kiếm được 15.000 - 20.000đ, song rất thất thường, vì kiếm lâm bất gát lắm. Bởi thế cho nên, hôm nào kiếm được thì nổi lửa, còn không thì... Ở thôn Đồng Cốc và vài thôn lân cận, mỗi thôn có vài chục nóc nhà, giáp hạt này nhà nào cũng vậy (...).

Trước lúc tôi ra về, ông chánh văn phòng UBND huyện thông báo một tin vui: Trước thực trạng cái đói tháng ba đang hoành hành ở Thanh Sơn, UBND tỉnh Phú Thọ đã quyết định cứu trợ khẩn cấp cho 967 hộ thuộc diện đói gay gắt ở 5 xã vùng cao và 28 xóm lao động của đồng bào dân tộc với mức 200.000 - 300.000đ một hộ và cho các hộ vay 310 triệu đồng không tính lãi để phát triển sản xuất, giải quyết lương thực tại chỗ trong các vụ tới.

Dầu đây chỉ là giải pháp tình thế, song cũng làm vơi đi cái đói lúc giáp hạt của người dân.

Tin rằng với quyết tâm cao và bằng nhiều biện pháp hữu hiệu của lãnh đạo tỉnh, huyện, xã với sự nỗ lực của 21 dân tộc anh em chung sống trên đất Thanh Sơn sẽ hợp lực tiến công- đẩy lùi đói nghèo trong những năm tháng tới và nhất định sẽ tiến lên khá, giàu.

MINH HOẠ I - 5: ĐÓI Ở PHÚ MÃN (*)

NGHIÊM THỊ HẰNG

Xã Phú Mãn huyện Quốc Oai (Hà Tây) chỉ cách đường quốc lộ Xuân Mai 5 km đi sâu vào chân núi Vua Bà. Tuy là xa miền núi nhưng vẫn có đường ô tô vào đến các thôn bản. Đi xe máy dọc đường vào xã cũng thấy nhiều nhà ngói, vườn cây. Nghe ông Bùi Văn Tạng chủ tịch xã Phú Mãn cho hay 76% số hộ trong xã hiện giờ không còn thóc gạo ăn, tội không tin.

*. Trích, NNVN: 7 - 10/5/1998, L.T

Gửi xe máy ở xóm Trán Voi, chúng tôi đi bộ hơn 3km đến thôn Làng Trên - một thôn nghèo nhất xã, đa số nhà dân ở đây tranh tre vách đất lụp sụp. Thôn Làng Trên và thôn Đồng Võ vào thời điểm này có tới 97 - 98% số hộ thiếu ăn, trong nhà, ngoài vườn không có gì xoay sở ra tiền, chỉ còn cách vào rừng lấy củ bán.

Chúng tôi đến nhà ông Bùi Văn Mua 58 tuổi, nhà của ông khá hơn nhà "chị Dậu" một chút bởi tường được xây bằng thứ đá hộc dưới chân núi, chủ nhà nhất về xây bằng vữa bùn, mái gianh dột nhìn thấy trời, nắng mưa thả sức vào nhà. Vợ ông Mua đã mất, những người con lớn ở riêng, nhà chỉ có 3 bố con, người con lớn đi làm thuê bên bãi đá Hoà Thạch, đứa nhỏ học phổ thông. Ông cấy 3 sào ruộng, mùa vừa qua được 3 tạ thóc, trả nợ mất tạ rưỡi còn ăn đến trước tết hết thóc. Gia đình ông năm nào cũng thiếu đói như thế, phải sống nhờ đi củ tới 8 - 9 tháng một năm. Hộ anh Bùi Văn Bịp cũng tranh tre vách đất xiêu vẹo. Anh là người nơi khác đến ở rể, hai vợ chồng hai con nhỏ chỉ có một suất ruộng cấy, thóc ăn không đủ 3 tháng, còn thì chồng làm thuê, vợ lấy củ, họ vác rá đi đong gạo, vay gạo quanh năm.

Qua nhà bà Đinh Thị Lân 58 tuổi, một gia cảnh cổ cùng ở thôn Trán Voi. Nhà bà là 3 gian nhà tre, tường thủng, mái gianh dột nát dăm dui đầy mo cau, giấy dầu mà trong nhà vẫn trông thấy trời xanh.

Chủ nhà phân bua về sự nghèo đói của gia đình: Nhà tôi 7 người chỉ có 4 sào ruộng vì phải trả hợp tác xã mất mấy sào do thiếu thuế thiếu sản phẩm. Năm ngoái lúa gặt về trả nợ rồi chỉ ăn được 1 tháng, từ bấy đến nay cả nhà phải đi lấy củi. Đòi tôi lấy củi đến già, giờ lại đến lượt các con. Củi kiếm bây giờ không dễ, rừng gần đã đốn hết, phải vào sâu. Một gánh củi cũng chỉ bán được 8 - 10 ngàn đồng dong gạo, cũng may, nhờ thế mà chúng tôi chưa chết đói.

Tôi nhìn mái nhà dột nát ái ngại hỏi:

- Bao giờ nhà ta sửa lại nhà?

- Gạo chẳng có ăn, lấy gì mà sửa nhà, cứ ở vậy thôi.

Trở lại UBND xã, ông chủ tịch xã cho biết số gia đình làm kinh tế khá không nhiều, nhưng thực hiện sinh đẻ có kế hoạch thì cả xã đều khá, tỷ lệ phát triển dân số đạt 1,5%. Anh nói vui: Đói dài thế này mà đẻ nhiều rồi núi Vua Bà cũng nhẵn cây nhãn cổ, chẳng thể cứu nổi dân đói. Thiếu đói là

vậy, danh sách đã kê khai rồi, dân đang dứt bữa chờ mong cứu trợ của Nhà nước chẳng khác gì đồng hạn mong mưa...

Thế mới biết, xoá đói giảm nghèo là một công cuộc gian khổ đòi hỏi phải mất nhiều năm tháng.

MINH HOẠ I - 6: KRÔNGPA - NHỮNG NGÀY THIẾU ĐÓI (*)

Phóng sự của TRẦN ĐĂNG LÂM

Dưới cái nắng như thiêu như đốt, tôi đến với những xã bị đói nghiêm trọng. Tại xã Ia M'lá phó chủ tịch Rơ Rôlênh cho biết: Cả xã có 288/409 (70,4%) hộ bị đói, mất trắng 70% diện tích cây nông nghiệp vụ Đông Xuân vừa qua. Hiện tại bà con đang chờ mưa để trả lúa và 6 tháng nữa mới được ăn hạt gạo của vụ mùa. Vậy từ nay đến cuối năm, bà con ăn gì để sống?

Tôi đến gia đình anh Rơ Lan Minh và chị Ksor H'Đoà ở buôn Chỉnh Đơn, Anh chị có 4 con: Con gái lớn 12 tuổi, con trai út vừa tròn 1 năm. Đã hơn sáu giờ chiều mà các vị "táo quân" đang run

*. Trích, NNVN: 9 - 12/7/1998, L.T.

lên cầm cập vì lạnh, bếp chưa được nổi lửa (mà nổi lửa thì để nấu cái gì đây?) Căn nhà 10m² rách nát với 6 con người ta trông vắng đến lạ thường. Trong nhà chẳng có gì để đem đi bán: Lũng lảng vài quả bầu khô trên vách, dăm quả bắp (có lẽ là bắp giống) treo trên gác bếp, can nhựa đựng nước, mấy tấm áo quần (tạm gọi là quần áo) thì rách nát, vài cái nồi không chống chọi, buồn bã... anh mình bị loét dạ dày rất nặng, chỉ ở nhà trông ba đứa nhỏ. Con bé gái H'Lan thì theo mẹ vào rừng đào củ mài "Vợ tao nó vào rừng từ sáng, giờ chưa thấy về", anh Minh nói với tôi như vậy. Vừa dứt lời thì chị H'Doạ về. Chiếc gùi nặng nề đè lên tấm lưng gầy guộc như muốn dính sát vào cầu thang sàn nhà. Tưởng nặng, tôi chạy ra đỡ nhưng đếm đi đếm lại, trong gùi không quá 7 củ mài (đến nay tôi mới được biết củ mài). Ba đứa nhỏ, mỗi đứa chia nhau một củ chạy vào nhà. Chị H'Doạ bế đứa bé nhất cho bú trước mặt khách. Người Tây Nguyên có câu: "Tốt khoe, xấu che". Phải chăng chị đang khoe cái bộ ngực lép kẹp của mình? Còn thằng bé, chẳng biết nó có tìm được gì trong bộ ngực cằn khô ấy không? Tôi bật diêm cho anh Minh nhóm bếp rồi chào anh chị ra về, không dám chia sẻ một lời động viên. Chúng tôi lại đến một vài nhà khác, tất cả đều như vậy.

Quay về huyện, tôi nhận được một tin vui: Mới đây, tỉnh đã hỗ trợ 217 triệu đồng cho huyện, giúp đồng bào tạm thời giải quyết cái đói trước mắt để yên tâm sản xuất vụ mùa.

Những "bữa cơm" với củ mài, củ khoai của người Krông Pa cứ ám ảnh tôi suốt tuyến đường trở về Pleiku (...). Tôi thấy mình có tội với người dân Krông Pa.

MINH HOẠ I - 7: NƠI CÁI ĐÓI NGHÈO BÁM MÀI (*)

Phóng sự của NGUYỄN LÊ

Những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 nắng nóng, khô hạn, tôi có dịp đi cùng cán bộ của Công ty chế biến - kinh doanh lương thực - thực phẩm Đồng Nai đến một số vùng sâu, xa, khu căn cứ kháng chiến cũ, vùng dân tộc ít người thuộc tỉnh Đồng Nai.

(...) Chúng tôi đến xã Xuân Hưng (Xuân Lộc).

Xuân Hưng tuy không phải là xã vùng sâu, nhưng là xã vùng xa của tỉnh Đồng Nai. Xã có diện tích tự nhiên 10.048 ha, trong đó có đất nông

* Trích, NNVN: 1 - 3/6/1998, L.T.

nghiệp 1800 ha, nhưng chỉ có 420 ha đất trồng lúa một vụ, trông chờ vào nước trời, năng suất thấp, bình quân đạt 15 - 18 tạ/ha.

... Trên đường đến ấp 4, một trong 2 ấp nghèo nhất trên tổng số 5 ấp của xã, phó công an xã cho biết: Từ tết Nguyên đán đến nay, công an xã đã cấp giấy tạm vắng cho 700 lượt người đi kiếm việc làm ở Biên Hoà và TP.HCM... Còn những người ở nhà phải ra đồng lượm phân bò để bán. Mỗi ngày kiếm được chừng 3 bao (mỗi bao 50kg), bán được từ 4 - 5.000đ/bao. Nhưng phân bò lượm mãi cũng không còn.

Gia đình chị Xa Lay Mách có 5 nhân khẩu: hai vợ chồng và 3 đứa con, đứa lớn 11 tuổi, đứa nhỏ lên 3. Nhà không ruộng làm. Vợ chồng phải làm mướn làm thuê. Được bữa nào xào bữa đó. Nhìn căn nhà một gian, dột nát, xiêu vẹo, trống trụinh trước sau. Trong nhà không một vật gì dùng đáng giá, chỉ có 2 cái gọi là giường gỗ long mộng, chiếc mùng lưới bạc phếch, lễ chỗ và hoen khói bụi, một mớ quần áo các kiểu ngổn ngang trên giường.

- Chồng chị đi ở đâu ? - Tôi hỏi

- Anh đi dọn cỏ mướn. Ai mướn gì thì làm. Ngày được trả công 15.000 - 17.000đ. Ngày không ai mướn cơ cực lắm, cán bộ ơi...

Đứa con gái 3 tuổi của chị mặt mày lem luốc, ngồi trong lòng mẹ lấm lét nhìn chúng tôi, có lẽ đây là lần đầu tiên nhà có nhiều khách lạ đến hỏi thăm!

Gia đình anh Yhanes, một vợ 5 con. Thấy chúng tôi đến, anh dừng tay đưa vớng cho con.

- Bữa nay anh không đi làm à?

- Không. Đã 6 năm nay tôi phải ở nhà trông cháu. Cháu bị bệnh tim bẩm sinh. Bác sĩ bảo phải mổ. Nhưng lấy đâu ra tiền mà mổ. Đến miếng cơm ngày hai bữa còn kiếm không đủ ăn...

Nhìn đứa bé 6 tuổi mà chỉ bằng đứa lên 3, nằm bất động trên vớng, gương cặp mắt lơ đờ, bệnh hoạn nhìn khách, tôi thấy thật ái ngại.

- Chính quyền không quan tâm đến các hộ này sao?

- Có chứ. Gia đình tôi thuộc diện trợ cấp thường xuyên của xã. Ngoài ra, trước đây hợp tác xã còn

cho nuôi bò. Nhưng được vài ba tháng, khó khăn quá, nên bán mất rồi. Bò trị giá 1,5 triệu bán được 800.000 đồng.

Trưởng ấp Lê Văn Nết giải thích: Nhà nước phân cho dân ấp 4 nuôi 100 con bò (theo Dự án 61). Nay còn 7 - 8 con, vì người nuôi túng quá bán hết. Dân tộc chúng tôi không được như người Kinh. Họ thiếu tính năng động, lại nặng nề về tính quần thể. Họ khó thích nghi trước hoàn cảnh thay đổi... Ấp tôi còn nhiều gia đình thương tâm như gia đình mà các anh đã đến. Cả ấp có hơn 320 hộ dân tộc Chăm và Stiêng thì đã có 154 hộ nghèo khổ, 32 hộ đói...

Được biết chương trình 135 sẽ triển khai đến xã. Và trước mắt, cuối năm 1998, khi hoàn thành dự án đập nước Yana thì sản xuất nông - lâm xã Xuân Hưng sẽ phát triển, phần lớn nông hộ nếu được hướng dẫn lập kế hoạch làm ăn thì sẽ thoát đói nghèo; một số có điều kiện sẽ giàu lên. Vì tiềm năng đất ở đây còn nhiều.

MINH HOÀ I - 8: ĐẤT NGHÈO NUÔI (*)

TRỌNG ĐÀM

Cũ này năm trước, mất mùa bị đói tỉnh N phải xin trợ cấp Trung ương. Đoàn công tác của Bộ Lao động - TBXH về các huyện N, G... đến gõ cửa 9, 10 nhà thì có tới vài ba nhà đói. Sau một năm tôi trở lại. Chẳng có gì sáng sủa hơn. Theo tiêu chuẩn Nhà nước, hộ nghèo bình quân 15kg gạo/người/tháng, hộ đói 13kg. Thế nhưng Zêrôkg là hộ gì? Những đứa trẻ nhà nghèo quên cả tên bố mẹ chúng.

Tỷ lệ đói nghèo năm 1996 ở huyện G được xác định là 26%. Năm 1997 giảm xuống còn 22,2%. Có nhiều xã "đói đặc biệt": Gia Lạc 55,5%, Gia Hoà 46,8%, Gia Phong 40,7%... Năm ngoái, người dân ở các xã này phải bán hết cả trâu, bò, lợn... để lấy tiền đóng gạo vượt qua trận đói. Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G cho biết: Lịch sử lập huyện này là lịch sử chống đói nghèo, giành giật từng vụ lúa từ thiên nhiên. Trước năm 1960, huyện chưa có

*. Trích. NNVN: 23 - 25/3/1998, L.T.

đê bao chỉ cấy một vụ, cái dúi treo lơ lửng từng nhà. Rồi đắp đê, cấy hai vụ bắp bênh, năng suất lúa đưa từ 50kg, lên 200kg/sào, vẫn chưa hết dúi. Ở một huyện lúa, nhưng lúc nào cũng lo canh cánh hạt gạo. Nói đến huyện G, là nói đến "rốn" nước của tỉnh N.

Nhưng không ngờ Gia Hưng còn nghèo đến thế. Rẽ vào một hộ của HTX Hoa Tiên, gặp 2 đứa trẻ nhỏ nhem đang ngồi... đuổi ruồi cho nhau. Chúng lơ ngơ, đến cả tên bố mẹ cũng không nhớ.

Nhớ lại những buổi sáng làm việc ở huyện, ông Trưởng phòng Lao động Thương binh Xã hội nói với tôi: Tiêu chuẩn bình xét hộ nghèo 15kg gạo/tháng/khẩu, hộ dúi 13kg. Nhưng đấy là bình quân, còn thực tế, những tháng giáp hạt họ chẳng có ki-lô-gam nào...

Theo chân anh xã đội trưởng Gia Lạc chúng tôi vào hộ ông Nguyễn Văn Chì ở xóm Đông Thắng, thôn Lạc Khoái. Căn nhà lụp sụp, móc thếch, tài sản không có gì ngoài chiếc đồng hồ Gimikô và 3 chiếc chõng tre đã cũ. Con gái ông cỡ ngót 40 tuổi chưa có chồng chỉ cho tôi số thóc ước chừng 1 tạ mà

cả gia đình 5 nhân khẩu phải sống 3 tháng nữa. Tôi hỏi "Hết thóc lấy gì mà ăn?" Chị trả lời "Đi vay". Sau tôi mới hay, nhà chị đi vay giạt thường xuyên, nên cái lẽ hết rồi vay là chuyện "cơm bữa" có chi mà lo. Ra về, tôi ngó vào chuồng lợn. Vâng, nhà này còn thú "động sản" cuối cùng là con lợn 20kg.

Rẽ tiếp vào hộ ông Đào Văn Vọng một người đang mắc nợ Ngân hàng tới 4 triệu đồng do nuôi cá bè thất bại. Lúc đầu ông vay tiền nuôi một bè, thấy cá lớn nhanh như thổi ông nuôi tiếp hai bè nữa. Một buổi sáng, cá chết nổi trắng cả bè. Ông trắng tay, trở thành con nợ của Ngân hàng. Cũng may, mỗi tháng còn hơn 200.000 đồng lương hưu, nên cả nhà không đến nỗi đứt bữa. Tuy nhiên, 2 con ông đã phải khăn gói đi làm thuê.

Đói nghèo và bài toán xóa đói giảm nghèo vẫn là thách thức trong 5 năm qua. Bằng mọi nguồn vốn, huyện N mới xóa đói giảm nghèo được cho 1.161 hộ, tức khoảng 5.000 người, trung bình mỗi năm 1000 người. Và hiện tại với ngót 30.000 người đói nghèo có lẽ huyện N cần 30 năm nữa? (Trích đoạn NNVN 23 - 25/3/98, L.T).

Nhưng, không. Vì từ các cấp lãnh đạo đến từng người dân ở đây đang quyết tâm tìm biện pháp hữu hiệu để tấn công đói nghèo một cách bền vững, thực hiện tốt các mục tiêu mà chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo đã đề ra.

MINH HOẠ I - 9: MỘT TRONG NHỮNG NÔNG HỘ TÍCH CỰC SẢN XUẤT CHỐNG ĐÓI NGHEO GIỮA VÙNG CHUYÊN CANH SẢN XUẤT LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Nhiều lần trong nhiều năm, chúng tôi đến thăm và tìm hiểu tình cảnh đói nghèo của nhiều loại nông hộ ở một số xã thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ. Ở đây xin minh họa tình cảnh một trong số đó là một hộ trước đây có 5 con, một mẹ già và hai vợ chồng làm ăn thuộc loại khá, chủ nông hộ nguyên là một đảng viên và đã từng làm trại trưởng trại chăn nuôi lợn của Hợp tác xã. Thế nhưng từ năm 1986 đến năm 1994 sa vào cảnh nghèo đến đói gay gắt, hàng năm thiếu ăn 8 tháng, phải vay nhiều nợ

nặng lãi. Rồi, từ năm 1994 đến 1998, gia đình bác đã và đang cố gắng gượng dậy, trong đó có sự hỗ trợ của chính sách xoá đói giảm nghèo mà lãnh đạo đương thời ở xã Kim Anh, tỉnh Hải Dương gần đây đã quan tâm giải quyết, tạo "cần câu" cho người "đi câu". Kết quả là sau 5 năm gia đình bác Nguyễn đã giảm được tình cảnh đói nghèo xuống, còn 60% so với 1994.

Để hiểu rõ được tình cảnh, nguyên nhân của đói nghèo và quá trình thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo, chúng tôi xin minh hoạ:

Tháng 7/1994:

Gia đình bác có 2 vợ chồng và 5 con. Hai con đã lấy chồng, một con là bộ đội. Hiện có mặt trong gia đình là hai vợ chồng bác đang ở tuổi lao động và hai con ở tuổi 19 và 15, cháu lớn học hết lớp 5 đã thôi học để ở nhà làm ruộng. Như vậy nhà có 4 nhân khẩu, trong đó có 2 lao động chính, 2 lao động phụ. Gia đình bác vốn là người xưa nay cần cù lao động.

Nhưng hiện nay chẳng những cái ăn đã hết ăn lâu rồi, đang lần lữa, chưa biết vay mượn ở đâu để ăn trong hơn hai tháng nữa. Đợi đến mùa, mà còn nợ của HTX đến 17 tạ thóc và nợ vay Ngân hàng là 700.000 đồng, nợ tư nhân 700.000 đồng và 2 tạ thóc. Do đó trong số 7 sào ruộng lẽ ra nhà bác được quyền sử dụng thì đã bị HTX rút "treo" 3 sào.

- Vì sao nhà ông bị nợ nhiều thế - để đến nỗi HTX phải rút đi 3 sào ruộng? - Tôi hỏi.

- Nợ nhiều vì mấy năm qua nhà tôi liên tục gặp bất hạnh:

+ Mẹ (mẹ của 1 con là liệt sĩ - em tôi hy sinh) ốm kéo dài 8 năm liên vì lao phổi và phong thấp khớp mới mất, mới lo tang! (Chúng tôi phải lo chu đáo cho mẹ, biết rằng về chính sách trợ cấp cho mẹ liệt sĩ từ 1972 là 5 đồng/tháng, đến trước lúc mẹ chết mấy tháng mới được tăng lên 24.000đ/tháng).

+ Vợ ốm 2 năm nay vì dạ dày và phong thấp!

+ Một cháu gái bị đau gan, phải chạy chữa cho cháu mới lấy được chồng!

Vì tình cảnh đó nên phải vay tiền chịu lãi nặng đến 6%/tháng và vay thóc 1 tạ phải trả thành 1,5 tạ. Trong khi đó lại bị HTX rút đi 3 sào ruộng - bằng 42% số ruộng lẽ ra được sử dụng. Vì vậy đã nợ càng thêm nợ, đã nghèo đói càng thêm cảnh đói nghèo.

- Vậy nhà ông có nguyện vọng gì?

- Yêu cầu xã và Nhà nước quan tâm giải quyết 3 điều:

1. Xin khất nợ (1700kg thóc - nợ cũ) của HTX.
2. Xin lại 3 sào ruộng mà HTX đã rút để canh tác - để sinh tồn và trả nợ cho HTX.
3. Xin Nhà nước cho vay một khoản tiền dài hạn (chừng 4 triệu, 3 năm) với lãi suất thấp để cải tạo ao, vườn và chăn nuôi theo mô hình VAC!

Đến nay, tháng 9 năm 1998.

Các đề nghị của bác về cơ bản đã được giải quyết và kết quả:

- Về vốn sản xuất: Do tập thể lãnh đạo xã đề nghị, bác đã được Ngân hàng phục vụ người nghèo cho vay 1,5 triệu đồng, lãi suất 0,8%/tháng và Quỹ Hỗ trợ nông dân nghèo của xã cho vay 500.000

đồng lãi suất 0,8/tháng. Nhờ có vốn, bước đầu bác đã phát triển được kinh tế VAC, nhận khoán gọn 2 sào ruộng xấu của tư nhân, trả được phần nợ vay nặng lãi của tư nhân. Và kết quả là tình cảnh đói nghèo đã giảm xuống. Nếu mức đói nghèo 1994 là 10 thì nay còn 6. Nợ vay nặng lãi của tư nhân còn 700.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng.

- *Về nợ:* Nợ tiền hiện nay tổng số như đã nêu ở trên là 2,7 triệu đồng. Nợ sản phẩm cũ của HTX 17 tạ thì cuối 1996, xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình, UBND xã đã quyết định xóa cho gia đình bác 10 tạ, còn 7 tạ thì bác trả cho xã với giá là 1250đ/1kg thóc.

- *Về việc xin lại 3 sào ruộng* mà HTX đã rút (theo nghị quyết 03 của tỉnh) thì theo đ/c Trần Văn Hào chủ tịch UBND xã cho biết, theo đề nghị của UBND xã thì HTXNN và cơ sở thôn sẽ trả lại 3 sào ruộng cho bác vào vụ lúa xuân 1999. Như vậy, 3 đề nghị của bác Nguyễn tháng 7/1994 (cũng là những đề nghị trực tiếp của chúng tôi - Xem Báo Nhân dân ngày 29 - 10 - 1996, và Tạp chí Cộng sản số 24 năm 1996) về cơ bản đã được lãnh đạo xã Kim Anh

xem xét và giải quyết. Điều đó đã có tác dụng rất lớn đối với gia đình bác Nguyễn cũng như đối với những nông hộ nghèo khác - là giúp họ "cân câu" để họ có điều kiện tự xoá đói giảm nghèo (mặc dù giải quyết đó có chậm và vốn của Ngân hàng người nghèo cho vay còn có giới hạn). Mong rằng, các địa phương khác nếu chưa giải quyết thì coi đây là bài học về việc thực hiện chính sách đối với người đói nghèo cần phải được thực hiện.

MINH HOÀ I - 10: ĐÓI NGHÈO ĐẾN BAO GIỜ ? (*)

Đó là một câu hỏi trong số những người nông dân quá đói nghèo ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hỏi - làm cho chúng ta phải trầm trồ, đặt mình trong hoàn cảnh sống cụ thể của họ và có tâm huyết để cùng họ tìm biện pháp hữu hiệu thì mới có thể từng bước tháo gỡ được.

Suy ngẫm như vậy, sau khi khảo sát nhiều nơi ở ĐBSCL, chúng tôi mạnh dạn nêu ra đây mấy gia đình khi chúng tôi đến ấp Đa Hoà, xã Hoà Lợi.

* Trong bài này có một số tư liệu của nhà báo Anh Kiệt. Báo Nông nghiệp Việt Nam từ: 22 - 26/4/1999.

(huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) - có thể phản ánh cho một số nông hộ ở một số địa phương còn quá khó khăn.

Hộ đầu tiên chúng tôi đến một cách ngẫu nhiên là một nhà chòi, dựng bằng tre, che bằng lá. Nhà có 9 nhân khẩu (hai vợ chồng và 7 con). Trong nhà không có gì đáng giá... Lúc chúng tôi bước vào nhà, thấy 4 - 5 đứa trẻ đang ngồi quanh nồi cơm nguội vét lại những hạt cơm còn sót. Thấy chúng tôi, các cháu ngơ ngác. Tôi hỏi:

- Các cháu không đi học à?
- Dạ không có tiền đi học.
- Thế biết đọc, biết viết chưa?
- Dạ chưa.
- Ba má các cháu đi đâu?
- Dạ.. dạ... đi đâu đó... không biết.

Một lúc, mẹ các cháu về và tiếp chúng tôi. Chị kể: "Nhà tôi không có một công ruộng nào mà có đến 7 người con, nên hai vợ chồng phải đi bán máu không biết bao nhiêu lần để cầm cự với cái đói? Đói nghèo đến bao giờ?". Rồi chị kể nhiều chuyện

thương tâm của nhiều người khác nữa! Chúng tôi xúc động và không thể hỏi gì thêm!

Chúng tôi đến nhà thứ 2 ở một ấp khác, chủ nhà là bà Sơn Thị Thà. Bà kể: Gia đình tôi quanh năm đi làm thuê làm mướn, tiền công thấp nên cũng không đủ ăn. Đến thời kỳ giáp hạt phải ăn cháo cầm hơi.

- Nhà bà không có ruộng, không được phân chia ruộng ư?

- Trước đây có 2 công, nhưng làm ăn thua lỗ đã phải gán đất. Nhà tôi lại đông con cháu quá... Mà "không có đất càng lâu thì tình cảnh đói nghèo càng trở nên tồi tệ hơn...".

Chúng tôi cúi đầu chào bà và lặng lẽ đến một số nhà khác thì cũng có tình cảnh tương tự.

Trở về huyện, theo thống kê của UBND huyện cho biết, đến cuối tháng 1/1999, ở 2 xã Hoà Lợi và Phước Hảo có 541 hộ thì có đến 210 hộ (gần 40%) có tình cảnh như những hộ chúng tôi đã đến.

Qua tìm hiểu giải pháp thì biết chính quyền huyện cũng đã có nhiều biện pháp để thoát đói nghèo cho dân như: cho vay vốn ưu đãi để trồng

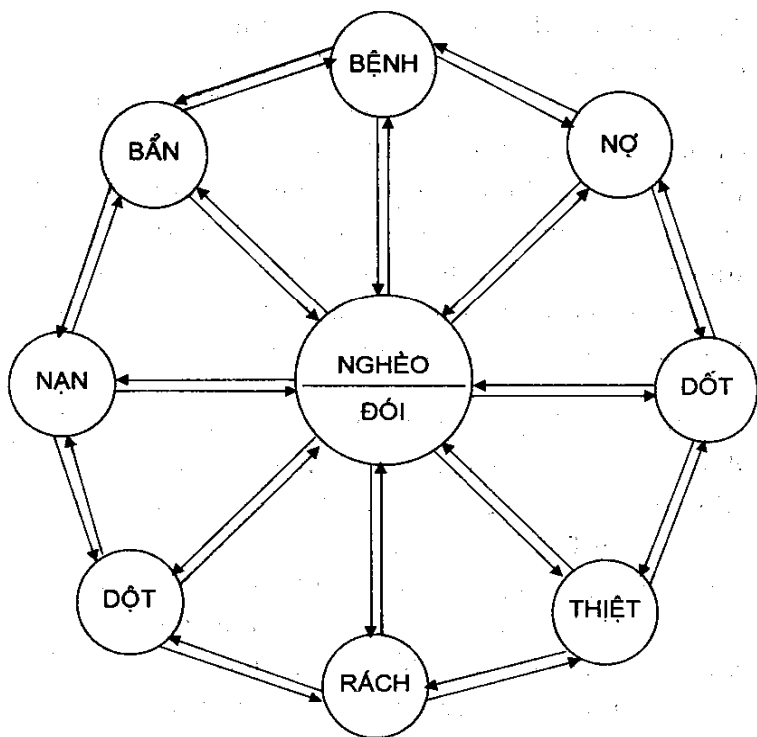
trọt, chăn nuôi, buôn bán nhỏ và đang có dự án di dời một số hộ ở Đa Hoà đến nơi có đất, có điều kiện phát triển sản xuất để thoát nghèo. Nhưng là một huyện nghèo còn khó khăn về vốn nên chưa thực hiện được. Do đó, cho đến nay, cái nghèo vẫn còn đeo bám mãi họ!

Qua những minh hoạ về tình trạng đói nghèo của một số nông hộ từ đất Thanh vào Kỳ Anh - Hà Tĩnh của miền Trung, ngược lên huyện Thanh Sơn, miền núi Phú Thọ, rồi theo đuôi Trường Sơn từ xã Phú Mãn, Hà Tây lên huyện KRôngPa - Tây Nguyên, xuôi xuống xã Xuân Hưng - Xuân Lộc là xã vùng xa, khu căn cứ kháng chiến cũ của Đồng Nai thuộc miền đông Nam Bộ và trở ra địa đầu của vùng đồng bằng sông Hồng ta gặp những hộ đói nghèo ở một huyện nghèo Gia Viễn, tiếp theo thọc sâu vào giữa vùng chuyên môn hoá sản xuất lúa ở một xã khá giàu, gần cuối của vùng đồng bằng sông Hồng ta cũng thấy còn nhiều hộ đói nghèo. Và cuối cùng, chúng ta đến vùng đồng bằng sông Cửu Long, có hộ còn đói nghèo khá gay gắt. Chúng hợp thành bức tranh phản ánh toàn cảnh thực trạng nông hộ còn đói nghèo ở nông thôn hiện nay.

Trong đó, có những hộ vừa do không có nguồn lực cá nhân thoả đáng bởi gặp nhiều điều bất hạnh, vừa chịu tác động chung của cả cộng đồng do hoàn cảnh địa lý (khác nhau giữa xã, vệt, vùng nghèo ở những nơi có điều kiện tự nhiên bất lợi). Nhưng cũng có những nông hộ ở giữa xã, vùng trù phú, có nhiều điều kiện thuận lợi, nhưng do không có nguồn lực cá nhân thoả đáng hoặc gặp nhiều điều bất hạnh hợp thành, như trên đã nêu.

Như vậy, tình trạng đói nghèo của nông hộ, bước đầu cho thấy, có thể họ ở giữa xã giàu - khá, nhưng do họ không có nguồn lực thoả đáng lại gặp nhiều điều bất hạnh dẫn đến, hoặc họ chịu cả hai vừa không có nguồn lực cá nhân... vừa gắn với hoàn cảnh địa lý bất lợi của cả cộng đồng (vùng cao, sâu, xa, thiếu các cơ sở hạ tầng thiết yếu) và thiên nhiên khắc nghiệt mà chưa có điều kiện chế ngự.

Song đối với mỗi nông hộ đói nghèo thường chứa đựng những điều cùng cực và chúng có quan hệ tác động qua lại như hình với bóng, tạo thành những mắt xích móc nối, lồng ghép vào nhau như hình I - 1 dưới đây:



Hình I - 1: Những điều cùng cực của bản thân với 24
mối quan hệ tác động đến đói nghèo.

Từ hình I - 1 trên, ta có thể chưa xem lại cả 10 minh hoạ, mà xem lại minh hoạ I - 2 cũng đã thấy nó phản ánh khá đầy đủ về những mối quan hệ của chúng.

Trong những mối quan hệ đó nhìn chung đã rõ, do đó chúng tôi chỉ lưu ý mấy mối quan hệ chứa đựng nhiều nội dung phức tạp:

Thiệt là thua thiệt về nhiều mặt:

- Bị rút ruộng, chia cho ruộng xa, xấu nhiều hơn;
- Phải cầm cố, bán rẻ ruộng đất, trâu bò đồ vật (nếu có) để vượt qua những cơn hiểm nghèo;
- Phải vay nặng lãi. Đó là "nhát dao tàn bạo nhất ở chỗ người nghèo hơn, ít được học hơn lại phải nộp lãi cao hơn những người khá giả";
- Phải bán lúa non, bán rẻ sản phẩm khi mới thu hoạch để trả "nợ đòi", v.v....;
- Tiền công làm thuê thấp hơn. Thậm chí làm chỉ cho ăn, không trả tiền công, do không có việc làm; đói nên phải chấp nhận. Tức là phải chịu sự bóc lột;

- Vay vốn lãi suất thấp, nhiều người đói nghèo lại không được vay (sợ không có trả), hoặc vay được ít hơn người khá, kẻ giàu;

- Là dân nghèo không biết luật lệ gì thường bị một số kẻ có quyền hành, thân thế ức hiếp, những lạm, thậm chí có những khoản Nhà nước, Xã hội giúp đỡ khi đói nhiều lúc không đến tay, hoặc đến lấy lệ (còn bị cắt xén).

- Nhiều nguồn lợi khác (như đất hoang, đất đồi rừng Nhà nước giao - một cơ hội như Nhà nước cho không) không có điều kiện để nhận, được nhận, hoặc nhận phần thua thiệt;

- Mù về thông tin, nhất là không tiếp cận được thị trường (do ở nơi hẻo lánh, bị cô lập hoặc mù chữ, ít chữ) không biết tính toán, không có kế hoạch làm ăn, không biết sản xuất, làm dịch vụ gì thì có lợi hơn, không biết mua bán gì ở đâu và lúc nào thì có lợi hơn, nên thường bị mua đắt, bán rẻ, chịu nhiều thua thiệt.

NẠN:

Đây là gặp tai nạn và tệ nạn xã hội làm phát sinh tai nạn:

- Gặp những rủi ro, làm ăn thua lỗ, thiên tai mất mùa mà không có những khoản tiền dự trữ tối thiểu.

- Gặp tai nạn đột biến như: cháy nhà, tai nạn giao thông, bị bom bi, mìn chìm trong đất nổ khi làm đất (xem "Tiếng kêu cứu của một xã anh hùng") (20).

- Tệ nạn xã hội phát sinh, tác động trước hết vào gia đình người nghèo: "Đói ăn vụng, túng làm liều" những điều phạm pháp, cha mẹ không nuôi dạy được con để trẻ em lang thang, nghiện ngập, con gái đi hoang, mại dâm, con trai canh cổng cho nhà hàng mại dâm, vận chuyển hàng buôn lậu kể cả hê-rô-in, thuốc phiện.v.v...

BẢN:

Là do sân đất, nền nhà bị dột, ẩm thấp; không có các công trình vệ sinh (giếng nước sạch, cầu tiêu, nhà tắm) bếp nấu, lợn, gà (nếu có) thường đặt trong một xó (hay chái nhà) sát cạnh chỗ ăn ngủ của người. Sự cam chịu tình cảnh đó dẫn đến phát sinh bệnh và tăng thêm bệnh tật.

2. Khái niệm và chuẩn mực về đói, nghèo

Hiện nay có nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về đói nghèo, kể cả của tổ chức khu vực và quốc tế. Ở đây chúng tôi chưa bàn đến những ý kiến khác nhau đó. Tuy nhiên để hiểu và có cơ sở

xem xét, đánh giá về tình trạng đói nghèo, bước đầu chúng tôi xin dẫn một định nghĩa về nghèo đói mà Hội nghị bàn về giảm nghèo đói ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Kốc tháng 9 năm 1993 đưa ra như sau: "Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo tình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các địa phương" (8).

Ở đây, nếu liên hệ với thực tế của Việt Nam được minh hoạ ở trên, theo tôi định nghĩa đó có thể viết như sau thì rõ hơn:

- Đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng hoặc được hưởng rất ít ỏi những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các dân tộc ở các địa phương.

- Còn, nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các dân tộc ở các địa phương.

Hoặc có thể viết kết hợp lại:

Đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng hoặc được hưởng rất ít ỏi và nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các dân tộc ở các địa phương.

Ở đây, ranh giới của nó là *không được hưởng hoặc được hưởng rất ít ỏi và không được thoả mãn* những nhu cầu cơ bản của con người.

Những cái ranh giới đó luôn luôn sát kề bên nhau và cũng rất dễ trôi lên sụt xuống (hình I - 1). Do đó mục tiêu xoá nghèo bền vững là để không sụt xuống đói. Và do đó *không được che đậy tình trạng đói nghèo ở nông thôn là một yêu cầu khách quan*. Không vì lẽ này lẽ khác mà báo cáo sai sự thật.

Những minh hoạ ở trên là một thực tế hiển nhiên, cần được nhận thức đúng để có giải pháp hữu hiệu.

Từ khái niệm chung ở trên, ở Việt Nam từ mấy năm nay đã nhận thức và xác định chuẩn mực hộ đói nghèo như dưới đây:

Căn cứ vào mức sống chung của toàn xã hội hiện nay, đối tượng đói nghèo ở nước ta có thể được quan niệm một cách cụ thể như sau: "*Hộ đói là hộ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, con cái thất học, ốm đau không có tiền chữa trị, nhà ở rách nát...*". Nếu theo tiêu chí này thì các hộ này có thu nhập quy đổi ra gạo bình quân dưới 13kg/tháng. Còn hộ nghèo là hộ thiếu ăn nhưng không đứt bữa, mặc không lành và không đủ ấm, không có khả năng phát triển sản xuất... Thu nhập bình quân đầu người của loại này quy ra gạo dưới 25kg/tháng ở thành thị; 20kg/tháng ở nông thôn đồng bằng và 15kg/tháng ở nông thôn miền núi, hải đảo (xem phụ lục 1). Xã nghèo là xã có trên 40% tổng số hộ nghèo đói, không có hoặc rất thiếu những cơ sở hạ tầng thiết yếu ⁽¹⁾, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ cao. Còn vùng (vết) nghèo là chỉ những địa bàn tương đối rộng, nằm ở những khu vực khó khăn, hiểm trở, giao thông không thuận lợi, có tỷ trọng xã nghèo, hộ nghèo cao" (8).

¹, Theo qui định hiện nay gồm có 6 loại công trình: đường ô tô và đường dây điện tới trung tâm xã, trường học cấp I, II; trạm y tế, nước sạch cho dân, chợ xã hoặc liên xã.

Từ những chuẩn mực được xác định ở trên, chúng tôi thấy đã đến lúc chúng ta cần trao đổi để hoàn thiện sao cho hợp lý?

Biết rằng, việc xác định mức thu nhập bình quân cho các hộ đói là dưới 13kg/gạo/người/tháng và hộ nghèo là dưới 20kg gạo/người/tháng cho đầu người ở nông thôn đồng bằng trung du và 15kg gạo/tháng cho đầu người ở nông thôn miền núi, hải đảo là việc ta đã có nghiên cứu, đã áp dụng và đương áp dụng để tính kết quả đạt được mục tiêu xoá đói giảm nghèo trong từng năm và cho đến năm 2000 ở từng địa phương và cả nước. Trong điều kiện nước ta đương còn là một trong các nước nghèo nhất thế giới nên tạm thời chấp nhận qui định trên và lấy đó làm mốc để phấn đấu thực hiện các mục tiêu của chương trình Quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Nhưng thực tế, qua kiểm nghiệm thì mức đó quả là quá thấp. Vì bình quân dưới 13 - 15kg gạo/người/tháng thì nếu có được thường xuyên dùng cho ăn cơm với muối cũng chưa đủ. Nhưng thực tế (ở năm không mất mùa) phần lớn các nhà có thu nhập ở mức này thì sau khi thu hoạch đã hết ăn. Vì thiếu đói phải vay mượn bằng

thóc hoặc tiền nên gặt xong là phải lo trả đến gấp 1,5 lần. Hơn nữa, còn phải chi cho biết bao nhiêu thiết yếu khác, chẳng nhẽ trẻ thơ ốm không mua viên thuốc, hộp sữa cho cháu, trẻ nhỡ thì không mua cho cháu chiếc áo lạnh và sách vở để tựu trường.v.v... Vì những lẽ đã dẫn ở trên ta đành phải "đón đầu" chấp nhận mức đó cho đến năm 2000. Nhưng theo tôi, ngay từ bây giờ cần phải nghiên cứu, chuẩn bị xác định mức hợp lý và áp dụng thử ở một số xã nghèo ở năm 1999 - 2000 để từ năm 2001 ta đã có một mức mới hợp lý (chứ không phải là 13 - 15kg gạo/người/tháng như hiện nay).

Về vấn đề này, mới đây, nhờ có sự hợp tác nghiên cứu chung mà Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới có thể đi đến thống nhất được về phương pháp luận để tính tỷ lệ đói nghèo (hay tỷ lệ nghèo) theo 2 ngưỡng: ngưỡng đói nghèo (ngay ngưỡng nghèo) về lương thực thực phẩm (LTTP = 2100Kcal) và ngưỡng đói nghèo (hay ngưỡng nghèo) chung (gồm LTTP + phi LTTP); và bước đầu đã tính được tỷ lệ đói nghèo (hay tỷ lệ nghèo) cho nông thôn Việt Nam (*Trích từ phụ lục 5*) như dưới đây:

1. Tỷ lệ nghèo (đói nghèo) LTTP ở nông thôn năm 1993: 29,1%; 1998: 18,3%.

2. Tỷ lệ nghèo (đói nghèo) chung ở nông thôn, 1993: 66,4%; 1998: 44,9%.

Theo chúng tôi, đây là một cơ sở để Chính phủ ta có thể xác định được mức đói nghèo (hay mức nghèo) và tính tỷ lệ đói nghèo (hay tỷ lệ nghèo) hợp lý.

II. NHỮNG CỤM NGUYÊN NHÂN CHÍNH DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG ĐÓI NGHÈO

Qua 10 minh họa với những điều kiện cực của bản thân các nông hộ đói nghèo được khái quát ở hình 1 -1 ở trên, bước đầu cũng đã cho thấy gần đầy đủ những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đói nghèo. Mặc dù có hộ có đủ nguyên nhân, có hộ chỉ có một số nguyên nhân này hoặc nguyên nhân khác, song chúng đều nằm trong 6 cụm nguyên nhân chính dưới đây:

1. Do xa cách

- Về địa lý: Ở nơi xa xôi, hẻo lánh, rừng sâu, núi cao, vực thẳm, đảo xa. Ở những nơi này thường

không có đường ô tô và các phương tiện giao thông thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội dẫn đến nhiều thua thiệt.

- *Về xã hội*: không có hoặc thiếu, hoặc chậm thông tin về các mặt hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa ngoài xã hội, kể cả ở địa phương, khu vực quốc gia và quốc tế. Trong khi đó, phong tục tập quán và những hủ tục lạc hậu đó, đây còn khá nghiêm trọng.

- *Về ngôn ngữ*: Việt Nam có đến 54 dân tộc; có ngôn ngữ khác nhau. Ở một số dân tộc thiểu số tiếng phổ thông chưa được phổ cập; trình độ văn hóa phổ biến còn mù chữ và ít chữ; trình độ dân trí rất thấp kém dẫn đến có sự tách biệt về văn hóa, v.v...

Tóm lại, những sự cách biệt đó làm cho người dân ở đây có quan hệ với tự nhiên nhiều hơn là quan hệ với xã hội, gần với kinh tế tự nhiên (tự cấp tự túc) nhiều hơn là gần với kinh tế hàng hóa, giao lưu ở chợ, ở thương trường. Đó là sự thiệt thòi lớn của cư dân, của nông hộ đói nghèo ở những nơi xa cách. Cần phải có chính sách hữu hiệu.

2. Do thiên tai

- Bão, lụt làm vỡ đê biển, đê sông, làm chết và lật chìm hàng trăm, hàng nghìn người và tàu thuyền (như cơn bão số 5 năm 1997, nạn lụt "thế kỷ" ở 8 tỉnh miền Trung năm 1999); cuốn trôi nhà cửa, tàn phá cơ sở hạ tầng, làm hư hỏng hoa màu, xói mòn lớp đất màu mỡ để trở lại đất sỏi, đá, v.v...

- Hạn hán và khí hậu nắng nóng, gió gây hại cho cây trồng, người và gia súc.

- Nó làm phát sinh và tăng thêm bệnh, tật cho người; sâu bệnh cho cây trồng và dịch bệnh cho gia súc, cho nuôi thủy sản.

Tóm lại thiên tai thường gây nên những rủi ro nghiêm trọng, trong điều kiện sức dự trữ ít ỏi về tài chính trong nhiều nông hộ cũng không có, dẫn đến đói nghèo gay gắt và thường diễn ra lặp đi lặp lại ở các tỉnh duyên hải miền Trung. Đó là một sự thiệt hại lớn khiến nhiều cư dân ở đây trở nên đói nghèo, nên càng phải có chính sách và giải pháp thỏa đáng.

3. Do dịch họa

- Chiến tranh đã tàn sát những người trụ cột trong gia đình, hoặc để lại thương tật nặng nề, để lại những đứa con sinh ra bị tật nguyền do chất độc hoá học màu da cam, để lại nhiều cảnh vợ chồng phải cam chịu lắm thảm thương, đói nghèo, cô đơn. Đến nay đang còn những bãi mìn, bom bi, bom tạ, đạn... nằm sâu trong lòng đất, dưới nền sân, nhà. Thỉnh thoảng đó đây lại có tiếng nổ gây chết, sát thương khi nhất cuộc của những người nông dân nghèo cuốc đất canh tác, đào ao, làm vườn để sống, v.v... Xem "*Tiếng kêu cứu của một xã anh hùng*" (2) thì rõ.

- Thêm vào đấy, đó đây thú dữ còn gây hại đến tính mệnh người dân trong khi đi rừng tìm kiếm sản phẩm chống đói hoặc những người nông dân nghèo đang sống trong những túp lều tranh v.v...

4. Bởi bản thân không tài sản (không có nguồn lực: Đất, vốn, sức lao động... không có điều kiện tiếp cận nguồn lực sẵn có - khi Nhà nước cho không đất, rừng kèm theo những nguồn vốn của các dự

án ưu đãi, cộng với sự thua thiệt trăm phần và đặc biệt là không có kế hoạch làm ăn để tự chống đói nghèo hữu hiệu nên dẫn đến nhiều điều cùng cực (như I - 1). Tất cả những điều đó dẫn đến hậu quả là rất khó khăn trong việc tự cứu mình? Nếu không có những chính sách và phương pháp giúp đỡ hữu hiệu tạo cho họ những chiếc "cần câu"!

5. Do chính sách chưa thỏa đáng và phương pháp thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo đó đây còn tùy tiện

Cần phải khẳng định rằng, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách để thực hiện chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo. Với những chính sách đã có ở đâu có phương pháp thực hiện đúng thì kết quả xóa đói giảm nghèo ở đó đạt được tốt hơn. Nhưng cần phải thấy rằng, có nhiều nơi làm rất tùy tiện, thậm chí còn sai (9, 10, 21 và phụ lục 3, 4) phương hại đến kết quả xóa đói giảm nghèo (sẽ chứng minh ở chương II).

6. Do tham nhũng

Tham nhũng trực tiếp gây một phần tác hại đáng kể cho tình cảnh của nông hộ đói nghèo khiến họ khó có thể vượt qua hoặc làm tăng thêm đói nghèo, gây thất thoát tiền của Nhà nước (nhân dân) và làm ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các mục tiêu của chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo. Kẻ tham nhũng đã dùng chức quyền, lợi thế của mình để ăn chặn nhiều khoản vốn tài trợ, vốn Ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn cho vay ưu đãi lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, vốn dự án, vốn các chương trình lồng ghép để xóa đói giảm nghèo. Hàng trăm bài báo đã lên tiếng về vấn đề này. Ở đây các bạn chỉ cần đọc mấy bài: "Vốn 327 đi về đâu?" (18); "Xóa đói giảm nghèo - người đói khổ no (24); "Cán bộ chiếm dụng vốn xóa đói giảm nghèo" (23) và bài "Cần xử lý nghiêm trọng những người tham nhũng tiền vốn của nông dân..." (22) rồi đến bài "Làm sao để đồng vốn xóa đói giảm nghèo đến đúng địa chỉ" (17) thì cũng đã quá rõ. Vậy, chúng ta suy ngẫm gì? Và phải làm gì cho dân cày một nắng hai sương đương đói, nghèo khi đồng vốn chính sách xóa đói giảm nghèo giúp họ để tự xóa đói giảm nghèo đã và đang bị một số cán bộ tham nhũng?

Thêm vào đó, cần lưu ý rằng "Các hoạt động tham nhũng với số lượng tiền (...) ngày càng lớn, có vụ lên tới vài nghìn tỷ đồng", thậm chí đến trên dưới 5 - 8 nghìn tỷ (25) chẳng những làm hạn chế tốc độ phát triển năng lực để xóa đói giảm nghèo của đất nước ta - là một trong những nước nghèo nhất thế giới mà chính nó cũng ảnh hưởng đến các nông hộ đói nghèo. Tiền của của Nhà nước là của chung nhân dân, mà ở nước ta nhân dân có đến 80% dân số ở nông thôn bao gồm cả nông hộ đói nghèo. Như vậy, chính bọn tham nhũng cũng đã trực tiếp hoặc gián tiếp lấy một phần vốn của chính nông hộ đói nghèo, gây cho họ thêm khó khăn trong việc tự xóa đói giảm nghèo bền vững.

Vậy, Nhà nước cần có những giải pháp hữu hiệu để đẩy trừ cho sạch được quốc nạn này, để tấn công đói nghèo, để kinh tế - xã hội đất nước tiến lên, để cho cả nông dân đói, nghèo sớm tự xóa được đói nghèo bền vững, tiến lên khá, giàu như Bác Hồ đã dạy.

CHƯƠNG II

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO: KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI

1. Chủ chương của Đảng

Trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991), đã có chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn là phải "Kết hợp chặt chẽ với (...) thu hẹp diện những gia đình thiếu đói và vùng thiếu đói"(2).

Đến đại hội VIII của Đảng (6/1996), trong phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 đã có "*Chương trình về xóa đói giảm nghèo*" đồng thời đã đề ra mục tiêu:

"Giảm tỷ lệ nghèo đói trong tổng số hộ của cả nước từ 20 - 25% hiện nay xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm. Cùng với 14 chương trình quốc gia và dự án đã được thực hiện có nội dung gắn với xóa đói, giảm nghèo thì từ năm 1996 còn lồng thêm chương trình quốc gia về giải quyết việc làm (Chương trình 120) và chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc (Chương trình 327) làm nòng cốt. Thêm vào đó, từ năm 1996 còn bổ sung các chính sách giúp cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo...(4).

Rút kinh nghiệm sau nhiều năm chỉ đạo thực hiện, năm 1998 Chính phủ có chương trình mục tiêu quốc gia tổng hợp cho giai đoạn 1998 - 2000 (Chương trình 133).

2. Chương trình mục tiêu Quốc gia xóa đói giảm nghèo tổng hợp (CT.133)

Ngày 23/7/1998, chương trình Mục tiêu Quốc gia xóa đói giảm nghèo tổng hợp thời kỳ 1998 - 2000 được Chính phủ phê duyệt và đang khẩn trương thực hiện các hoạt động chính (xem phụ lục 2) để đạt được mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Mục tiêu:

Giảm tỷ lệ nghèo đói xuống khoảng 10% tổng số hộ cả nước vào năm 2000, bình quân giảm 300.000 hộ/năm, tiến lên xóa hộ đói vào năm 2005 và xóa hộ nghèo ở năm 2010 theo cách tính hiện nay. Để đạt được các mục tiêu này trước khi có Chương trình 133, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách.

Chính sách:

- Chính sách đối với xã nghèo: Các xã nghèo được Nhà nước hỗ trợ xây dựng 6 loại công trình cơ sở hạ tầng, bao gồm: "Đường ô tô và đường dây điện tới trung tâm xã; nước sạch cho dân cư; trường, phòng học cho học sinh cấp I, II; trạm y tế, chợ tại xã hoặc liên xã" (4).

Số xã này năm 1996 có 1.300 xã, đến 1998 còn chừng 1160 xã. Từ 1998 - 2000 Nhà nước dự định hỗ trợ kinh phí cho dự án này là 3.825 tỷ đồng, theo cơ chế Nhà nước TW, địa phương và nhân dân cùng làm. Trong đó Nhà nước hỗ trợ vật tư, thiết bị, điều tra, khảo sát, quy hoạch và một phần kinh phí; dân bỏ công làm và đóng một phần kinh phí

theo cơ cấu hợp lý với từng loại xã có mức nghèo khác nhau (7).

Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho xã nghèo là cần thiết, là có lợi cho cả cộng đồng. Trong đó, những hộ trung bình, khá và giàu có điều kiện để mở rộng sản xuất, dịch vụ sẽ khá, giàu thêm lên là điều chúng ta đang mong đợi; còn đối với hộ đói, nghèo thì chỉ có lợi ở mức độ nhất định, thậm chí là rất ít, không đáng kể. Vì họ không có hoặc không đủ điều kiện để tiếp cận được với nguồn lực sẵn có (như đất, ruộng, đầm hoang hóa, đồi trọc, nhận đất trồng rừng... với vốn ưu đãi, v.v...) để mở rộng sản xuất, làm dịch vụ nên khó có thể thoát đói nghèo nếu không có sự đầu tư hỗ trợ trực tiếp, thích đáng của Nhà nước và cộng đồng. Vì vậy, cùng với xây dựng cơ sở hạ tầng giúp xã nghèo thì đồng thời phải tăng cường giúp đỡ cho các hộ đói nghèo có điều kiện cần và đủ để tự thoát đói, nghèo là yêu cầu cấp bách. Do đó, đến 1996, ngoài 14 chương trình quốc gia và dự án được thực hiện có nội dung gắn với xóa hộ đói, giảm hộ nghèo, Đảng và Nhà nước đã có chính sách bổ sung hỗ trợ trực tiếp đối với hộ đói nghèo.

- *Chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với nông hộ đói nghèo.* Đó là các chính sách:

- *Đất đai:* Các nông hộ đói nghèo được phân đất với số lượng và chất lượng bằng mức ruộng, đất bình quân ở mỗi xã.

- *Vốn tín dụng:* Các nông hộ đói nghèo, được ưu tiên vay vốn sản xuất với lãi suất ưu đãi, có số lượng và thời gian hợp lý, không phải thế chấp. Trong đó hộ đói nghèo nhất được ưu tiên vay trước.

- *Cấp thẻ bảo hiểm y tế* miễn phí cho các hộ đói nghèo theo số người trong gia đình. Nhà nước sẽ dành khoảng hơn 500 tỷ đồng kinh phí từ quỹ xóa đói giảm nghèo để mua thẻ BHYT cho đối tượng người nghèo có khoảng 14 triệu người (6).

- *Miễn học phí* cho con em hộ đói nghèo đi học ở các trường phổ thông. Đối với hộ đói hoặc hộ quá nghèo có thể xét trợ cấp thêm học bổng. Ở bậc tiểu học được mượn sách giáo khoa, cấp không vở viết và được miễn mọi khoản đóng góp.

- *Miễn phí học nghề* cho con em hộ đói nghèo vào học ở các cơ sở dạy nghề của Nhà nước.

- *Được ưu tiên* xét chọn vào các trường dân tộc nội trú, các trường trung học, cao đẳng và ưu tiên xét học bổng hàng năm cho học sinh giỏi là con em các hộ nghèo, nhất là con em hộ dân tộc ít người.

- Khuyến khích cán bộ, sinh viên, nông dân làm ăn giỏi (tại chỗ) hướng dẫn cách làm ăn và chuyển giao công nghệ và phổ biến các biện pháp kỹ thuật giúp đỡ người nghèo sản xuất, kinh doanh.

Ở đây cũng cần đề cập đến các chương trình quốc gia và dự án trước và sau năm 1996 được thực hiện có nội dung gắn với xóa hộ đói, giảm hộ nghèo gồm có:

1. Chương trình giải quyết việc làm.
2. Chương trình 327.
3. Chương trình nước sạch nông thôn.
4. Chương trình khuyến nông - lâm - ngư.
5. Chương trình y tế cộng đồng (chống sốt rét, bấu cổ, tiêm phòng mở rộng, v.v...)
6. Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.
7. Chương trình xóa mù chữ.
8. Chương trình 773.

9. Chương trình định canh định cư.
10. Chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.
11. Chương trình giao thông nông thôn.
12. Chương trình Nhà nước bao tiêu sản phẩm và trợ cước, trợ giá đối với các vùng cao, sâu, xa, sản phẩm tiêu thụ khó khăn, giá thấp và cung cấp 7 mặt hàng cho các xã nghèo miền núi;
13. Chương trình hoạt động Quốc gia Vì trẻ em 1991 - 2000 để chăm sóc trẻ em nghèo và chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.
14. Chương trình chống tệ nạn xã hội.
15. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã miền núi.
16. Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao.
17. Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng.
18. Chương trình 135 cho các xã nghèo nhất.

v.v...

3. Kết quả và tồn tại:

Nhờ hệ thống chính sách trên đồng thời có sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền và có sự tham gia giúp đỡ của các tổ chức quần chúng, của cộng đồng và kể cả một số tổ chức Quốc tế, trong những năm qua hầu hết các địa phương trong cả nước đã triển khai công tác xóa đói giảm nghèo thành phong trào, trong đó có sự cổ vũ của các phương tiện thông tin đại chúng, nên đã đạt được kết quả là: nếu tính ở năm 1992, cả nước còn 3,8 triệu hộ đói nghèo, bằng 30,01% tổng số hộ, tức là còn 17,7%; 5 năm đã giảm được 1,2 triệu hộ, *bình quân mỗi năm giảm được 240.000 hộ, bằng trên dưới 2% tỷ lệ hộ đói nghèo*. Đó là kết quả lớn. Nó thể hiện quyết tâm cao của Đảng, của Nhà nước ta trong công cuộc chiến đấu - tấn công đói nghèo lạc hậu. Do đó, mặc dù trước đây giữa ta và một số chuyên gia nước ngoài có các phương pháp luận tính chuẩn mực và ngưỡng đói nghèo, tỷ lệ đói nghèo có khác nhau. Nhưng, dù là cách tính như thế nào đến nay cũng đều thừa nhận tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam đã giảm khá. Bản đồ tỷ lệ đói nghèo 1993 - 1998 cho thấy: ở các vùng đã giảm nhanh, chậm với tốc độ khác nhau (phụ lục 6). Song đến giữa năm 1998, bên cạnh những thành tích đã đạt được, nó đang có nhiều khuyết điểm,

tồn tại. Đó là, kết quả đạt được còn mỏng manh, chưa bền vững và theo thống kê gần đây nhất thì chương trình xóa đói giảm nghèo tiến triển chậm, chưa đạt được kết quả mong muốn so với hệ thống chính sách đã có và lượng vốn đã bỏ ra. Chẳng hạn, chủ trương đề ra, bình quân mỗi năm giảm 300.000 hộ đói nghèo, thì trong 5 năm qua bình quân mỗi năm mới giảm được 240.000 hộ (Đạt 80% so với chỉ tiêu đề ra). Nếu như năm 1996 có 1.300 xã nghèo nhất thì năm 1998 tăng lên 1.700 xã như Báo Nông nghiệp Việt Nam đã công bố (17) và đến đầu năm 2000 lại tăng lên 1870 xã (30). Mà số hộ đói nghèo, xã nghèo còn lại là số đối, nghèo nhất; cần xóa, cần giảm thì càng về sau càng khó gấp bội.

Vậy tại sao có tình hình đó? Mục 2 dưới đây sẽ góp phần làm rõ một số nguyên nhân.

II. MẤY VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

1. Nhận thức về chủ chương, chương trình và vấn đề cán bộ

Về nhận thức:

Chủ trương của Đảng và chương trình Quốc gia xóa đói giảm nghèo cần được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân - mà trách nhiệm làm chuyển biến

nhận thức là cấp ủy, chính quyền và tổ chức quần chúng các cấp - một cách sâu sắc rằng, đây là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong việc thực hiện đường lối cách mạng trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta. Đây là sự thể hiện bản chất của *thể chế chính trị*, mà cốt lõi của nó là *quan điểm, lập trường giai cấp của Đảng, của Nhà nước ta* (Nhà nước của dân, vì dân và do dân); và đã được đặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, công bằng, dân chủ, văn minh, không có người đói, nghèo... mà *chiến lược đó đặt con người vào vị trí trung tâm*. Những người nông dân đói nghèo cũng là con người trong phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; cũng là con người trong quá trình thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đồng thời, cần làm cho mọi người, kể cả người đang đói, nghèo mà nhất là đội ngũ cán bộ đương chức, đương quyền thấy một khi đất nước có nhiều hộ đói, nghèo, xã nghèo và đất nước đang còn là

một quốc gia nằm trong số nước nghèo nhất thế giới là một sự xúc phạm đến Quốc gia, là một sự xấu xa, nhục nhã, đáng hổ thẹn của chúng ta, để cùng quyết tâm phấn đấu, coi đây là một mặt trận chính trong phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của đất nước trên con đường tiến lên giàu mạnh, còn đây thách thức!

Về vấn đề cán bộ

Để chuyển nhận thức thành hành động trong tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này (như mục tiêu đã đề ra) thì *đội ngũ cán bộ từ Trung ương xuống đến cơ sở có vai trò và vị trí quan trọng nhất*. Do đó đội ngũ cán bộ này phải là người có *tâm huyết*, (có tư tưởng, quan điểm, lập trường đối với người đối, nghèo... và có *năng lực* thực hiện tốt những nhiệm vụ được phân cụ thể; đồng thời dám phê bình đấu tranh với những ai có biểu hiện tiêu cực tham nhũng tiền của Nhà nước (của nhân dân) trong mặt trận chiến đấu xóa đói giảm nghèo này.

2. Về chính sách ruộng đất và vốn

Các chính sách đã có (nêu ở trên) là một sự cố gắng lớn để thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Ở đây chúng tôi không trình bày kết quả thực hiện của hầu hết các chính sách đã có thể thấy rõ tác dụng của mỗi chính sách đến xóa đói giảm nghèo ở mức nào. Nhưng do yêu cầu chủ yếu là tạo "cần câu" cho người nghèo lập kế hoạch làm ăn, tự xóa đói giảm nghèo thì có một vài chính sách lớn không thể không đề cập đến. Trước hết, đó là chính sách ruộng đất và vốn hỗ trợ trực tiếp đến hộ đói, nghèo.

a. Về chính sách ruộng đất sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

Có thể nói đây là chính sách hàng đầu, có vị trí quan trọng nhất để những nông dân hộ đói, nghèo tự cứu - tự xóa đói giảm nghèo. Nhưng trong nhiều năm qua, nhiều địa phương đã làm sai chính sách này. Chẳng hạn, từ 1993 - 1997 nhiều nơi, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ, khu Bốn cũ, duyên hải miền Trung đều có tình hình hợp tác xã hoặc chính

quyền các địa phương rút bớt ruộng đất của chủ hộ nông dân nghèo từ 27 - 44% do họ bị mắc nợ sản phẩm cũ trước đây của HTX nhưng khó có thể trả được. Nhưng, ở đồng bằng sông Hồng bình quân số đó là 40% so với số ruộng được nhận. Do nguyên nhân chủ yếu đó, ruộng đất bình quân (theo các nguồn điều tra thí điểm đến cuối năm 1996) trong cả nước cho một nhân khẩu ở nông hộ giàu là 1844m^2 , thì ở nông hộ nghèo chỉ có 477m^2 , bằng 26,4% so với hộ giàu. Riêng đồng bằng sông Hồng, ở hộ giàu là $1682\text{m}^2/\text{khẩu}$ thì ở nông hộ nghèo là $412\text{m}^2/\text{khẩu}$, bằng 24,5% so với hộ giàu. Dĩ nhiên là sự chênh lệch đó ngày càng xa cách hơn do nhiều nguyên nhân.

Ở đây, chúng tôi chỉ nêu thêm một nguyên nhân nữa là việc tính khẩu và thời gian chia ruộng cũng có ảnh hưởng đến việc giảm bớt phần ruộng của nông hộ đói nghèo bởi lý do sau đây: Hộ nghèo thường là hộ có nhiều con nhỏ, người làm thì ít, trẻ ăn theo thì nhiều. Có nơi tính khẩu để chia ruộng theo đúng quy định là từ ngày 15/10/1993 như Thanh Hóa. Còn nhiều nơi như Hải Dương, Hưng Yên thì tự tình quy định (Nghị quyết 03): Nếu sinh

con thứ 3, kể từ năm 1990 đến 15/10/1993 thì chỉ được chia 0,5 suất, còn con thứ 4, thứ 5 là không được chia ruộng (?). Thậm chí có nơi như Hà Tĩnh lại quy định mốc thời gian chia ruộng, chỉ được tính cho những khẩu sinh trước tháng 1 - 1996 (!?), xem minh hoạ I - 3 thì rõ, v.v...

Đặc biệt khi nghiên cứu về chất lượng đất đai, chúng tôi còn thấy nông hộ đói nghèo còn nợ sản phẩm cũ của HTX chẳng những bị rút ruộng mà diện tích bình quân đám ruộng giao cho hộ nhỏ hơn, manh mún hơn, xấu hơn, xa hơn, chỉ bằng 49 - 74% của bình quân chung.

Ruộng loại A (tốt nhất) họ chỉ có từ 0 - 32% còn ruộng xấu loại C và xấu nhất loại D thì tăng lên từ 129,2% đến 208,3%.

Tính ra trên số ruộng bị rút, mỗi hộ đói nghèo (ở nơi điều tra) bị mất không một khoản thu nhập từ 147 - 294kg thóc/năm. (Đó là chưa tính số sản phẩm giảm và chi phí sản xuất tăng do số ruộng được giao xa, xấu hơn). Đồng thời còn mất đi điều kiện quan trọng nhất là đất đai để lao động sản xuất, tăng thêm thu nhập, bảo đảm đời sống tối thiểu nhất cho gia đình họ.

Hậu quả của việc rút bớt, chia thiếu ruộng và ruộng xấu nhiều hơn cho nông dân nghèo đói vô tình đã làm giảm việc làm, giảm thu nhập, giảm quyền lợi dẫn đến chỗ chẳng những họ khó tự xóa đói giảm nghèo mà còn làm tăng thêm tình cảnh đói nghèo của họ.

Thấy rõ tác hại của việc làm này đối với việc thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, nên ngày 29/10/1996 chúng tôi đã có kiến nghị trả lại ruộng đất cho nông hộ đói nghèo và đã công bố trên diễn đàn Báo Nhân dân bài: *Có nên rút bớt ruộng của hộ nông dân đói nghèo?* Và đến tháng 12/1996 chúng tôi lại một lần nữa tiếp tục kiến nghị qua Tạp chí cộng sản qua bài: Ruộng đất của người nghèo: thực trạng và kiến nghị. Nhưng cho tới 1998 (ở những nơi mà chúng tôi mới trở lại khảo sát) thấy vì lẽ này vì lẽ khác, có nơi như Thanh Hóa đã trả, còn nhiều nơi khác vẫn chưa trả, nên hiện nay (9/1998) tỷ lệ số ruộng mỗi hộ đói nghèo bình quân còn bị rút là trên dưới 26% (các minh họa I - 2; I - 3; I - 5; I - 9 cũng đã chỉ rõ).

Điều đặc biệt lưu ý là, hiện nay cả nước có đến hơn nửa triệu hộ nông dân đói nghèo không có, hoặc thiếu ruộng sản xuất, trong đó tập trung

nhiều nhất vào Đồng bằng sông Cửu Long. (Tính đến tháng 5/1998 ở Đồng bằng sông Cửu Long số hộ nông dân đói nghèo không có đất và thiếu đất sản xuất chiếm 69,88% trong tổng số hộ nông dân đói nghèo ở Đồng bằng sông Cửu Long). Ở đó lại có những ông chủ vốn không phải là nông dân mà là dân đô thị đến chiếm đất (như Nhà nước cho không) lập hàng trăm đồn điền lớn (mang hình thức trang trại) và có trang trại có quy mô lớn đến 2000 - 3000 ha (11). Những điều đó thiết nghĩ cần phải nghiên cứu sao cho hộ nông dân đói nghèo cần ruộng phải có ruộng sản xuất, để họ tự xóa đói giảm nghèo bền vững và cũng là cơ sở đảm bảo thực hiện mục tiêu của chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo.

b. Về chính sách vốn đầu tư cho các nông hộ đói nghèo vay sản xuất với lãi suất ưu đãi.

Người nông dân đói, nghèo có sức lao động và sau khi có đất, yêu cầu có vốn sản xuất là yếu tố cực kỳ quan trọng. Mà đã đói, nghèo và càng đói nghèo nhiều thì càng thiếu vốn. Chính họ đã từng phải vay thóc, vay tiền nặng lãi nhất, thậm chí phải bán cả lúa non, cầm cố ruộng đất, bán tư

trang (nếu có) với giá rẻ nhất để vượt qua những cơn đói lả, ốm đau, hoạn nạn sắp chết. Vay nặng lãi là "nhát dao tàn bạo nhất" để dẫn đói nghèo đến cùng đường, ngày càng đói nghèo hơn và thậm chí khiến họ làm cả điều phạm pháp ("Đói ăn vụng, túng làm liều"). Qua các lần khảo sát nông thôn đã cho chúng tôi thấy hầu như 100% người nông dân đói nghèo đều phải vay nặng lãi. Trong khi đó những khoản vốn ưu đãi theo chính sách thì hầu như đa số hoặc là chưa được vay, hoặc được vay ở một tỷ lệ rất nhỏ với lượng cho vay là rất ít và thời gian rất ngắn. Dĩ nhiên là đó đây có nơi đã giải quyết vấn đề này tốt hơn gấp nhiều lần như thành phố Hồ Chí Minh chẳng hạn. Nhưng nhìn chung tình trạng không cho vay (sợ không có trả hoặc vì còn nợ cũ vài ba trăm nghìn đồng với lãi suất khi còn cao (2,5%) không dám cho vay, hoặc cho vay rất ít: vài ba trăm, năm ba trăm nghìn đồng. Cá biệt lắm mới vay được vốn của Ngân hàng Người nghèo 1,0 - 1,5 triệu đồng với nhiều khoản lệ phí không đáng có, v.v... Vậy thì một phần hay phần lớn của hàng bao nghìn tỷ đồng tiền vốn cho người nghèo vay lâu nay đã chạy đi đâu?

Về vấn đề này, lâu nay ít nhiều chúng ta đã biết qua nhiều bài báo: *Xóa đói giảm nghèo - người đói khổ* (24); *Vốn 327 đi về đâu?* (18) *Cán bộ chiếm dụng vốn xóa đói giảm nghèo* (23) v.v... Bài báo: *"Làm sao để đồng vốn xóa đói giảm nghèo đến đúng địa chỉ"* (17) đã viết: "Được biết, tính tới thời điểm này Chính phủ đã đầu tư 10.927 tỷ đồng cho công tác xóa đói giảm nghèo, cả nước đã có 2,6 triệu nông hộ nghèo được vay vốn..."

"Với 10.927 tỷ đồng, trong 6 năm qua các chương trình quốc gia và các chính sách khác đã đầu tư bình quân khoảng 1,0 - 1,2 triệu đồng cho 1 nông hộ ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên (kể cả vốn đầu tư, cho không và vay vốn) để phát triển sản xuất... Đó chưa kể các nguồn vốn đầu tư chung của Nhà nước lớn gấp hai lần số tiền nói trên"(17).

Từ đây, bước đầu, chúng ta có thể thử tính số vốn xóa đói giảm nghèo đó đầu tư đến hộ đói nghèo được bao nhiêu phần trăm? ta làm một bài toán đơn giản sau đây: $10.927.000 \text{ triệu đồng} / 2.600.000 \text{ hộ} = 4,2 \text{ triệu đồng/hộ}$, một hộ lẽ ra phải được đầu tư các khoản lên tới 4,2 triệu đồng, nhưng thực tế vốn xóa

đói giảm nghèo đầu tư cho một hộ ở nơi đói, nghèo nhất (miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, lẽ ra được ưu tiên cho vay trước, cho vay nhiều hơn) cũng chỉ có khoảng 1,0 - 1,2 triệu đồng/hộ ; tức là 1,1triệu/4,2 triệu có 26,2%. Vậy còn 73,8% vốn xóa đói giảm nghèo chạy đi đâu?

Chúng tôi thấy đây còn là một bài toán có nhiều ẩn số. Nhà nước cần nghiên cứu để giải. Vì những lẽ đó, người đói nghèo không có vốn mua phân bón, mua giống tốt, mua thức ăn gia súc chăn nuôi... nên đó đây năng suất cây trồng, gia súc chăn nuôi của người đói nghèo thấp cũng là điều dễ hiểu. Thế mà có nhiều người còn cho rằng, người đói nghèo không biết sản xuất, không có trình độ thâm canh, chỉ người giàu mới biết nên cần dồn ruộng đất, vốn cho người giàu (nhất là người phi nông, lấm tiền) để làm giàu rồi họ sẽ tạo việc làm cho người đói nghèo, chứ không trả lại ruộng, giao thêm ruộng đất, cho vay vốn để người đói nghèo chuộc lại ruộng đất thì có lợi hơn nhiều (!?).

Đây là một quan điểm về kinh tế - xã hội. Nhưng theo sự nghiên cứu, tính toán bước đầu của chúng tôi (tất nhiên đây là một vấn đề lớn sẽ phải

được Nhà nước nghiên cứu) thì thấy rằng: "Lợi bất cập hại".

Thử hỏi "cái lợi" mà họ nói đó có bằng số vốn (gồm cả tài, lực) mà Nhà nước, nhân dân ta đã và sẽ phải bỏ ra để chống đói, giảm nghèo không? Hơn thế nữa, cái hậu quả của đói nghèo sẽ rất to lớn, bởi đói nghèo là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt thua thiệt khác như suy dinh dưỡng ở gần 100% bà mẹ và trẻ em trong loại nông hộ nghèo đói, yếu kém về thể chất, ốm đau, bệnh tật, thất học và các tệ nạn xã hội khác (Như hình I - 1). Điều đó tăng thêm hậu quả của thực trạng phân hóa giàu nghèo, phát huy mạnh mẽ mặt trái của nó trong nền kinh tế thị trường. Nó sẽ trút lên vai của ai gánh chịu? *Chắc chắn không phải là chỉ bản thân người nông dân đói nghèo và gia đình của họ gánh chịu mà cả nền kinh tế, xã hội, văn hóa đất nước chịu ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài những điều không thể lường hết được.*

Thêm vào đây, chúng tôi cũng thấy rằng, đó đây có người đói nghèo còn đất và vay được tiền xóa đói

giảm nghèo nhưng không đưa vào sản xuất mà chèn vung phí, thậm chí còn cò bạc, nhưng đó là cá biệt và rất cá biệt trong khi đó họ không được ai hướng dẫn kế hoạch làm ăn, theo dõi kiểm tra kết quả sản xuất nên nợ vẫn tăng thêm nợ. Một số khác vay được năm ba trăm ngàn đồng về chỉ dám mua con lợn giống còi (cho rẻ vì ít vốn), vài chục ki-lô-gam phân bón, còn một ít phải đóng ăn chống đói (để lấy lại sức lao động sản xuất) nên nợ vẫn tăng nợ (vì lãi), không trả được, lại không được vay vốn ưu đãi. Đó là một vòng luẩn quẩn: "Tít mù rồi lại vòng quanh"! Chứ đâu phải nông dân đói nghèo không biết làm ăn và hoang phí. Trong thực tế, ruộng đất là vấn đề "sống còn" của nông dân, đặc biệt là của nông dân đói nghèo nên nhiều nông hộ đói nghèo đã dồn hết sức mình (bao gồm cả vay mượn) để chăm sóc mấy sào ruộng còn lại mong muốn nuôi sống cả gia đình. Do đó ở nhiều hộ đói nghèo (chúng tôi đến điều tra liên tiếp mấy vụ vừa qua) năng suất lúa của họ có người đạt trên dưới 250kg thóc/sào (360m²). Như vậy đâu phải họ không biết làm ăn, thâm canh sản xuất nông

nghiệp. Dĩ nhiên là phần lớn ở họ là ít học, hoặc mù chữ, mù cả thông tin, lại không được hoặc ít được tiếp cận với cán bộ khuyến nông nên tiếp thu giống mới, công nghệ mới là thua kém hơn bà con nông dân khá giả và có học vấn. Do đó, Nhà nước mới có hàng loạt chính sách cho người đói nghèo, trong đó có cả chương trình, tổ chức khuyến nông. Vậy không nhẽ khuyến nông không phục vụ người đói nghèo ư? Có cả Ngân hàng phục vụ người nghèo. Vậy hỏi tại sao đó đây Ngân hàng phục vụ người nghèo đem tiền phục vụ người giàu, thậm chí là phục vụ nhà buôn có vốn đến trăm triệu(24)???, v.v... Bên cạnh đó chúng ta còn có hệ thống tổ chức xóa đói giảm nghèo hoàn toàn có khả năng giúp người đói nghèo làm tốt mấy sào ruộng, cải tạo vườn tạp, ao, chuồng... để họ phát triển sản xuất, tự xóa đói giảm nghèo bền vững cho chính gia đình họ.

Vì những lẽ trên, chúng tôi hoàn toàn không đồng ý với những lập luận trên và xin kiến nghị.

c. Kiến nghị

** Một là:*

Để nghị trả lại phần ruộng đất của hộ nông dân đói nghèo nợ sản phẩm cũ đã bị xã rút bớt ruộng để họ canh tác, tự bảo đảm cuộc sống, xóa đói giảm nghèo của gia đình họ (9).

Để giải quyết vấn đề này được sớm và nghiêm minh, Nhà nước nên có văn bản cho Ủy ban nhân dân xã không được rút bớt ruộng của những hộ nông dân đói nghèo có nợ sản phẩm cũ, thực sự không thể trả được, chứ không phải "Người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước". Vậy, nếu nơi nào đã rút thì phải trả lại cho họ đúng số lượng và chất lượng.

Văn bản này cần được công bố nhiều lần trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi nông dân đói nghèo đều biết, vì họ rất thiếu thông tin.

* Hai là:

Đề nghị HTX và các cấp xác định đúng số nợ cũ khó có thể trả được của số nông hộ nghèo đói bị nợ sản phẩm của HTX, của Ngân hàng và có giải pháp xóa một phần hoặc trường hợp đặc biệt (nợ từ 1988 về trước) thì xóa cả số nợ sản phẩm này và khoan số nợ Ngân hàng cũ lại cho các chủ nông hộ đang trong hoàn cảnh nghèo đói (9).

Thêm vào đây, chúng tôi còn thấy: Hiện nay chẳng những ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng hơn 140.000 hộ cực đói nghèo phải vay nặng lãi của tư nhân, không trả được, hoặc ốm đau, tai nạn... phải bán ruộng để trả, mà ở một số tỉnh miền Trung, miền Bắc nơi chúng tôi điều tra, với lý do trên, cũng đã có một số bán một phần ruộng đất. Do đó, chúng tôi đề nghị Nhà nước có giải pháp để Ngân hàng phục vụ người nghèo cho họ vay đủ số vốn để chuộc lại số ruộng này và có thêm vốn để phát triển sản xuất, để nhận thêm đất hoang, đất đồi, rừng (một cơ hội như cho không đất) để mở rộng sản xuất, để tự xóa đói giảm nghèo bền vững.

Một thực tế đáng quan tâm là các hộ này hiện nay phần lớn là không vay được hoặc vay được rất ít vốn từ Ngân hàng phục vụ người nghèo và các nguồn quỹ ưu đãi khác mà ngược lại, người khá thậm chí cả người giàu lại được vay nhiều? Do đó, trong nhiều hoàn cảnh cực kỳ khó khăn họ buộc phải bán rẻ ruộng đất cũng là điều cần thấu hiểu và rất đáng suy ngẫm!

** Ba là:*

Đề nghị trong từng thời gian 4 - 5 năm đối với nông hộ đói và 2 - 3 năm đối với nông hộ nghèo, Nhà nước nên dùng chính sách phân phối lại để miễn thu thuế ruộng đất, thủy lợi phí, học phí, viện phí; xã miễn thu các khoản về an ninh, phúc lợi và các khoản đóng góp nghĩa vụ xã hội,... cho những nông hộ đói nghèo (21).

** Bốn là:*

Cùng với các giải pháp trên, đề nghị Nhà nước cần hoàn thiện chính sách ưu tiên đầu tư và sử dụng vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn - đặc biệt là chính sách đầu tư xóa đói giảm nghèo cho

vùng nghèo, xã nghèo, hộ nghèo một cách hợp lý. Vì chúng luôn luôn có mối quan hệ với nhau rất chặt chẽ trong xóa đói giảm nghèo (10). Chẳng hạn về việc ưu tiên xây dựng những cơ sở hạ tầng ở những xã nghèo, vùng nghèo như thế nào cho hợp lý là vấn đề cần bổ sung hoàn thiện. Vì qua nghiên cứu những ảnh hưởng trực tiếp của cơ sở hạ tầng đến xóa đói giảm nghèo thì chúng tôi thấy rằng, vấn đề thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp là vấn đề hàng đầu vừa có lợi cho cả cộng đồng, vừa có lợi trực tiếp đến hộ đói nghèo là rất thiết thực, rõ ràng. Ví như ở Kỳ Phương (Kỳ Anh - Hà Tĩnh, xem các chú thích được minh họa ở I - 3); ở Đông Minh - Đông Sơn - Thanh Hóa - Xem các chú thích được minh họa ở I - 2) đã cho thấy là rất rõ.

** Năm là:*

Trong chính sách vốn đầu tư xóa đói giảm nghèo, đề nghị Nhà nước nghiên cứu hoàn thiện theo các giải pháp:

+ Trên cơ sở xác định đúng tiêu chuẩn hộ đói, nghèo và họ đã được cán bộ xã hướng dẫn lập kế hoạch làm ăn, theo dõi công việc thực hiện công

nhận, Nhà nước cho vay không lãi, không thế chấp và chuyển thẳng tiền mặt trực tiếp theo đơn xin vay của hộ đói khoảng 3 triệu, cho hộ nghèo khoảng 2 triệu đồng, với thời gian là 5 năm cho hộ đói, 3 năm cho hộ nghèo, sau thời gian đó mới trả dần lại vốn vay cho Nhà nước mỗi năm là 1 triệu đồng.

+ Đồng thời cùng với giải pháp trên, để hạn chế các mặt tiêu cực - tham nhũng các nguồn vốn cho người đói, nghèo như nhiều nơi đã xảy ra, Nhà nước nên thống nhất quản lý các nguồn vốn cho hộ đói nghèo vay bằng một đầu mối (không để như hiện nay có đến hơn 10 đầu mối, dễ phát sinh tiêu cực - tham nhũng...).

+ Và nên thống nhất mức lãi suất hợp lý cho người đói, nghèo vay của NHNo và Ngân hàng phục vụ người nghèo khi họ cần vay thêm cho sản xuất (do yêu cầu của kế hoạch làm ăn) và cả cho khi gặp khó khăn để khỏi phải vay tư nhân nặng lãi, đồng thời để hạn chế tình trạng người khá giả (thông đồng với cán bộ) được vay nhiều để cho vay lại và thường chênh lệch lãi (chênh lệch giá) v.v...

3. Về biện pháp hành động chủ yếu của các cấp và hộ

Đây là cách làm, việc làm cụ thể của các cấp và hộ đói nghèo nhằm cùng mục đích xóa đói giảm nghèo có hiệu quả, đem lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc trực tiếp cho người đói, nghèo và cũng là cho chính mình, cho tất cả. Ở đây chỉ đề cập đến mấy biện pháp hành động chủ yếu.

a. Biện pháp hành động chủ yếu của các cấp (từ Trung ương xuống tỉnh, huyện, xã).

* *Một là:* Sau khi chương trình Quốc gia về xóa đói giảm nghèo được đưa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa, các cấp cần phải được xác định mục tiêu, bước đi và có kế hoạch, có tổ chức thực hiện một cách cụ thể (xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cấp mình và phân công, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng bộ phận và đến từng người).

* *Hai là:* Tổ chức lại bộ máy xóa đói giảm nghèo cả về mặt quản lý, chỉ đạo và điều hành sao cho thống nhất từ Trung ương xuống đến cơ sở để bảo đảm đạt được kết quả tốt hơn. Vì hiện nay có đến

hơn 20 chương trình dự án mà trong đó phần lớn nội dung cơ bản vẫn là xóa đói giảm nghèo. Chẳng hạn: Chương trình 135, Chương trình Xây dựng trung tâm cụm xã, Chương trình Định canh định cư, Chương trình Hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, v.v... Nếu để riêng lẻ thì vừa manh mún, chồng chéo, tốn kém nhiều kinh phí hành chính vừa gây nhiều quan liêu lãng phí, tiêu cực - hầu như chương trình dự án nào cũng bị thất thoát - tham nhũng dẫn đến kết quả đạt được là còn thấp xa so với vốn đã bỏ ra.

** Ba là:* Về cán bộ xóa đói giảm nghèo gồm có cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm có tâm huyết, có năng lực và liêm khiết từ Trung ương đến cơ sở. Bảo đảm nguyên tắc: Gọn nhẹ, chuyên tinh, hiệu quả và thưởng phạt nghiêm minh. Và thêm vào đây, nếu cần Chính phủ có thể thành lập một nhóm tư vấn về xóa đói giảm nghèo cho Chính Phủ.

** Bốn là:* Có chế độ kiểm tra kiểm toán việc thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo công khai, minh bạch, không có tham nhũng dưới bất cứ hình thức nào.

* *Năm là:* Có chế độ phân công, giao nhiệm vụ, giúp đỡ theo dõi kế hoạch làm ăn của các nông hộ đói nghèo, có sơ kết, tổng kết và có biện pháp nhân rộng.

* *Sáu là:* Để nhân rộng nhanh và có hiệu quả thiết thực, cần coi trọng và có sự giúp đỡ *những mô hình* tự phấn đấu thực hiện kế hoạch làm ăn, xóa đói giảm nghèo đã được tổng kết để *học tập nêu gương* và hoàn thiện những điều còn khiếm khuyết như việc nêu gương chị Lê Thị Dương chẳng hạn (Xem báo Thanh Hóa, ngày 24/10/1998).

b. Biện pháp hành động chủ yếu của các nông hộ đói nghèo.

Tâm lý và biện pháp hành động làm ăn có kế hoạch của mỗi nông hộ để tự xóa đói giảm nghèo là có tính quyết định. Nó được thể hiện bằng hành động.

* *Một là:* Học tập lập kế hoạch làm ăn, chuẩn bị các nguồn lực và công nghệ cho sản xuất, dịch vụ và phân công điều khiển lao động hợp lý đến từng công việc cho từng người trong gia đình trong từng ngày, từng tuần, bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất - dịch vụ đã lập để tự xóa đói giảm nghèo

và phát triển. Kiên quyết chống, tránh tư tưởng ỷ lại (xem chương III).

* *Hai là:* Tiến hành ghi chép, theo dõi thu chi bằng tiền mặt, để biết việc sử dụng tiền mặt vào sản xuất, vào sinh hoạt và số dư cần có trong mỗi tháng để trả nợ (dưới hình thức dùng nó đầu tư thêm mở rộng sản xuất, làm dịch vụ hoặc gửi tiết kiệm). (Xem hướng dẫn ở mục B của phụ lục).

* *Ba là:* Tập hạch toán giá thành những sản phẩm chính từ giản đơn đến đầy đủ và tập phân tích hiệu quả thực hiện kế hoạch làm ăn sau mỗi vụ, mỗi năm để tự tin, động viên các thành viên trong gia đình phát huy tính tích cực trong lao động sản xuất và tiết kiệm trong tiêu dùng; đồng thời khắc phục những khuyết điểm để phát triển sản xuất, làm dịch vụ cho vụ sau, năm sau tốt hơn, tự xóa đói giảm nghèo bền vững rồi tiến lên là khá giả (Xem hướng dẫn ở chương IV).

CHƯƠNG III

LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

I. KẾ HOẠCH LÀM ĂN LÀ KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG VÀ LÀ BIỆN PHÁP TỐT ĐỂ VƯỢT ĐÓI NGHÈO CỦA HỘ NÔNG DÂN

1. Kế hoạch làm ăn là kim chỉ nam cho hành động

Hộ nông dân (nông hộ) nói chung và các hộ nông dân đói nghèo là những đơn vị kinh tế *tự chủ*. Tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất - dịch vụ kinh doanh, khoa học kỹ thuật tài chính và *tự chịu* hoàn toàn trách nhiệm về lãi lỗ, dẫn đến khá giàu hoặc nghèo đói.

Vậy, để tự chủ tốt, tất yếu phải lập kế hoạch làm ăn: Sản xuất, dịch vụ gì? Vốn và công nghệ sản xuất - dịch vụ như thế nào? Sản xuất ra được

bao nhiêu, để ăn bao nhiêu, bán bao nhiêu, bán cho ai, bán lúc nào, bán ở đâu? Giá bán so với chi phí sản xuất (giá thành) thì lãi, hoà hay lỗ?

Làm ra sản phẩm, làm dịch vụ, làm thuê kiếm được tiền thì ăn tiêu sao cho (có lượng, có chất mà rẻ nhất) phù hợp với hoàn cảnh kinh tế còn nợ, còn đói nghèo của gia đình mình nên càng phải có kế hoạch ăn tiêu một cách tiết kiệm nhất. Do đó kế hoạch làm ăn *vừa cần, vừa kiệm* của mỗi hộ nông dân, đặc biệt là hộ nông dân đói nghèo, là yêu cầu khách quan. *Nó như ngọn đèn, bó đuốc soi sáng cách làm ăn cho hộ nông dân đói nghèo vượt đói nghèo bền vững.* Như bó đuốc soi sáng cho người nghèo lần đường đi trong đêm tối trên những nẻo đường gập ghềnh khúc khuỷu, lắm vực thẳm, nhiều đèo cao có thể khỏi bị vấp ngã xuống vực thẳm của đói nghèo mà vững bước vượt qua.

Nhưng, để lập được kế hoạch làm ăn (sản xuất - dịch vụ, khoa học - kỹ thuật, tài chính) được sát đúng (hay gần đúng và chắc chắn là có thể thực hiện được, thì cần phải học để làm từ thấp đến cao vì nó là một khoa học của quản lý kinh doanh sản xuất, dịch vụ.

2. Lập kế hoạch làm ăn từ thấp đến cao là biện pháp kết hợp tốt sự giúp đỡ của Nhà nước (chính sách xoá đói giảm nghèo) với hành động tự cứu mình - tự xoá đói giảm nghèo - có hiệu quả nhất. Chính nó là một dự án về xoá đói giảm nghèo.

Tự xoá đói giảm nghèo là hành động - là việc làm cụ thể - mà bất cứ người đói, nghèo nào cũng mong muốn để có cơm no, áo ấm, có độc lập - tự do - hạnh phúc. Đó chính là *tâm lý* là ước mơ đơn giản nhất của con người để khỏi *xấu hổ* với mình, với người đời. Nhưng làm sao để vượt qua? Cái đói nghèo từ đời này sang đời khác, ngày nọ đến tháng kia cứ nứu kéo họ mãi! Nếu không có sự giúp đỡ? Nhưng có sự giúp đỡ mà tự bản thân người đói nghèo thiếu nhận thức, thiếu tình cảm, thiếu ý chí "*thương người không tày thương thân*" để có hành động quyết chí vượt qua đói nghèo thì những cơ hội giúp đỡ "*thương người như thể thương thân*" được thể hiện trong chính sách xoá đói giảm nghèo của Nhà nước sẽ trôi qua, khó tự xoá đói giảm nghèo như mong muốn!

Thực tế đã chỉ ra là chỉ có sự kết hợp: Tự thương mình, tự cứu mình là chính, kết hợp với người

thương, người cứu mình bằng chính sách xoá đói giảm nghèo của Đảng, của Nhà nước mới có thể thực hiện được mục tiêu xoá đói giảm nghèo và vượt qua đói, nghèo bền vững. Nhưng để vượt qua sao cho có hiệu quả cao (Từ giảm dần mức đói, nghèo đến xoá được đói, tiến lên xoá được nghèo với thời gian ngắn nhất so với mục tiêu, với tiền vốn, sức lực đã chi ra) thì đòi hỏi phải lập và thực hiện cho kỳ được kế hoạch làm ăn từ thấp đến cao sao cho sát với hoàn cảnh cụ thể của mỗi hộ đói nghèo thì mới có thể thực hiện tốt được việc kết hợp này. Kết hợp tự cứu mình với sự giúp đỡ mình, được thể hiện trong kế hoạch làm ăn ở từng vụ, từng năm có sự giúp đỡ, kiểm tra theo dõi chặt chẽ, nhằm chẳng những để đảm bảo vốn vay về làm ăn đạt được hiệu quả cao; để bảo đảm hoàn trả vốn, lãi vay; mà còn bảo đảm tái sản xuất mở rộng, bảo đảm xoá đói giảm nghèo bền vững. Như vậy thực chất của kế hoạch làm ăn của mỗi nông hộ đói nghèo là một dự án thực hiện chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo quan trọng nhất và có hiệu quả trực tiếp nhất.

Theo chúng tôi, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước đã có hơn 7 năm rồi và Nhà nước chỉ tiến cho xoá đói giảm nghèo cũng đã nhiều (dù chưa phải thoả đáng), nhưng mục tiêu đề ra đạt được còn thấp. Có tình hình đó bởi một trong nhiều nguyên nhân là chưa có biện pháp chủ yếu này. Song, để lập và thực hiện được kế hoạch làm ăn sát đúng với hoàn cảnh cụ thể của mỗi nông hộ đói nghèo thì cần phải biết được những điều kiện cơ bản dưới đây:

II. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN CẦN BIẾT ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

1. Những thông tin về chính sách đối với hộ đói nghèo, xã nghèo có ảnh hưởng đến việc lập và thực hiện kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo

Để thực hiện chủ trương, mục tiêu xoá đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước đã có chương trình Quốc gia và nhiều chính sách cụ thể để xoá đói giảm nghèo như đã trình bày ở mục II chương I. Nhưng qua tiếp cận với các loại nông hộ đói nghèo ở nhiều vùng trong cả nước, có thể nói phần lớn các

chính sách, người nghèo đói nhận được thông tin không đầy đủ, thiếu chính xác, thậm chí sai lệch hoặc không nhận được thông tin. Do đó, chúng tôi thấy, để tính toán được nguồn nhân lực (nhất là ruộng đất canh tác, đất trồng rừng ưu tiên cho người nghèo trong dự án trồng 5 triệu ha rừng¹⁾ và vốn được cấp, vay.v.v...) thì Ban xoá đói giảm nghèo xã cần có biện pháp thông tin sao cho từng hộ đói nghèo có thể nắm chắc được các chính sách này để làm thủ tục xin nhận đất, vay tiền.v.v... để lập kế hoạch làm ăn, tự xoá đói giảm nghèo.

2. Thông tin thị trường hiện tại và dự báo ở một số năm tới

Thị trường có vị trí trọng yếu đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, đến tiểu vùng, đến xã và thực hiện trong doanh nghiệp, trong hộ nông dân và đến cả kế hoạch làm

¹. Về trồng rừng sản xuất: Trong dự án trồng 5 triệu ha rừng có qui định: "Hộ nghèo được cấp 0,5 - 2 ha đất phát triển kinh tế gia đình, được cấp 1,5 triệu đồng/ha rừng trồng; được vay ngân hàng tới 10 triệu đồng, không phải thế chấp" (Báo Nhân dân: 6/5/1998).

ăn của các hộ nông dân đói nghèo là có tính quy luật của nền kinh tế thị trường. Do đó, vấn đề thông tin thị trường chẳng những là yêu cầu, đòi hỏi cấp bách của doanh nghiệp, của nông hộ khá giàu sản xuất nông sản hàng hoá ngày càng nhiều mà ngay cả các hộ nông dân đói nghèo cũng rất cần, nhất là cần cho việc lập kế hoạch làm ăn để xoá đói giảm nghèo có hiệu quả. Vì thực tế hiện nay, vấn đề giá cả về nông sản phẩm thì ngoài giá lương thực gần đây có tăng lên đã chống được lỗ, sản xuất đã có lãi hợp lý, nhưng các nông sản phẩm khác thì giá cả không ổn định đã gây nhiều tổn thất - làm ăn thua lỗ cho nông dân, nhất là các hộ đói nghèo. Chẳng hạn, đầu năm nay (1998) nhà nghèo nào vay được ít vốn cũng cố mua một, hai con lợn giống để nuôi - như "tiền bỏ ống tre" - để góp phần kiếm một món tiền trả nợ, để góp phần xoá đói giảm nghèo. Nhưng do "mù mịt" về thông tin dự báo giá cả thị trường nên chăn nuôi lợn đang bị thua lỗ to. Vì giá lợn hiện nay xuống quá thấp, 1kg thịt lợn hơi giá 7 nghìn đồng và 1kg lợn hơi giống giá chỉ có 5.000 đồng nên đã nợ càng tăng thêm nợ .v.v...

Vậy:

- Vấn đề thông tin thị trường với xoá đói giảm nghèo quan hệ với nhau như thế nào?

- Tổ chức thông tin thị trường cơ sở phục vụ kế hoạch làm ăn cho nông dân đói nghèo như thế nào?

- Hoạch định và thực thi chính sách thị trường tiêu thụ nông sản rõ ràng, thông thoáng và có lợi cho người dân - cho người nghèo như thế nào?

- Chính sách cung ứng các yếu tố đầu vào (vật tư nông nghiệp) cho nông dân sản xuất như thế nào, nhất là cho nông hộ đói nghèo?

- Chính sách hợp đồng cung ứng vật tư, thu mua nông sản, hỗ trợ và bảo hộ nông dân - đặc biệt là cho hộ nông dân đói nghèo trong trao đổi hàng hoá như thế nào?

Đây là những vấn đề rộng lớn sẽ được nghiên cứu và trình bày đầy đủ, cụ thể hơn ở một dịp khác.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng đến kế hoạch làm ăn xoá đói giảm nghèo của hộ

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thực chất là chuyển đổi, giảm, bỏ ngành sản xuất, dịch

vụ không có hiệu quả, hoặc có hiệu quả kinh tế - xã hội thấp và tăng thêm quy mô, phát triển thêm ngành mới hoặc củng cố những ngành sản xuất, dịch vụ có hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn, mà trung tâm là hiệu quả kinh tế cao. Thực chất là xác định các ngành sản xuất chính, bổ sung, phụ và dịch vụ, hay nói theo thuật ngữ khoa học và việc xác định các ngành chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá và ngành sản xuất bổ sung, phụ và dịch vụ một cách hợp lý để có hiệu quả kinh tế cao. Mà nơi thực hiện, *người thực hiện sự chuyển dịch đó chính là các doanh nghiệp, các chủ hộ nông dân bao gồm cả hộ đói nghèo*. Do đó, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của một tiểu vùng (của xã, huyện, tỉnh với những chương trình, dự án tương ứng) phải được thực hiện đến hộ nông dân... trong đó có những dự án được ưu tiên cho các hộ nông dân đói nghèo. Ví dụ dự án kinh tế gò đồng, dự án ổn định tái định cư... ở xã Kỳ Phương (mặc dù còn những vấn đề cần bàn).

Vì những lẽ trên, để chuẩn bị lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo cần phải biết đến sự chuyển dịch cơ cấu chung với những dự án của nó

để tính đến sự phát triển các ngành sản xuất - dịch vụ trong kế hoạch làm ăn của nông hộ mình.

4. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, dịch vụ của hộ mình trong một năm bình thường hoặc vài năm qua

Nội dung của vấn đề này sẽ được thể hiện ở chương III. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là để lập kế hoạch làm ăn cho năm tới thì phải đánh giá đúng kết quả sản xuất, làm dịch vụ trong từng vụ và cả năm của một hoặc vài năm qua để biết rõ ưu, khuyết, nguyên nhân và khả năng phát triển sản xuất, dịch vụ trong năm tới. Từ đó, sẽ lập được kế hoạch sát đúng, có thể thực hiện tốt.

5. Đánh giá về thu chi bằng tiền mặt, kể cả chi ăn tiêu của hộ mình trong năm qua

Đây là một nội dung sẽ được trình bày ở chương III. Nhưng để lập kế hoạch làm ăn được sát đúng thì yêu cầu hộ phải tự đánh giá kết quả thu chi bằng tiền (kể cả tiền bán nông sản, làm thuê và tiền vay, bao gồm cả việc dùng cho ăn tiêu) có gì

ưu, khuyết cần rút kinh nghiệm để phát huy hoặc khắc phục trong kế hoạch làm ăn của năm tới.

6. Kiểm kê những năng lực sản xuất hiện có và tính đến những khả năng mới có thể có trong năm tới của hộ mình

Đối với các hộ nông dân đói nghèo thì năng lực sản xuất hiện nay không có gì lớn, ngoài sức lao động, mấy sào ruộng (gò đồi, rừng trồng nếu có) và ít đất vườn, ao, một số công cụ cầm tay thô sơ, lạc hậu (xem minh họa I - 1; I - 3 và I - 9 thì rõ). Nhưng cần chú ý tính đến khả năng mới, gồm năng suất cây trồng có thể thâm canh trên ruộng, đất vườn và có trong diện tích ao có thể nuôi thâm canh. Thêm vào đó, cần tính đến phần ruộng đất bị rút sẽ được trả lại, chia còn thiếu sẽ được giao đủ, ruộng, ao cầm cố (bán) sẽ được chuộc lại, đặc biệt là đất gò đồi (như minh họa I - 3), đất trồng rừng sẽ được giao, khả năng chăn nuôi và nghề phụ có thể phát triển (như minh họa I - 1) khi vay được vốn và có quy trình công nghệ sản xuất được hướng dẫn.

7. Đặc biệt chú ý đến những tác động của điều kiện tự nhiên và môi trường (kinh tế - xã hội) của xã, thôn, xóm

Sản xuất nông nghiệp và hộ nông dân được trải rộng trong khắp các vùng lãnh thổ, mà sản xuất nông nghiệp thì chịu ảnh hưởng của tự nhiên (thời tiết khí hậu, hạn, bão, lụt, đất đai, địa hình...) là rất lớn. Hầu hết các minh họa trong chương I trong chừng mực cũng đã chỉ rõ. Bởi thế, những hộ nông dân ở vùng được thiên nhiên ưu đãi: đất tốt và mưa thuận gió hoà, được mùa liên tục thì đời sống nông dân khá hơn, hộ đói nghèo ít hơn và ngược lại. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã có chính sách đối với xã nghèo, vùng nghèo (đất xấu, địa hình phức tạp, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt như minh họa I - 3; I - 8...), mà ta chưa có khả năng chế ngự thiên tai; và các vùng cao, sâu, xa hẻo lánh (minh họa I - 4; I - 5; I - 6; I - 7) mà chưa giải quyết được đường sá, v.v... Hoặc ở vùng đồng bằng, chưa chủ động được thủy lợi tưới tiêu (như minh họa I - 2; I - 3; I - 8...) cũng đã gây tác hại không ít đến mùa màng, dẫn đến nhiều hộ nông dân lâm vào cảnh đói nghèo nên trong việc lập kế hoạch làm ăn của

hộ cần phải tính đến. Trong đó, vấn đề thủy lợi là vấn đề ảnh hưởng đến đời nghèo hàng đầu trong hầu hết các xã nghèo, các loại nông hộ đói nghèo. Do vậy, theo chúng tôi, đây là vấn đề nổi cộm mà trong thời gian tới, nếu Nhà nước ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thì ưu tiên của ưu tiên phải là vấn đề thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp và *vấn đề thủy lợi cũng chính là vấn đề để xóa đói giảm nghèo có hiệu quả nhất*. Đồng thời cần phải chú ý đến môi trường hoạt động kinh tế xã hội trong mỗi cộng đồng như vấn đề hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; thông tin thị trường tại cơ sở, các doanh nghiệp; cung ứng vật tư, thu mua nông sản phẩm, chế biến nông lâm hải sản của Nhà nước.v.v... Trong đó có hợp đồng sản xuất bao tiêu sản phẩm bảo đảm ổn định giá cả cho nông dân yên tâm sản xuất là những vấn đề cần được quan tâm.

III. LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN HÀNG NĂM CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

Sau khi nắm vững những điều kiện cơ bản nói chung để lập kế hoạch làm ăn (sản xuất, dịch vụ, kỹ thuật, tài chính, ăn tiêu) của hộ như đã trình

bày ở trên, từng hộ nông dân đói nghèo cần xác định mục đích và mục tiêu xoá đói giảm nghèo cụ thể của mình, đồng thời căn cứ vào những điều kiện cơ bản của gia đình để lập kế hoạch làm ăn từng năm (như kế hoạch làm ăn năm 1999 của gia đình chị Lê Thị Dương, sẽ dẫn ra dưới đây để làm một ví dụ chẳng hạn).

A. XÁC ĐỊNH MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN TỰ XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA TỪNG HỘ

1. *Mục đích lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo là nhằm làm ra được thêm sản phẩm, thêm tiền để có ăn no, mặc ấm, con được học hành, trả được nợ; tự xoá đói, nghèo tiến lên có đời sống khá giả.*

2. *Mục tiêu kế hoạch làm ăn phấn đấu đến năm 2000, 2001, 2002, v.v... của hộ đói thì xoá được đói, của hộ nghèo thì xoá được nghèo (theo cách tính hiện nay).*

B. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN VỀ SỨC LAO ĐỘNG VÀ RUỘNG ĐẤT, CHUỒNG TRẠI CHĂN NUÔI..., CÔNG CỤ SẢN XUẤT (CÔNG CỤ LAO ĐỘNG) CỦA HỘ

Bảng II - 1: Nhân khẩu và sức lao động trong gia đình chị Dương năm 1999.

Họ tên	Quan hệ	Tuổi và khả năng lao động (chính, phụ)	Trình độ văn hoá và nghề nghiệp	Sức khoẻ
1. Lê Thị Dương	Chủ hộ	41 - Lao động chính	7/10 - nông	A
2. Lê Ngọc Việt	Chồng	41 - Bệnh	7/10 - nông	Bệnh tâm thần từ 11-1985
3. Lê Thị Hải	Con	14 - Phụ	7/12 - học sinh và giúp mẹ	A
4. Lê Ngọc Lương	Con	12 - Phụ	6/12 - học sinh và chăn bò	A
5. Lê Thị Thuật	Mẹ chồng (mẹ liệt sĩ, cùng hộ khẩu nhưng ăn riêng)	79 già		Tuổi già, yếu

**Bảng II - 2: Ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi... công cụ sản xuất
hộ chị Dương**

Năm	Ruộng đất		Chuồng trại chăn nuôi ... Công cụ sản xuất		Giá trị 1,000đ	Ghi chú
	Loại ruộng đất	Số lượng (m ²)	Tên	Số lượng (m ² , chuồng, con, cái, đôi...)		
1997	- Ruộng (2 lúa + rau vụ đông) - Đất đổi - Đất rừng - Ao (bèo - vịt - cá, chung 2 anh em)	2.500 - - 40	* Chuồng chăn nuôi: bò (trâu), lợn, gà. * Công cụ sản xuất: - Bò (trâu) cây kéo + kết hợp sinh sản (nếu có) - Cây bừa - Máy tuốt lúa đập chân - 1 cuốc, 1 xẻng, 2 cào cỏ, 2 liềm, 1 đôi quang gánh... - Nồi nấu rượu - Thùng gánh nước tưới rau * Nhà chế biến nông sản nấu rượu gạo * Công cụ sản xuất - Mua 1 nồi nấu cơm nấu - Tạo 1 lợn nái sinh sản (nái cơ bản) - ...	14m ² (bò, lợn, gà, vịt) 1 con bò cày (kết hợp cày bừa với sinh sản) 1 bò 1 cái 7 cái 1 cái 1 đôi 2m ² chung với bếp	1000 1500 160 230 20 120 40 150	 Cổ từ 1998
1998	- Đất vườn (mía + xen rau dưới mía - do em chồng đi ở nơi khác để chỉ sử dụng) - Ruộng, đất được trả lại - Ruộng, đất được chia thêm - Ruộng, đất ao, được chức lại - ...	136 - - -				
	Cộng	2676			410	

Ghi chú: ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi,... Công cụ sản xuất có ở năm 1997 cũng là số có của năm kế hoạch 1999. Do đó, năm 1999 chỉ ghi những thứ mới có thêm.

C. LẬP KẾ HOẠCH CÁC NGÀNH SẢN XUẤT - DỊCH VỤ VÀ TÍNH HIỆU QUẢ

Dựa vào mục tiêu đã được xác định và điều kiện cơ bản về khả năng lao động, ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi, nhà chế biến nông sản,... và công cụ sản xuất của mỗi hộ đói nghèo để lập kế hoạch sản xuất, dịch vụ của hộ mình sao cho sát đúng, có thể thực hiện được tốt, đồng thời tính hiệu quả kinh tế cho từng cây trồng, từng con gia súc chăn nuôi và từng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp dịch vụ bằng 2 chỉ tiêu chủ yếu là *lỗ hay lãi và thu nhập thực tế một ngày công* cao hơn hay thấp hơn tiền công bình quân 1 ngày đi làm thuê để biết được hiệu quả kinh tế cao hay thấp.

Để thấy rõ cách lập kế hoạch và cách tính hiệu quả kinh tế đó, chúng ta hãy tham khảo cách làm và cách tính kế hoạch các ngành sản xuất - dịch vụ của hộ chị Dương ở các bảng II - 3, 4, 5, 6 ở các trang bên.

**Bảng II - 3: Kế hoạch sản xuất sản phẩm các cây trồng
và hiệu quả hộ Chi Dường**
(Đơn vị tiền: 1000 đồng)

Năm	Ngành trồng trọt	Quả mô đến tích (m ²)	Thu - Chi																Hiệu quả		Ghi chú
			Thu (sản lượng)			Chi (chi phí sản xuất)										Lãi		Thu nhập chí 1 ngày công (quá ngày)			
			Sản lượng (t/gi)	Trong đó bán số	Giá bán mô đến tích (đơn vị)	Giống	Phân sâu	Thuốc sâu	Thuế và phí đến tích		Cộng tích tổng công	Số ngày sản công	Cộng ngày sản công	Tổng chi tích tổng sản	Giá thành tích (đơn vị)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
Thực tế 1997	Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai lang đông	2500 2500 380	1100 900 C12000 D6600	- - - -	1.5 1.5 0.40 0.16	1650 1350 180 160	52.5 52.5 20.0 20.0	180.5 180.5 60.0 60.0	20 20 - -	208 208 - -	208 459 86 -	459 459 5 -	80 800 50 136	800 1059 1059 136	1059 1059 136 -	0.963 1.177 - -	+591 +291 +24 -	19.8 14.8 14.8 -			
	- Ao thả heo Cộng	40 5400	- -	- -	- -	- 3160	- 63	- 240.5	- 20	- 232	- 555.5	1004 125	125 1250	1250 2254	- -	- -	+908 +184.5	- 29.7			
Kế hoạch 1999	Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai lang đông	2500 2500 380	1300 1100 C12000 D6600	- - - -	1.80 1.80 0.50 0.16	2340 1980 205 200	63 63 20 200	240.5 220.5 71.0 15.0	20 20 - -	232 535.5 - -	232 535.5 91.0 -	80 800 6 -	80 1135.5 1135.5 136	800 1135.5 1135.5 136	1135.5 1059 136 -	1.00 1.00 - -	+844.5 +291 +54.0 -	24.0 14.8 19.0 -			
	- Mía (trồng vườn) - Rau (dịch mùa) - Ao thả heo	138 138 40	200 395 -	200 - -	0.50 0.35 -	100 138 -	10 9 -	15.0 21.0 -	- - -	- - -	25.0 30.0 -	3 10 -	30 100 130	560 1300 130	560 1300 130	- - -	+45.0 +8.2 -	25.0 10.8 -			
	Cộng	5872	-	-	-	4763	-	-	-	-	1237	139	1390	2827	2827	-	+2132.2	-			

Ghi chú: Trong thuế sử dụng ruộng đất được giảm 50% (cho các gia đình liệt sỹ, bằng 47,7%kg thóc cho 5 sào) còn đóng 47,7 kg thóc (a) và (b).

Bảng II - 4: Kế hoạch sản xuất sản phẩm các gia súc chăn nuôi và hiệu quả (hộ chị Dương)
(Đơn vị tiền: 1000 đồng)

Năm	Ngành chăn nuôi	Quả mô số lượng gia súc (con)	Thu - Chi										Hiệu quả		Ghi chú			
			Thu (sản lượng)			Chi (chi phí sản xuất)							Lãi +/k	Thu nhập thực tế 1 ngày công (túi gạo/ ngày)				
			Sản lượng		Tổng	Mua vật tư			Công									
			Tổng số	Trong đó bán		Thức ăn	Thủy	...	Khấu hao	Công tiền	Số ngày công	Công tiền				Tổng chi	Giá thành chi một đơn vị sản phẩm	
1	2	3	4	5	6	7=6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16= 13+15	17= 18- 16.4	18= 19-(7- 13):14	20
Thực tế 1997	TRÁU CAY - Giá trị cây	1 con	Cây 3 mẫu (1.5ha)	Cây sào (2mẫu) (1ha)	104	300	-	250 (rom)	-	-	80	330	100	1300	1330	-830	1.7	Tân dụng được 1.0 phụ
	PHÂN - Lợn thịt	2 con (1x 2/ta)	4 tấn	134kg	50tấn	200	168	700	-	-	-	888	45	450	1318	9.4kg	+20	10.4
	PHÂN CHUÔNG - Gà	1.3 tấn	-	-	50tấn	65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Đẻ (đẻ sản)	5 mái con	300 gà con	200 con	2con	800	Tư tức	202	-	-	202	23	230	432	1.4/kg	+168	17.3	-
	+ Thịt	10	15kg	12.9g	18kg	240	30	100	-	-	130	3	30	160	107kg	+80	36.6	-

1	2	3	4	5	6	7=6x4	8	9	10	11	12	13	14	15	16= 13+15	17= 18+ 14/100m	18= 7-18	19=7- 13+14	20
	Vật Thự	10 (vật bầu)	15kg	5con	13con	130	27	30	-	10		67	8	80	147	14/100m	-17	7.9	
	Công					2808						1597	179	1790	3387		-579		
	Bó (thay bầu) cây và vật thự	1con																	
	- Giá trị cây		Cây thụt 3mẫu	Cây thụt 2mẫu	10/1 sào	300	-	250		80	330	100	1000	1330			-830	1.7	
	- Phần		41m	50m	50m	200													
	Lốp																		
	- Nút dè	1 con				2180	-	1444	30	50	1524	65	650	2174	133kg		+8	10.1	
	+ Con giống		180kg	110	13kg	2080													
	+ Phần		2 tấn	50m	100														
	- Lốp thự	3+3=6	420kg	420kg	9.5kg	3990	548	2500				3048	85	850	3898	8.8kg	+294	13.4	
	- Phần		4 tấn	50m	200														
	GA																		
	- Đá (đ. s. sản)	10m	800	400	2con	1200	Từ lúc	404				404	45	450	854	1.6kg	+346	17.7	
	- Gà thự	20 con	30kg	25kg	16kg	480	80	200				280	6	80	320	107kg	+180	38.7	
	Vật Thự	10 (vật bầu)	15kg	5 con	13con	130	27	30	10			67	8	80	147	14/100m	-17	7.9	
	Công					8880						5631	309	3090	8721		-41		

Ghi chú cho bảng II - 3 và II - 4:

a. Trong sản phẩm nông nghiệp thường có sản phẩm chính và sản phẩm phụ (ví dụ lợn thịt là sản phẩm chính, phân là sản phẩm phụ, hay lúa thì thóc là sản phẩm chính còn rơm rạ là sản phẩm phụ, v.v...). Do đó để tính được giá thành đơn vị sản phẩm chính được chính xác, người ta lấy tổng chi phí sản xuất (ví dụ tổng chi của chăn nuôi lợn thịt ở cột 16) trừ giá trị sản phẩm phụ (ví dụ là phân ở cột 7) rồi chia kết quả cho số sản phẩm chính (ví dụ là thịt lợn hơi ở cột 4) thì ta sẽ được giá thành đơn vị sản phẩm phụ ít (như có một ít rơm của ngành sản xuất lúa dùng để đun nấu) thì có thể người ta không tính giá trị sản phẩm để trừ, v.v...

b. Để tính thu nhập thực tế một ngày công (8 giờ) thì lấy tổng thu bằng tiền (ở cột 7) trừ chi phí mua vật tư, thuế... (ở cột 13), rồi lấy kết quả chia cho số ngày công (ở cột 14) sẽ được kết quả về thu nhập thực tế của một ngày công.

Đối với các hộ nông dân đây là chỉ tiêu tính hiệu quả kinh tế rất quan trọng. Vì trong thu nhập thực tế nó vừa phản ánh tiền thù lao lao động của một

trong năm,
công càn
h tế, sớm
o, tiến lên
muốn.

nông dân
mua sắm
o sản xuất
ác nhau. Ở
na một con
giá là 1,5
u đó sẽ vồ
đương lúc
n mua con
y thì phải
cứ 3 năm
000 đồng.
tiền làm
cộng hết
phải trừ
0.000 đồng

Bảng II - 5: Kế hoạch sản xuất sản phẩm tiêu thụ công nghiệp - chế biến nông (lâm, hải) sản (hộ chị Dương)

(Đơn vị tiền: 1000 đồng)

Năm	Tên sản phẩm	Thu			Chi: vật tư			Hiệu quả				
		Số lượng sản phẩm sản xuất- chế biến	Giá bán đơn vị sản phẩm	Tổng thu tiền	Thóc (làm gạo nấu) (kg)	Men, than nổi ...	...	Tổng chi vật tư, tiền	Tổng thu nhập thực tế	Số ngày công (qui 8 giờ)	Thu nhập thực tế 1 ngày công	Lãi + lỗ - hoà
1997		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kế	* Nấu rượu gạo (10kg thóc làm gạo nấu 1 nổi	12.000 lít	5/lít	6.000	5.400 (1,8kgx 3.000)	675 (men:10 5+than:		6075				

Bảng II - 5: Kế hoạch sản xuất sản phẩm tiêu thụ công nghiệp - chế biến nông (lâm, hải) sản (hộ chị Dương)

(Đơn vị tiền: 1000 đồng)

Năm	Tên sản phẩm	Thu			Chi: vật tư			Hiệu quả				
		Số lượng sản phẩm sản xuất- chế biến	Giá bán đơn vị sản phẩm	Tổng thu tiền	Thóc (làm gạo nấu) (kg)	Men, than nổi ...	...	Tổng chi vật tư, tiền	Tổng thu nhập thực tế	Số ngày công (qui 8 giờ)	Thu nhập thực tế 1 ngày công	Lãi + lỗ - hòa
1997	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kế hoạch 1999	* Nấu rượu gạo (10kg thóc làm gạo nấu 1 nổi được 4 lít/ngày x 300 ngày - năm)	12.000 lít	5/lít	6.000	5.400 (1,8kgx 3.000)	675 (men:10 5+than: 450+nổi : 120)		6075				
	*Bểng rượu (bã rượu)	300 nổi	3,5/nổi	1050								
	Cộng			7050	5400	675		6075	975	100	9,75	-25

Bảng II - 6: Kế hoạch làm dịch vụ (hộ chị Dương)

Năm	Loại công việc dịch vụ	Thu nhập thực tế bằng tiền (đơn vị tiền: 1000đ)			Ghi chú
		Số ngày công (8 giờ)	Tiền công một ngày	Tổng thu nhập thực tế	
Thực tế 1997	- Làm thuê (sản xuất vôi cho chủ lò ở xã Đông Tân)	120	8	960	
	- Cày thuê 2 mẫu ruộng lúa (1ha)	30	10	300	
	Cộng	150		1260	
Kế hoạch 1999	- Cày thuê 2 mẫu ruộng lúa (1ha)	30	10	300	
	- Bán hàng tạp phẩm (xà phòng, nước gội đầu, muối, mì chính, bánh kẹo...) tại nhà	30	...	300	Các ngày có bán trong năm là 300 ngày, mỗi ngày thu nhập được chừng 1000đ
	Cộng	60	...	600	

Bảng II - 7: Kế hoạch vay và cân đối tiền nợ cuối năm (1999)
(hộ chị Dương)
(Đơn vị tiền: 1000 đồng, vật: kg thóc)

Vay của ai	Nợ cũ				Vay mới (1999)					Trả nợ cũ	Cân đối tiền nợ cuối năm			
	Ngày vay	Số lượng		% lãi	Ngày phải trả	Ngày vay	Mục đích	Số lượng			% lãi	Ngày phải trả	Tổng số nợ còn	Khả năng trả nợ và khả năng trả nợ (+/-)
		Thóc	Tiền					Thóc	Tiền					
1. Các ngân hàng														
- NHNG	25/5/98	-	1000	0,8	25/5/2001	1/1/1999	Mở rộng sản xuất	-	1000	0,8	31/12/2001			
- NHNO														
- Quỹ tín dụng ND														
2. Các tổ chức khác														
3. Tư nhân	1/1987		400	2,5										
Cộng			1400						1000			2000	1000	
												520 (a)	-1000	

(a) Trả nợ vay tư nhân 400 cộng (+) lãi 120/năm = 520

Bảng 11 - 8: Kế hoạch thu chi, cân đối bằng tiền mặt, năm 1999 (hệ chi Dương, đơn vị tiền: 1000 đồng)

Thu			Chi		
Các khoản thu	Thực tế 1997	1999	Các khoản chi	Thực tế 1997	1999
BÁN CÁC LOẠI SẢN PHẨM			CHO SẢN XUẤT - DỊCH VỤ	867 (b)	4339(c)
1. Mía	-	100	1. Cây trồng (lúa, mía, rau...)	...	...
2. Lợn thịt	1273	3990	2. Chăn nuôi	...	...
3. Lợn giống	-	1430	- Lợn nái	...	...
4. Giá trị sức kéo bò cày	300	300	- Lợn thịt	...	...
2 mẫu ruộng			- Gà + vịt	...	...
5. Gà con giống	400	800	3. Tiểu thủ công nghiệp	...	...
6. Gà thịt	200	400	Nấu rượu gạo	...	...
7. Vịt	65	65	4. Vốn mua tạp phẩm bán	...	...
8. Thu nhập từ bán rượu	-	975			
- nấu (a)			CHO ĐỜI SỐNG	3031	3251
LÀM DỊCH VỤ			1. Ăn: mua thực phẩm	1095	1195
1. Làm thuê	1260	300	2. Mặc	200	250
2. Thu nhập từ bán tạp phẩm tại nhà (b)	-	300	3. Nhà ở và đồ dùng	50	50
CÁC KHOẢN THU KHÁC			4. Học hành	486(c)	200(c)
1. Vay NHNg (ngân hàng phục vụ người nghèo)	-	1000	5. Chữa bệnh (miễn viện) phí	400	556
2. Vay tiền tư nhân	400	-	6. Phương tiện đi lại	100	100
3. Lương hưu, mất sức, trợ cấp nếu có...	-	-	7. Giỗ tết, tang lễ, cưới	400	500
			8. Tiếp khách	40	100
			9. Chi khác		
			- Điện thoại	200	200
			- Các khoản khác	60	100
			TRẢ NỢ VÀ LÃI	-	520(d)
			GỬI TIẾT KIỆM ĐỂ TẶNG SẢN XUẤT VÀ TRẢ NỢ	-	1550(d)
Tổng cộng	3898	9660		3898	9660

(a) Chỉ tính tổng thu nhập thực tế về tiền công và lãi nếu có.

(b) Ước tính hơn 1/3 tổng chi phí vật tư, thuế, phí...

(c) Năm 1997 chưa được miễn học phí, 1999 tin rằng sẽ được miễn học phí.

(d) 520 = 1550 = 2070 bằng số tiền lãi kế hoạch 1999.

Lời dẫn cách tính thu - chi tiền mặt ở bảng II - 8:

1. Để tính được các khoản thu bằng tiền mặt năm 1997 và kế hoạch năm 1999 thì tính

a. Các loại sản phẩm bán ra thị trường thu về tiền mặt: Trước hết căn cứ vào số liệu đã tính ở bảng II - 3 (sản phẩm cây trồng) và bảng II - 4 (sản phẩm các gia súc chăn nuôi) đã ghi số lượng sản phẩm bán ở cột 5 và giá bán đơn vị sản phẩm ở cột 6 thì tính ra được số tiền bằng cách nhân số lượng bán với đơn giá.

Tiếp theo, ghi khoản tổng thu nhập thực tế bằng tiền của ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp - chế biến nông sản phẩm bằng nghề nấu rượu gạo ở bảng II - 5.

b. Các khoản làm dịch vụ thu về tiền mặt: Căn cứ bảng II - 6, ta có tổng thu nhập thực tế của 1997 và kế hoạch 1999.

c. Các khoản thu khác. Căn cứ bảng II - 7, có thể biết được số tiền đã vay - nợ cũ năm 1997 và kế hoạch vay mới ở năm 1999, v.v...

2. Để tính được các khoản chi bằng tiền mặt ở năm 1997 và kế hoạch 1999, chúng ta tính các khoản chi bằng tiền mua vật tư, nộp thuế, phí khác cho các ngành sản xuất, dịch vụ. Nhưng để đơn giản cách tính cho các hộ, chúng ta có thể tính bằng 1/3 tổng chi phí vật tư, thuế... được tổng hợp ở bảng III - 1 (chương 3). Vì trong tổng chi đó có 1 phần là phân chuồng, giống hộ tự túc không phải mua và hơn nữa là còn có sự luân chuyển vốn sản xuất - dịch vụ qua các chu kỳ sản xuất - dịch vụ trong năm của hộ.

D. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CẢI TẠO VƯỜN TẠP, AO, CHUỒNG, ĐỂ LÀM VAC VÀ KHAI HOANG TRỒNG MỚI

Đây chính là kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.. Kế hoạch đầu tư cải tạo vườn tạp, ao, chuồng để làm VAC là cấp bách, mang tính phổ biến trong các hộ nông dân đói nghèo. Qua minh họa I- 2; I - 3; I - 9 đã chỉ rõ yêu cầu khách quan đó. Đồng thời đó cũng là một vấn đề đầu tư có hiệu quả nhất, đặc biệt đối với hộ nông dân đói nghèo. Có hộ (như

minh hoạ I - 2) chẳng những không cải tạo, xây dựng được mô hình kinh tế VAC mà còn phải bán ao và có hộ còn phải bán một phần đất vườn (như anh Vũ Hữu Học ở Di Sửu, Mỹ Văn, Hưng Yên.v.v...) vì không có vốn và không vay được hoặc vay được rất ít vốn của Ngân hàng người nghèo. Lẽ ra họ phải được vay trên dưới 4 triệu (như đã thử tính ở mục III.2b. ở chương I) với thời gian 3 - 5 năm. Do đó, các hộ có điều kiện làm VAC cần lập kế hoạch cải tạo xây dựng. Tin rằng, trong thời gian tới Ngân hàng người nghèo và các quỹ xoá đói giảm nghèo sẽ cho hộ nông dân đói nghèo vay vốn: 2 (7) đến 5 - 7 triệu (với lãi suất 0,6%/tháng như thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện) và thời gian là 3 - 5 năm để thực hiện cải tạo, xây dựng làm kinh tế VAC.

Thêm vào đây, những hộ có điều kiện khai hoang lập vườn đồi như hộ anh Lê Bình (ở xã Kỳ Phương, Kỳ Anh, Hà Tĩnh - đã minh hoạ ở I - 3 hoặc những hộ nằm trong dự án của chương trình Quốc gia trồng 5 triệu ha rừng thì được ưu đãi: "Hộ

nghèo được cấp 1,5 triệu đồng/ha rừng trồng, 0,5 - 3 ha đất phát triển kinh tế gia đình và được vay ngân hàng 10 triệu đồng, không phải chế chấp" (13), cần lập kế hoạch làm VACR hoặc VCR. Trong đó phải tính cụ thể về: diện tích vườn ao, chuồng, rừng cần làm, cần trồng cây gì, nuôi con gì (theo đúng quy trình kinh tế - kỹ thuật để chuẩn bị cho thâm canh từ đầu) thì tốn hết bao nhiêu vốn, công. Phải tính cho cụ thể từng vụ, từng năm... bảo đảm đạt được kết quả tốt, tiếp tục mở rộng sản xuất trong những năm mới, thực hiện xóa đói giảm nghèo bền vững và là cơ sở tiến lên xóa nghèo vững chắc.

d. Lập kế hoạch biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật

Kế hoạch áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, dịch vụ bao gồm nhiều mặt về kinh tế được thể hiện trong kế hoạch làm ăn như: xác định các ngành nghề cần phát triển trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của hộ, xác định cây trồng, gia súc

chăn nuôi và thâm canh theo mùa vụ, theo kế hoạch làm ăn của hộ có sự giúp đỡ của cán bộ xoá đói giảm nghèo mà các thành viên trong hộ cần chủ động tiếp thu để thực hiện, đồng thời nó còn bao gồm nhiều mặt về kỹ thuật như: sử dụng các loại giống phân hoá học, phân hữu cơ, dùng các loại thuốc trừ sâu, bệnh cho cây trồng, gia súc, cùng với phương pháp canh tác trên đất dốc, thực hiện nông lâm kết hợp.v.v... mà hệ thống tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư sẽ hướng dẫn đến tận các thôn xóm và cả đến các nhóm nông hộ đói nghèo.

Tóm lại: Các chủ hộ đói nghèo cần có kế hoạch phân công các thành viên trong gia đình học tập kinh nghiệm làm ăn, kết hợp chặt chẽ với sự hướng dẫn về kinh tế và kỹ thuật của cán bộ xoá đói giảm nghèo và cán bộ khuyến nông để đảm bảo thực hiện kế hoạch làm ăn đạt hiệu quả kinh tế cao, sớm xoá được đói, giảm được nghèo như mục tiêu đã đề ra.

IV. TỔ CHỨC PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ VÌ SỰ PHÂN CÔNG GIÚP ĐỠ THEO DÔI CỤ THỂ CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ

1. Kế hoạch phân công lao động thực hiện qui trình sản xuất theo mùa vụ, theo khả năng

Đây là kế hoạch phân công lao động trong từng đợt công việc canh tác theo thời vụ: làm đất, làm mạ, gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch đối với ngành trồng trọt và kế hoạch phân giao công việc chăn nuôi, làm dịch vụ cụ thể đến từng người trong gia đình để *vừa đảm bảo chế độ canh tác trong thời vụ tối ưu, vừa sử dụng sức lao động trong gia đình được hợp lý nhất.*

2. Phân công lao động từng ngày cụ thể cho từng thành viên trong hộ

Đây là việc *thực hiện vai trò chỉ huy của chủ nông hộ*, phân công nhiệm vụ cụ thể hàng ngày cho mỗi thành viên trong gia đình. Thường tiến hành gọn việc này sau các bữa cơm tối, cho công việc ngày mai. Và có thể linh hoạt - điều chỉnh công

việc sau bữa cơm trưa cho công việc buổi chiều, hoặc ngay trên đồng ruộng (nếu có nhiều người cùng làm), v.v...

3. Tổ chức cơ sở phân công người giúp đỡ theo dõi kiểm tra thực hiện kế hoạch làm ăn đến từng hộ đói nghèo, có sơ kết, tổng kết

Đây là nhân tố quan trọng nhất để biến chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước thành hiện thực trong công tác xoá đói giảm nghèo. *Vì hộ đói nghèo mới là nơi, là địa chỉ thực hiện tốt hoặc không tốt chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo.* Hộ đói nghèo đồng thời cũng là nơi, là địa chỉ phản ánh chính sách của Đảng của Nhà nước (tiền của Nhà nước, của nhân dân) xuống đến hộ đói nghèo được là bao nhiêu? Trong thực hiện có gì đúng, có gì sai? Có gì tốt, có gì chưa tốt? Với những nguyên nhân của nó cần phải bổ sung hoàn thiện chính sách gì? Tránh chung chung, tránh tham nhũng, lãng phí và đảm bảo thu hồi được vốn cho vay.

Biết rằng, các hộ nông dân đói nghèo thì mỗi hộ có hoàn cảnh khác nhau, ở những mức độ nhất

định. Đặc biệt là trình độ văn hoá và kiến thức làm ăn thì có nhiều mặt yếu kém. Do đó, yêu cầu tổ chức cơ sở phải phân công người giúp đỡ, theo dõi cụ thể (tránh chung chung) về mọi mặt trong kế hoạch làm ăn sao cho gọn nhẹ mà có hiệu quả thiết thực, có trách nhiệm rõ ràng. Do đó, chúng tôi đề nghị, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ và sự chỉ đạo trực tiếp thống nhất giữa Uỷ ban nhân dân và các tổ chức quần chúng được hình thành từ ban xoá đói giảm nghèo xã xuống đến chi bộ và các trưởng thôn (trưởng xóm) cùng với các tổ chức quần chúng của thôn (hoặc xóm, bản, làng) thực hiện việc phân công đến đảng viên, đoàn viên, hội viên; người có kinh nghiệm làm ăn khá, giỏi có điều kiện, có năng lực và nhiệt tình giúp đỡ đến từng hộ trong nhóm hộ đói nghèo (hoặc đến thẳng từng hộ đói nghèo) cụ thể, có địa chỉ rõ ràng, có lịch định thời gian, trao đổi, góp ý, kiểm tra công việc làm cụ thể.

Hàng tháng dưới sự lãnh đạo của chi bộ, chỉ đạo của các trưởng thôn (hoặc trưởng xóm, làng, bản) họp (hay hội ý) với anh em được phân công giúp đỡ để nắm tình hình và rút kinh nghiệm chung về ưu

điểm để phát huy và khuyết điểm để khắc phục. *Coi đây là một nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội được tổ chức cơ sở phân công, giao nhiệm vụ.*

Cuối vụ, cuối năm có sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch làm ăn của từng hộ đến từng nhóm hộ để phát huy, động viên ưu điểm (có khen thưởng) và khắc phục khuyết điểm, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch làm ăn, phấn đấu xoá đói giảm nghèo cho năm sau đạt được kết quả tốt hơn. Do đó cần thiết phải biết cách tính giá thành (hạch toán giá thành) giản đơn và phân tích hiệu quả thực hiện kế hoạch làm ăn như ở chương III cũng là yêu cầu khách quan.

CHƯƠNG IV

HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH ĐƠN GIẢN VÀ PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

I. HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH ĐƠN VỊ SẢN PHẨM

1. Giá thành và ý nghĩa hạch toán giá thành đơn giản của hộ nông dân

Khái niệm:

Giá thành đơn vị sản phẩm (1kg thóc, 1kg thịt lợn hơi.v.v.), hoặc dịch vụ (cày thuê 1 sào ruộng) là tổng hợp tất cả các khoản chi phí sản xuất (gồm tiền chi phí vật tư, khấu hao tài sản cố định, thuế, lãi tiền vay, tiền công lao động...) biểu hiện dưới hình thức tiền tệ theo giá thị trường đối với từng đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ của hộ (hay của các trang trại, các doanh nghiệp).

Ý nghĩa:

Giá thành là chỉ tiêu tổng hợp, là một chỉ tiêu chất lượng, phản ánh hiệu quả sản xuất, dịch vụ (hay còn gọi là hiệu quả kinh doanh) của hộ (hoặc của doanh nghiệp). Nếu giá thành thấp hơn giá bán ở thị trường thì có lãi, cao hơn là lỗ, bằng thì hoà vốn. Do đó phải tính đúng, tính đủ tất cả các khoản chi phí sản xuất, dịch vụ.

Song, trong điều kiện (về trình độ và trách nhiệm, quyền lợi và kết quả sản xuất, dịch vụ lãi thì hộ hưởng cả, lỗ thì tự chịu hết) của hộ nên có thể hạch toán giản đơn (không cần tính chi ly, để không phức tạp) cho dễ tính nhất là hộ nông dân đói nghèo, trình độ văn hoá còn thấp. Tuy nhiên, nó vẫn có một ý nghĩa lớn trong kế hoạch làm ăn của hộ: định mở rộng, tăng thêm, hoặc thu hẹp ngành sản xuất này, nghề dịch vụ kia, và còn là cơ sở để tính toán kết quả thu chi, làm ăn trong năm của hộ như đã tính thử trên bảng II - 3, II - 4.v.v... ở chương II.

Biện pháp:

Để hạ thấp giá thành và nâng cao lãi thì các hộ phải học tập thâm canh và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất để

tăng năng suất, tăng sản lượng, có chất lượng tốt và đồng thời phải tiết kiệm các chi phí sản xuất một cách hợp lý nhất.

2. Nội dung, phương pháp và trình tự hạch toán giá thành đơn vị sản phẩm nông nghiệp

Gồm có:

- Xác định đúng các khoản chi phí sản xuất để phân bổ vào các đối tượng (cây trồng, gia súc, cá chăn nuôi.v.v...), tính giá thành hợp lý.
- Xác định đúng số lượng sản phẩm chính và sản phẩm phụ (nếu có).
- Dùng công thức chung để tính giá thành một đơn vị sản phẩm hoặc một đơn vị dịch vụ của hộ nông dân:

$$Gt = \frac{TC}{Q}$$

Trong đó:

- Gt: Giá thành một đơn vị sản phẩm hoặc một đơn vị dịch vụ (đồng/đơn vị).
- TC: Tổng chi phí (đồng).
- Q: Số lượng sản phẩm hoặc số lượng dịch vụ (đơn vị).

Nếu một ngành sản xuất (cây, con, chế biến nông sản.v.v...) có giá trị sản phẩm phụ thì việc tính giá thành sản phẩm chính được áp dụng theo công thức sau:

$$Gt = \frac{TC - GP}{Q}$$

Trong đó GP giá trị sản phẩm phụ. Ví dụ trong chăn nuôi lợn thịt thì phân lợn là sản phẩm phụ và xem cách tính giá thành đơn vị sản phẩm chính (kg thịt lợn hơi) như đã thể hiện ở bảng II - 4 (chương II) và giải thích cách tính ở chú thích (a).

II. THEO DÕI THU CHI TIỀN MẶT CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

1. Mục đích và ý nghĩa thu chi tiền mặt của hộ gia đình nông dân đói nghèo

Hộ gia đình nông dân nói chung, đặc biệt là hộ gia đình nông dân đói nghèo càng *phải tập dượt ghi thu chi tiền mặt nhằm mục đích*: khi có đồng tiền vay để sản xuất, và làm dịch vụ kiếm được tiền mặt thì sử dụng nó như thế nào vào những hoạt động gì để *đồng tiền phát huy được hiệu quả*. Sau mỗi tháng và cuối năm biết được giữa thu và chi thừa hay thiếu? Làm gì để mở rộng được sản

xuất, tăng được thu bằng tiền để có ăn, học... và trả được nợ? Chứ không phải để "tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống" và cuối cùng nợ lại tăng thêm nợ!

Ngoài mục đích chung đó còn thấy nhiều ý nghĩa của nó:

Kết quả thu nhập và chi tiêu bằng tiền nếu tăng lên thì đó là sự thể hiện khả năng phát triển sản xuất hàng hoá (nhanh hay chậm hoặc chỉ là sản xuất tự cấp tự túc...). Qua bảng II - 8, tổng hợp thu chi bằng tiền mặt của hộ chị Dương đã chỉ ra hướng xoá đói giảm nghèo gắn với sản xuất hàng hoá là rất rõ (thu chi bằng tiền mặt 1997 chỉ có 3.898.000 đồng thì kế hoạch có khả năng thực hiện năm 1999 sẽ là 9.660.000 đồng).

Biết được mối quan hệ giữa thu và chi bằng tiền: thừa hay thiếu. Thừa thì sẽ có điều kiện để tăng sản xuất (tái sản xuất mở rộng) và gửi tiết kiệm để trả nợ và lãi vay khi đến hạn. Ngược lại, nếu thiếu thì ắt là phải vay nặng lãi hoặc còn gì phải bán rẻ để trang trải khó khăn, túng đói. Khiến nợ càng tăng nợ, tình cảnh đói nghèo càng gay gắt hơn.

Để biết được việc sử dụng đồng tiền để làm ăn, chi tiêu đã hợp lý, đã hết sức tiết kiệm chưa? Có nghĩa là cái cần chi để tăng sản xuất thì phải chi, cái có thể tiết kiệm được thì phải tiết kiệm. Tránh được tình trạng cá biệt có người vay tiền về không biết làm gì cho có hiệu quả, thậm chí có người còn dùng nó vào việc rượu chè,... dẫn đến chẳng những không trả được nợ vay mà còn tăng thêm nợ. Vì vậy, cần nhắc lại rằng, trong hướng dẫn kế hoạch làm ăn này, chúng tôi đã có đề cập đến vai trò hướng dẫn kiểm tra của cán bộ, hoặc của đảng viên, đoàn viên, hội viên được tổ chức cơ sở phân công, giao nhiệm vụ giúp đỡ, theo dõi kế hoạch làm ăn, trong đó có việc theo dõi sử dụng tiền mặt đến từng hộ cũng là yêu cầu khách quan.

Biết được có thêm tiền mặt thì tìm cách tăng gia sản xuất, làm thêm dịch vụ để sử dụng đầy đủ và hợp lý sức lao động trong gia đình ở các tháng trong năm, tăng thêm thu nhập như thế nào? Qua hộ chị Dương cũng đã cho chúng ta một bài học tốt, cần được vận dụng để có thể nhân lên.

Cuối cùng là qua cân đối giữa thu và chi bằng tiền mặt sau mỗi tháng và cuối năm thì biết được

khả năng tăng sản xuất, khả năng trả được nợ và cũng là khả năng tự xoa được đói nghèo bền vững hay không?

2. Nội dung và phương pháp ghi thu chi tiền mặt

Nội dung ghi:

Có thu bất cứ khoản gì bằng tiền (tiền bán các loại sản phẩm, làm dịch vụ, tiền lương hưu - mất sức - trợ giúp xã hội - tiền vay.v.v...) và có chi bất cứ khoản chi gì bằng tiền (mua vật tư cho sản xuất - dịch vụ - nộp thuế, nộp các khoản đóng góp, chi cho tiêu dùng về đời sống và quan hệ xã hội, trả nợ và lãi, gửi quỹ tiết kiệm.v.v...) thì có ghi.

Nội dung ghi thu chi đúng, không bỏ sót, không ghi sai thì số thu luôn luôn bằng số chi cộng với số dư tiền mặt còn lại.

Chú ý:

Nếu là hộ có làm dịch vụ như mua bán tạp phẩm tại nhà (như hộ chị Dương), hay có gánh hàng bán ở chợ (như hộ ông bà Diến...) thì chỉ ghi số tiền thu nhập thực tế (công và lãi nếu có).

Phương pháp ghi:

Nếu thể ghi hàng ngày, 2 ngày một lần hoặc ghi theo phiên chợ... sao cho có thể vừa đơn giản, vừa không bỏ sót.

Nếu những hộ chăn nuôi gà, vịt đẻ trứng có quy mô tương đối lớn, hàng ngày có thu chi bằng tiền thì nên ghi hàng ngày.

Cũng có nhiều hộ 2 - 3 ngày hoặc hàng tuần đến phiên chợ mới đi chợ và có mua bán thì sau khi đi chợ về nên ghi ngay.

Tóm lại là ngày nào có thu, có chi bằng tiền mặt thì ghi ngay, không thì thôi.

Để tiện theo dõi, dễ nhớ, dễ ghi, chúng ta có thể lập bảng, kẻ cột sẵn cho hai ngày ghi vào một ô (nếu ô nào có phát sinh tiền mặt thì ghi, không thì để trống).

Sau mỗi tháng, cân đối thu chi để biết thừa hay thiếu. Và cuối năm lập bảng tổng hợp để cân đối cho cả năm.

3. Tìm hiểu bước đầu về cách theo dõi thu chi tiền mặt của một số hộ nông dân ở huyện Đông Sơn (Tỉnh Thanh Hoá)

Tôi đã nhiều lần được TS.Ngô Huy Liêm, một chuyên gia giỏi và là phái viên chương trình hợp tác Việt - Đức về xoá đói giảm nghèo, kể cách hướng dẫn cho một số hộ nông dân ở huyện Đông Sơn áp dụng cách ghi thu chi tiền mặt, điều mà trong nhiều năm chúng tôi đã từng quan tâm.

Để hiểu một thực tế còn tràn đầy khó khăn đối với sự ghi chép của nông dân đói nghèo, còn ít chữ, tôi trân trọng và tìm đến một số chủ hộ đã ghi "theo dõi thu chi", đặc biệt là qua trao đổi với đồng chí Hoàng Thị Mong - Chủ tịch Hội Nông dân huyện Đông Sơn - người trong hai năm qua, hàng tháng đã kiểm tra việc ghi sổ, góp ý kiến cho các hộ, đã cho nhận xét.

Một là: Cách ghi sổ này đơn giản nhưng rất khoa học. Nó đã có tác dụng:

- Để các hộ tự làm quen cách tính toán làm ăn gắn với ghi thu chi bằng tiền trong gia đình hàng ngày - hàng tuần - hàng tháng.

- Sau mỗi tháng giúp họ tính toán cân đối được thu chi, biết được thừa thiếu để có kế hoạch sản xuất và tiết kiệm chi tiêu sao cho có số dư gửi vào quỹ tiết kiệm để dành tiền trả nợ, có thêm vốn cho phát triển sản xuất.

Hai là: Đối với hộ nông dân, việc ghi sổ thu chi bằng tiền tuy là đơn giản, nhưng lúc đầu còn rất khó khăn. Vì phải ghi hàng ngày, có hộ thiếu kiên trì và thường thấy yêu cầu chi thì nhiều mà nguồn thu thì hầu như không có, không cân đối được thu chi, họ đâm chán nên có hộ đã bỏ. Do vậy, có thời kỳ Huyện hội đã hướng dẫn được 40 hộ ghi, nhưng đến nay chỉ còn 10 hộ ghi.

Đúng! Làm được việc này thì có tác dụng đáng kể trên, nhưng vấn đề cực khó, nhất là đối với các hộ đói nghèo. Vì đối với các hộ đói nghèo, ít chữ thì một thực tế là trong số 40 hộ đó họ đã bỏ, còn lại 10 hộ. Trong 10 hộ đó, chủ hộ đều có trình độ văn

hoá khá (cấp II) và điều kiện kinh tế đương vượt nghèo, hoặc là hộ có đời sống kinh tế tương đối khá.

Song, mục tiêu của ta là giúp người nghèo phấn đấu vượt đói nghèo, mà để vượt đói nghèo, *Nhà nước chẳng những chỉ giúp cho vay vốn,... mà quan trọng hơn là phải giúp họ, hướng dẫn họ lập và thực hiện được kế hoạch làm ăn sao cho có hiệu quả.* Do đó gắn với việc hướng dẫn họ lập và thực hiện kế hoạch làm ăn, ta hướng dẫn giúp họ ghi "theo dõi thu chi" bằng tiền mặt là một yêu cầu khách quan. Nhưng, việc lập bảng, kẻ ô có thể phải hoàn thiện như trên đã nói. Vì người đói nghèo thường ít phát sinh các khoản thu chi tiền mặt, nên có thể 2 ngày ghi một lần vào 1 ô đã kẻ (ngày không có thu chi thì không ghi). Đặc biệt, rèn luyện tính kiên trì cho bà con nông dân ít chữ tự ghi được là một việc khó. Nhưng tin rằng với sự nhiệt tình giúp đỡ của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên được phân công theo dõi giúp đỡ đến từng hộ đói nghèo cụ thể như đã nói ở chương II, thì chắc chắn bà con nông dân đói nghèo, ít chữ, từng bước, nhất định cũng sẽ ghi được tốt.

III. PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO

1. Mục đích và yêu cầu phân tích kế hoạch làm ăn của hộ nông dân

a. Mục đích:

Mục đích phân tích kế hoạch làm ăn của hộ nông dân là nhằm:

- Đánh giá *kết quả và hiệu quả* của kế hoạch làm ăn ở hộ đã đạt được.

- Giúp hộ thấy rõ ưu, khuyết, nguyên nhân thực hiện kế hoạch và những khuyết điểm, tồn tại để khắc phục, đồng thời *phát hiện những khả năng tiềm tàng*, những nguồn lực sản xuất chưa được sử dụng hoặc sử dụng đạt hiệu quả còn thấp để có kế hoạch và biện pháp tổ chức sản xuất, làm dịch vụ tốt hơn cho các vụ sau, năm sau.

b. Yêu cầu:

- Phân tích một cách toàn diện từ việc *lập* kế hoạch đến các *biện pháp* tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Phân tích tính *tự chủ*, sáng tạo, cần cù lao động và học giỏi để thực hiện vượt các chỉ tiêu kế

hoạch đã xây dựng của hộ (có tính đến những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp).

2. Nội dung và phương pháp phân tích

a. Nội dung:

Một là, phân tích kế hoạch, xác định các ngành và qui mô các ngành sản xuất - dịch vụ đã sát, đúng chưa?

Hai là, phân tích kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch theo qui trình sản xuất và công nghệ mới (chủ yếu là thời vụ và nước - phân - cần - giống).

Ba là, phân tích tình hình sử dụng đầy đủ và hợp lý sức lao động từng người trong gia đình ở các tháng trong năm.

Bốn là, phân tích tình hình sử dụng hợp lý và tiết kiệm vật tư, sản phẩm, tiền mặt cho sản xuất - dịch vụ và đời sống.

Năm là, phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm trên 3 mặt: thời điểm bán, nhu cầu thị trường và giá cả (sao cho có lợi - tránh được những tổn thất, bán rẻ).

b. Phương pháp:

Chủ yếu là dùng phương pháp so sánh:

- So sánh giữa kết quả thực hiện với kế hoạch.
- Đặc biệt là so sánh năng suất cây trồng, năng suất gia súc của hộ mình với các đám ruộng, vườn, ao, chuồng sát cạnh nhà mình (có kinh nghiệm làm ăn) để học tập.

3. Phân tích kế hoạch làm ăn (sản xuất - dịch vụ - chỉ tiêu) của hộ

(Thủ phân tích sơ bộ kế hoạch làm ăn của hộ chị Dương).

Phân tích kế hoạch làm ăn của hộ là sự tổng hợp, so sánh, đánh giá kế hoạch làm ăn cụ thể của một hộ cụ thể, chứ không thể là sự phân tích đánh giá chung chung. Do đó, ở đây chúng ta thủ phân tích sơ bộ kế hoạch làm ăn của hộ chị Lê Thị Dương về một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1999 (có khả năng bảo đảm thực hiện tốt) so với thực tế của hộ gia đình chị, như bảng III - 1 ở trang sau.

Bảng III - 1: Tổng hợp so sánh, đánh giá một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 1999/1997 (hộ chị Dương)

(Đơn vị tính: 1000 đồng và %; %/1999/1997 = %/2/1)

Các ngành sản xuất và dịch vụ	Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ (tổng thu)		Tổng chi phí vật tư... (tổng chi)		Tổng số ngày công lao động		Tổng thu nhập thực tế		Lãi + [Lỗ - (Hoà =	
	1997	1999 %/2/1	1997	1999 %/2/1	1997	1999 %/2/1	1997	1999 %/2/1	1997	1999 %/2/1
- Trồng trọt	3160	4763 150,7	1004	123,2	125	139 111,2	2156	3526 163,5	+906	+2136 235,8
- Chăn nuôi	2808	3680 130,9	1597	563,6	179	309 172,6	1211	3049 251,8	-579	-41 -7,1
- Tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo	-	7050	-	6075	-	100	-	975	-	-
- Dịch vụ (làm thuê và bán hàng tạp phẩm)	1260	600 47,6	-	-	150	60 40	1260	600 47,6	-240	-25 =
Cộng	7228	21093 291,8	2601	12943	454	608 133,9	4627	8150 176,1	+87	+2070 2379,3

Từ số liệu tổng hợp, so sánh ở bảng III - 1, nếu chúng ta lần lượt phân tích, so sánh, đánh giá từng chỉ tiêu đến từng cây, con... thì có thể rút ra được những kết luận cần thiết.

Ở chỉ tiêu về giá trị tổng sản phẩm (tổng sản lượng) kể các ngành trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ năm 1999 so với năm 1997 (1999/1997) tăng lên 191,8% (tức là tăng 191,8%). Trong đó ngành trồng trọt tăng 150,7%, ngành chăn nuôi là 309,1%, ngành tiểu thủ công nghiệp, nấu rượu gạo thì 1998 - 1999 mới có. Còn ngành dịch vụ năm 1999 lại giảm xuống, còn 47,6% so với năm 1997, tại sao vậy?

Để thấy rõ mức tăng giảm và nguyên nhân tăng giảm hợp lý hay không cần tiếp tục phân tích giá trị tổng sản lượng các cây, con, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cụ thể với nguyên nhân của nó thì sẽ cho ta những bài học thú vị.

Chẳng hạn, trong ngành trồng trọt tăng 150,7% tức là tăng 50,7% là do diện tích năm 1999 có thêm 136m² đất vườn (do em chồng đi ở nơi khác để lại chạ trồng mía xen rau). Có thêm số diện tích ấy cũng chỉ tăng có 5,4% (xem bảng II - 2, 2676m²/2540m²). Vậy, số lượng tăng lên 50,7% thì chủ yếu là do ruộng lúa được bón thêm phân chuồng nên năng suất lúa bình quân vụ năm 1999 sẽ tăng hơn 1997 là 20% (xem bảng II - 3, 240kg/sào/200kg/sào).

Thêm vào đó còn cho thấy, giá thóc năm 1999 dự kiến sẽ tăng hơn 1997 ít nhất là 300đ/kg, tức là tăng 20% (xem giá ở bảng II - 3, 1.800đ/1.500đ).

Đến chỉ tiêu về giá trị tổng sản lượng ngành chăn nuôi, trong đó chủ yếu là do phát triển chăn nuôi lợn thịt hơn gấp ba lần và mới nuôi một con lợn nái sinh sản (xem bảng II - 4).

Còn ngành tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo thì năm 1997 chưa có. Đặc biệt, kế hoạch ngành

dịch vụ năm 1999 lại giảm nhiều so với năm 1997 là vì nhiều năm trước đến đầu năm 1998, nhà thiếu việc làm nên hàng năm chị phải đi làm thuê cho chủ lò vôi 120 ngày công nên thu nhập về dịch vụ làm thuê tăng lên. Tháng 5/1998, nhờ vay được một triệu đồng vốn của Ngân hàng phục vụ người nghèo, chị đã chuyển sang làm nghề nấu rượu gạo để có cám, có bã rượu phát triển thêm chăn nuôi lợn, bỏ nghề đi làm thuê. Do đó giá trị thu từ nghề dịch vụ giảm xuống và ngành tiểu thủ công nghiệp - nấu rượu gạo đã từ không đến có giá trị nhiều lên (như bảng II - 5; II - 6), mà tính ra hiệu quả kinh tế lại cao hơn, đồng thời giảm được độc hại của nghề làm thuê cho chủ lò vôi. Như vậy, đây là một bài học tự chủ về chuyển dịch cơ cấu các ngành nghề sản xuất và dịch vụ trong hộ gia đình chị Dương.

Tiếp đến, chúng ta thấy chỉ tiêu tổng chi phí vật tư,... cho ngành trồng trọt, chăn nuôi ở 1999/1997

cũng đã tăng lên tương ứng với giá trị tổng sản phẩm tăng lên (bảng III - 1).

Đặc biệt, xem chỉ tiêu về tổng số ngày công lao động, chúng ta thấy nhà chị đến năm 1997, trong gia đình về lao động chỉ có một mình chị với 2 đứa trẻ ở tuổi lên 9 và 11 năm 1997 đã làm đến 454 ngày công. Sang năm 1999, 2 cháu còn ở tuổi 12 và 14 cùng với tăng thời gian lao động trong ngày để làm thêm nghề nấu rượu, tăng thêm đầu lợn chần nuôi và bán chút ít tạp phẩm tại nhà thì tổng số ngày công kế hoạch (qui 8 giờ) đã tăng lên 608 ngày. Từ đây cho ta bài học thứ 2 là nhờ vay được 1 triệu đồng vốn mà đã chuyển dịch và phát triển được ngành nghề, xây dựng được kế hoạch làm ăn một cách hợp lý và là điều kiện để sử dụng đầy đủ và hợp lý sức lao động trong gia đình - nhân tố quyết định tăng tổng thu nhập thực tế. Đó là cơ sở bền vững để gia đình chị vượt đói và nhất định sẽ vượt nghèo.

Đến 2 chỉ tiêu kế hoạch phản ánh về hiệu quả kinh tế: Tổng thu nhập thực tế và lãi, lỗ, hoà (ở bảng III - 1) đã cho ta thấy kết quả tổng thu nhập thực tế sẽ tăng lên từ 4,6 triệu đồng năm 1997 lên 8,1 triệu đồng năm 1999; và hiệu quả (lãi) cũng sẽ tăng lên từ 87 nghìn đồng (1997) lên 2,1 triệu đồng (1999) là một thành tích nhất định sẽ đạt được, mục tiêu xoá đói giảm nghèo vào cuối năm 1999 sẽ trở thành hiện thực. Thật đáng trân trọng.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

CHUẨN MỰC HỘ ĐÓI NGHEO (*)

Hộ có thu nhập bình quân đầu người 1 tháng

Đói	Dưới 13kg gạo hay 450.000 đồng	
NGHEO	Vùng núi, hải đảo	Dưới 15 kg gạo hay 55.000 đồng
	Khu vực nông thôn, vùng đồng bằng, trung du	Dưới 20kg gạo hay 70.000 đồng
	Khu vực thành thị	Dưới 25kg gạo hay 90.000 đồng

*. Nguồn: Theo thông tư số 1751/LĐTBXH của Bộ LĐ-TB - XH ngày 20/5/1997.

Phụ lục 2:

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH (*)

1. Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng

Đường giao thông đến trung tâm xã; điện sinh hoạt; trạm y tế xã; trường tiểu học; nước sinh hoạt; chợ và sắp xếp lại dân cư.

2. Định canh định cư, di dân và kinh tế mới

Tiến hành định canh định cư theo dự án; hỗ trợ sản xuất và đời sống; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại các khu định cư. Khuyến khích và tổ chức di dân theo quy hoạch, phát triển hợp lý và ổn định các khu kinh tế mới.

3. Hỗ trợ đồng bào dân tộc khó khăn

Nhằm ổn định và phát triển sản xuất; xây dựng các công trình phúc lợi nhỏ.

*. Nguồn: Theo Quyết định số 133/1998/QĐ - TTg ngày 23/7/1998.

4. Hỗ trợ người đói, nghèo trong giáo dục

Miễn, giảm học phí, các khoản đóng góp học đường; hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa đối với con hộ nghèo và cấp học bổng đối với học sinh quá nghèo.

5. Hỗ trợ người đói, nghèo trong y tế

Miễn giảm viện phí và các khoản đóng góp cho người nghèo khi đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế của Nhà nước.

6. Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề

Hỗ trợ giải quyết đất đai sản xuất; công cụ sản xuất. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển ngành nghề thủ công nghiệp và dịch vụ; khôi phục các làng nghề truyền thống; tạo việc làm tại chỗ.

7. Hướng dẫn người nghèo

Kỹ thuật sản xuất, chế biến, tiếp cận thị trường, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả, cách chi tiêu trong sinh hoạt gia đình và thực hiện khuyến nông, lâm, ngư nghiệp.

8. Hỗ trợ tín dụng cho hộ đói nghèo và đẩy mạnh tiết kiệm.

9. Hỗ trợ cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo và cán bộ các xã miền núi.

Phụ lục 3:
PHÉP NƯỚC

*Xã tôi lấy đất của dân -
Bán mua, mua bán, dành phần cho nhau
Nông dân thiếu đất lòng đau
Kẻ giàu mua đất để sau kiếm lời
Cơ quan chức trách đâu rồi?
Sao để luật đất quê tôi nổi chìm
Làm sao dân mất lòng tin
Thấy sai thì sợ... mà nhiều việc sai!
Bán đất lỗi ở tại ai?
Có ô che chở biết sai cứ làm
Người dân chỉ biết kêu oan
Phép nước mà chịu lệ làng mãi sao?*

TRẦN THỊ THU HẰNG
(Quỳ Hợp, Nghệ An)

Phụ lục 4:
NGHỊCH LÝ ĐỐI NGHÈO

DIỆU HƯƠNG

Thực tế cho thấy, xung quanh chuyện đói, nghèo có không ít điều nghịch lý. Tôi xin tạm nêu ra một số trường hợp cụ thể rồi đặt cho nó một cái đầu đề nhỏ.

"Vũ điệu tăng giảm"

Cứ vào dịp cuối năm, cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) phải viết báo cáo toàn diện về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở đơn vị mình gửi lên cấp huyện, quận. Cấp huyện, quận lại viết báo cáo gửi lên cấp tỉnh, thành phố. Và, tỉnh, thành phố viết báo cáo gửi lên Trung ương. Gần như đã trở thành quy luật, khi viết báo cáo, người ta thường chú ý nói nhiều hơn tới những thành tích đạt được và giảm bớt đi những khó khăn tồn tại, đặc biệt là

những khuyết điểm, sai lầm. Về chuyện đói, nghèo cũng vậy. Có xã báo cáo tổng số hộ đói, nghèo năm 1997 là 20%, năm 1998 giảm xuống còn 14,6%. Họ không làm tròn mà lấy con số lẻ. Như vậy chắc là phải khảo sát và tính toán cẩn thận lắm. Nhưng cũng chính cái xã ấy khi biết tỉnh và huyện có dự án đầu tư kinh phí cho cơ sở trong việc xóa đói, giảm nghèo thì họ lại báo cáo năm 1998 số hộ đói 11%; số hộ nghèo 19,26% và tổng số hộ đói, nghèo là 30,26%. Ôi! Cái con số 14,6% để lấy thành tích và con số 30,26% để lấy tiền của Nhà nước sao nó cách xa nhau đến thế. Nếu cơ sở nào cũng báo cáo theo kiểu ngẫu hứng "nay giảm, mai tăng" như vậy thì làm sao chúng ta có được những con số thật chính xác về thực trạng đói, nghèo?

Dự án 246 biến thành 642

Đây là cách nói hóm hỉnh trong dân gian để phản ánh một thực tế có thật: số tiền đối tượng được hưởng cứ bị bớt xén dần từ trên xuống dưới. Có nơi, kinh phí được đầu tư cho việc xóa đói, giảm nghèo trong hai năm 1997 - 1998 là 1.014 triệu đồng. Ban quản lý dự án đã lập các hồ sơ, chứng từ

không để rút ra 660 triệu đồng chia nhau. Như vậy, số tiền xuống đến cơ sở chỉ còn 354 triệu đồng. Có địa phương, số kinh phí hỗ trợ việc xoá đói, giảm nghèo huyện tự ý quyết định giữ lại 30%; xã tự ý quyết định giữ lại 10%; kinh phí đến dân chỉ còn 60%. Còn nhiều thí dụ khác nữa, nhưng thiết nghĩ chỉ cần nêu một vài trường hợp như vậy cũng đã thấy rõ vấn đề rồi.

Của "trời cho".

Chính sách Tín dụng phục vụ hộ nghèo thiếu vốn sản xuất được xem là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện chương trình quốc gia về xoá đói, giảm nghèo. Khác với dịch vụ tín dụng truyền thống của các Ngân hàng thương mại, Tín dụng phục vụ hộ nghèo thiếu vốn sản xuất mang tính đặc thù: được ưu đãi về lãi suất (lãi suất thấp); thủ tục cho vay đơn giản; không phải thế chấp tài sản; được giải ngân trực tiếp tại xã... Chính vì có những ưu đãi đó cho nên Nhà nước quy định đối tượng được vay vốn phải là những hộ nghèo thực sự, thiếu vốn sản xuất nhưng có sức lao động, chịu khó làm ăn, chứ không phải là những

hộ nghèo do lười lao động, không biết cách làm ăn, gia đình có người nghiện hút hoặc mắc các tệ nạn xã hội... Khá nhiều địa phương và cơ sở không quán triệt được tinh thần này cho nên họ coi đó như là "của trời cho", là khoản tiền trước mắt thì Nhà nước cho vay nhưng sau này sẽ xoá nợ. Do nhận thức như vậy cho nên không ít nơi đã thực hiện phương thức "mua cho khắp". Họ đem số tiền được vay chia đều cho từng hộ dân, chưa nói tới việc bớt lại một số khá lớn dành riêng cho các cán bộ xã vay (kể cả những hộ khá giàu). Như vậy, đồng vốn Nhà nước bỏ ra đã bị sử dụng sai mục đích, không đúng đối tượng.

* *
*

Những nghịch lý nêu trên hầu như ở địa phương nào cũng có. Rõ ràng đã đến lúc phải lập lại trật tự kỷ cương để cho những nghịch lý trong việc xoá đói, giảm nghèo không còn cơ hội tồn tại.

Phụ lục 5:
TỶ LỆ ĐÓI NGHÈO Ở VIỆT NAM
1993 - 1998%

Ngưỡng nghèo (đói + nghèo)	1993			1998		
	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
Tỷ lệ nghèo lương thực, thực phẩm (LTTP)	24,9	7,9	29,1	15,0	2,3	18,3
Tỷ lệ nghèo chung (LTTP + phi LTTP)	58,1	25,1	66,4	37,4	9,0	44,9

Nguồn: Theo kết quả tính toán các ngưỡng nghèo của nhóm cộng tác viên của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới (Trong báo cáo Việt Nam tấn công nghèo đói, tháng 12 - 1999).

Phụ lục 6:

**MẪU SỔ GHI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ VÀ
THEO DÕI THU CHI TIỀN MẶT**

Kế hoạch sản xuất, sổ ghi dịch vụ và theo dõi
thu chi tiền mặt.

Hộ gia đình nông dân năm....

Chủ hộ :

Loại hộ :

Địa chỉ :

- *Mục đích* lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo là nhằm làm ra được thêm sản phẩm, thêm tiền, có hiệu quả hơn để có ăn no, mặc ấm, con được học hành, có tiền chữa bệnh, trả được nợ, tự xóa được đói nghèo, tiến lên có đời sống khá giả.

- *Mục tiêu* kế hoạch làm ăn đến năm 2000, 2001, 2002.v.v... của hộ đói thì xóa được đói, của hộ nghèo thì xóa được nghèo.

PHẦN A

CÁC BẢNG LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ
(1999 - 2000...)

I. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN ĐỂ SẢN XUẤT, DỊCH VỤ
CỦA HỘ

Bảng 1: Nhân khẩu và sức lao động trong gia đình^()*

Họ tên	Quan hệ	Tuổi và khả năng lao động (chính, phụ)	Trình độ văn hoá và nghề nghiệp	Sức khoẻ
1				
2				
3				
4				
5				

^{*}. Tham khảo cách ghi (cách lập) của hộ gia đình chị Dương.

Bảng 2: Ruộng đất, chuồng trại chăn nuôi, nhà xưởng... công cụ sản xuất ^(*)

Năm	Ruộng đất		Chuồng trại chăn nuôi... công cụ sản xuất			Ghi chú
	Loại ruộng đất	Số lượng (m ²)	Tên	Số lượng (m ² chuồng, con, cái, đôi...)	Giá trị (1.000 đồng)	
Thực tế ... (đã có)						
Kế hoạch ... (sẽ có thêm)						
Tổng cộng						

^{*}Tham khảo cách ghi (cách lập) của hộ gia đình chị Dương.

II. Kế hoạch sản xuất, dịch vụ năm:.....

Bảng 3: Kế hoạch sản xuất sản phẩm các cây trồng và hiệu quả
(Đơn vị tiền: 1000 đồng)*

Năm	Ngành trồng trọt	Quả mô diện tích (m ²)	Thu - Chi															Hiệu quả		GN chủ
			Thu (sản lượng)						Chi (chi phí sản xuất)									Lãi + lỗ (Tổng thu - Tổng chi)	Thu nhập thực tế 1 ngày công (quả/8 giờ/ ngày)	
			Sản lượng (kg)		Giá bán một kg (1 đơn vị)	Tổng thu (tỷ đơn vị)	Mua vật tư, thuốc và phân bón (m ²)			Cộng		Tổng chi (tỷ đơn vị)	Quả thành công (tỷ đơn vị)							
			Tổng số	Trong đó bán			Gióng	Phân	Thuốc sâu	Thuế và phí dẫn	Số ngày công			Cộng tiền công						
1	2	3	4	5	6	7=	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 13+15	17	18	19	20	
Thực tế (ví dụ 1997)																				
Kế hoạch (ví dụ 1998)																				
Cộng																				

Như đã dẫn ở cuối bảng 1

(a) và (b): Xem chú thích ở bảng 4. * Như đã dẫn cuối bảng 1

Bảng 4: Kế hoạch sản xuất các gia súc chăn nuôi và hiệu quả
(Đơn vị Tiền: 1000 đồng)

Năm	Ngành chăn nuôi	Quả mô số lượng gia súc (con)	Thu - Chi																Hiệu quả		Chi đầu
			Thu (sản lượng)			Chi (chi phí sản xuất)							Lãi +lỗ (Tổng thu- Tổng chi)	Thu nhập thực tế 1 ngày công (quả 8 giờ ngày)							
			Sản lượng (t/g)		Giá bán một kg (1 đơn vị)	Tổng thu tiền	Mua vật tư, thuốc và phụ kiện tích (m ²)			Cồng	Tổng chi 1kg (1 đơn tiền vị)	Giá thành 1kg (1 đơn vị)									
			Tổng số	Trong đó bán			Khẩu hao tiền	Cồng tiền	Số ngày tán cồng												
															Giống	Thức ăn	Thủy	...			
1	2	3	4	5	6	7=	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 13*15	17 = 18.4	18 = 7.18	19 = (7- 13)/4 (b)	20		
Thực tế (ví dụ 1997)						6x4															
Kế hoạch (ví dụ 1999)																					

(a) và (b): Xem chú thích ở trang sau. * Như đã dẫn ở bảng 1

Ghi chú cho bảng II - 3 và II - 4:

a. Trong sản phẩm nông nghiệp thường có sản phẩm chính và sản phẩm phụ (Ví dụ lợn: thịt là sản phẩm chính, phân là sản phẩm phụ, hay lúa thì thóc là sản phẩm chính, còn rơm rạ là sản phẩm phụ...). Do đó để tính được giá thành đơn vị sản phẩm chính được chính xác, người ta lấy tổng chi phí sản xuất (ví dụ tổng chi của chăn nuôi lợn thịt ở cột 16) trừ giá trị sản phẩm phụ (ví dụ là phân ở cột 7), rồi chia kết quả cho số sản phẩm chính (ví dụ là thịt lợn hơi ở cột 4) thì ta sẽ được giá thành đơn vị sản phẩm chính. Nhưng cũng có trường hợp số sản phẩm phụ ít (như có một ít rơm của ngành sản xuất lúa dùng để đun nấu) thì có thể người ta không tính giá trị sản phẩm phụ để trừ...

b. Để tính thu nhập thực tế một ngày công (8 giờ) thì lấy tổng thu nhập bằng tiền (ở cột 7) trừ chi phí mua vật tư, thuế... (ở cột 13), rồi lấy kết quả chia cho số ngày công (ở cột 14) sẽ được kết quả về thu nhập thực tế của một ngày công. Đối với các hộ nông dân, đây là chỉ tiêu tính hiệu quả

kinh tế rất quan trọng. Vì thu nhập thực tế nó vừa phản ánh tiền thù lao lao động của một ngày công (8 giờ), vừa phản ánh lãi (hay lỗ) chứa đựng trong 1 ngày công cao hơn, hoặc thấp hơn giá trị một ngày công bình quân đi làm thuê). Ví dụ, giá trị một ngày công bình quân đi làm thuê là 10.000 đồng (8 giờ) mà ở ngành này hay ngành khác tính ra có thu nhập thực tế một ngày công được hơn 10.000 đồng thì ngày công của ngành này có hiệu quả. Ngành có giá trị thu nhập thực tế một ngày công càng cao thì hiệu quả của nó càng cao. Và ngược lại.

Tuy nhiên, trong nông nghiệp hiện nay nói chung và trong và trong từng nông hộ - nhất là nông hộ đói nghèo - thường thiếu công ăn việc làm. Mỗi năm thừa đến 50 - 60 - 70% số ngày công lao động thì có những ngành, nghề dù có giá trị thu nhập thực tế cho một ngày công có thấp hơn giá trị ngày công lao động đi làm thuê thậm chí chỉ được 7 - 8 nghìn đồng/ngày công cũng cần phải làm. Vì thực tế là trong lúc nông nhân ít ai có việc cần thuê. Vì có làm mới có thêm thu nhập, mới chống

được đối nghèo. Do đó cần hiểu "hiệu quả" cho đúng và vận dụng cho sát với hoàn cảnh cụ thể của mỗi hộ nông dân ở mỗi nơi (có ít việc hay nhiều việc). Dĩ nhiên là phải bằng mọi cách thực hiện chuyển dịch ngành nghề, tìm và tạo việc làm để vừa sử dụng đầy đủ và hợp lý sức lao động trong từng gia đình ở các tháng trong năm, vừa cố thu nhập thực tế cho một ngày công càng cao càng tốt để nâng cao hiệu quả kinh tế, sớm thực hiện được mục tiêu xóa đói, nghèo, tiến lên làm giàu như mỗi hộ chúng ta đều mong muốn.

Bảng 5: Kế hoạch sản xuất sản phẩm tiêu thụ công nghiệp - Chế biến nông (lâm, hải) sản
(Đơn vị tiền: 1000 đồng)*

Năm	Tên sản phẩm	Thu		Chi: vật tư			Hiệu quả	
		Số lượng sản phẩm sản xuất chế biến	Giá bán đơn vị sản phẩm	Tổng thu tiền	...	...	Tổng chi tiền	Tổng thu nhập thực tế
Thực tế								Thu nhập thực tế 1 ngày công
...								
(ví dụ 1997)								
Kế hoạch								
...								
(ví dụ 1999)								
	Cộng							

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1

Bảng 6: Kế hoạch làm dịch vụ

Năm	Loại công việc dịch vụ	Thu nhập thực tế (1000đ)			Ghi chú
		Số ngày công (8 giờ)	Tiến công một ngày công	Tổng thu nhập thực tế	
Thực tế					
...					
(Ví dụ 1997)					
Kế hoạch					
... (Ví dụ 1999)					
Cộng					

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1.

Bảng II - 7: Kế hoạch vay và cân đối tiền, năm...

(Đơn vị tiền: 1000 đồng, vật (kg thóc))*

Vay của ai	Nợ cũ				Vay mới năm...				Sử dụng tiền mặt trong năm				Cân đối tiền nợ cuối năm			
	Số lượng	Ngày vay	Số lượng		Ngày phải trả	Mức định	Số lượng	Ngày vay	Ngày phải trả	Đã sản xuất bình thường	Cho đã sống lại	Trả nợ cũ cộng lại	Đã tăng sản xuất và trả nợ tích lũy hạn (ghi tiết khoản) ...	Tổng số nợ còn	Khả năng trả nợ	Cân đối nợ và khả năng trả nợ (=)
			Tiền	Thóc			Tiền	Thóc								
1. Các ngân hàng																
2 Các tổ chức khác																
3. Tư nhân																
Cộng																

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1

Bảng 8: Kế hoạch thu chi, cân đối bằng tiền
mặt, năm...
(Đơn vị tiền: 1000 đồng)

Thu			Chi		
Các khoản thu	Thực tế... (Ví dụ 1997)	Kế hoạch ... (Ví dụ 1999)	Các khoản chi	Thực tế... (Ví dụ 1997)	Kế hoạch ... (Ví dụ 1999)
I. Bán các loại sản phẩm			I. Cho sản xuất - dịch vụ 1. Cây trồng 2. Chăn nuôi 3. Tiểu thủ công nghiệp 4. Dịch vụ		
II. Làm dịch vụ			II. Cho đời sống 1. Ăn. - Mua thực phẩm - Mua gạo 2. Mặc 3. Nhà ở và đồ dùng 4. Học hành 5. Chữa bệnh 6. Phương tiện đi lại 7. Giỗ, tết, tang lễ, cưới 9. Chi khác - Điện thoại - Khoản khác		
III. Các khoản thu khác 1. Vay ngân hàng phục vụ người nghèo. 2. Vay tiền tư nhân 3. Lương hưu, mất sức, cứu trợ xã hội (nếu có)			III. Trả nợ lãi		
			IV. Gửi tiết kiệm để trang sản xuất và để dành trả nợ khi đến hạn		
Tổng cộng					

* Như đã dẫn ở cuối bảng 1.

Bảng 9: Tổng hợp so sánh, đánh giá một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch... (năm kế hoạch/năm thực tế)*

(Đơn vị tiền: 1000 đồng và %; % năm kế hoạch / năm thực tế = *1/2)

Các ngành sản xuất và dịch vụ	Giá trị tổng sản phẩm và dịch vụ (tổng thu)			Tổng chi phí vật tư... (Tổng chi)			Tổng số ngày công lao động			Tổng thu nhập thực tế			Lãi +, Lỗ, Hòa =		
	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)	Năm thực tế (1)	Năm kế hoạch (2)	% (2/1)
Tổng trị															
Chăn nuôi															
Tiểu thủ công nghiệp - chế biến nông sản...															
Dịch vụ (làm thuê, buôn bán nhỏ...)															

* Xem cách so sánh, đánh giá của hộ gia đình chi Dương đã thể hiện ở bảng III - 1

PHẦN B

BẢNG THEO DÕI THU CHI TIỀN MẶT

(2 ngày ghi một lần, cuối tháng cộng lại - cân đối - để biết thừa, thiếu; cuối năm lập bảng cân đối (tổng hợp 12 tháng) để biết thừa, thiếu)

Bảng: Tháng 1 (1999)

Ngày	Thu		Chi	
	Các khoản thu	Số tiền	Các khoản chi	Số tiền
1-2				
3-4				
5-6				
7-8				
9-10				
11-12				
13-14				
15-16				
17-18				
19-20				
21-22				
23-24				
25-26				
27-28				
29-30 và 31				
Cộng				

* Các tháng khác cũng lập bảng kê ô tương tự

Bảng: Tổng hợp cân đối của 12 tháng

Các tháng trong năm	Thu: Số tiền	Chi: Số tiền	Thừa Thiếu Đủ	+ - =
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
Tổng cộng				

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN CHÍNH

1. Đảng CSVN: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật, 1991.
2. Đảng CSVN: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nxb Sự thật, 1991.
3. Đảng CSVN: *Nghị quyết Hội nghị TW5 (Khóa VII) tiếp tục đổi mới*. Báo Nhân dân, 1/7/1993.
4. Đảng CSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (trang 38 và 221)*. Nxb Chính trị Quốc gia, 1995.
5. Quốc hội: *Luật Đất đai*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội -1995.
6. Phan Huy Hiền: *Bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho người nghèo*. Nhân dân, 6/11/1998.

7. Nguyễn Thị Hằng: *Khẩn trương thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW4 (Khóa VIII) về xóa đói giảm nghèo*. Tạp chí Lao động và Xã hội, số Chuyên đề 11/1998.
8. Nguyễn Thị Hằng: *Từ thực tiễn 5 năm xóa đói giảm nghèo*. Tạp chí Cộng sản, số 21/11/1996.
9. PGS. Lê Trọng: *Ruộng đất của người nghèo thực trạng và kiến nghị*. Tạp chí Cộng sản, số 24/12/1996.
10. PGS. Lê Trọng: *Phụ nữ nghèo ở nông thôn và quyền sử dụng đất đai*. Thông tin chuyên đề số 8 - 98 về PNNSTH.
11. Mai Thanh Hải: *Có thể thấy gì thêm về 115.000 trang trại? (Có trang trại > 3.000ha)*. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nhà nước Việt Nam. 1-4/10/1998.
12. CB. Nguyễn Văn Tiêm: *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*. Nxb Nông nghiệp, 1993.

13. Quyết Thắng: *Bước khởi đầu của dự án trồng 5 triệu ha rừng (có quy định đất và vốn cho người nghèo - hộ nghèo...)*. Nhân dân, 6/5/1998.
14. PTS. Vũ Thị Hiếu: *Xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo và xã nghèo*. Nhân dân, 31/3.1997.
15. Kim Anh: *Hai năm "xóa đói giảm nghèo" ở Gia Lai*. Nhân dân, 28/8/1997.
16. PGS. Lê Trọng: *Phát triển và quản lý trang trại trong kinh tế thị trường*. Nxb Nông nghiệp, 1993, Tái bản 2000.
17. Thái Anh: *Làm sao để đồng vốn xóa đói giảm nghèo đến đúng địa chỉ*. Nông nghiệp Việt Nam 24-27/9/1998.
18. Hồng Văn: ... *Vốn 327 đi về đâu?* Nông nghiệp Việt Nam 12-14/10/98.
19. Robert Chambers: *Phát triển nông thôn hãy bắt đầu từ những người cùng khổ*. Nxb Đại học và Giáo dục con người, 1991.

20. Trần Ngọc Khánh: *Tiếng kêu cứu của một xã anh hùng*. Nông nghiệp Việt Nam, 15-18/10/98.
21. PGS. Lê Trọng: *Có nên rút bớt ruộng của hộ đói nghèo*. Nhân dân, 29/10/1996.
22. Nguyễn Hồng: *Cần xử lý nghiêm những người tham nhũng tiền vốn vay của nông dân*. Nhân dân, 7/4/1998.
23. Lê Hải: *Cán bộ chiếm dụng vốn xóa đói giảm nghèo*. Nông nghiệp Việt Nam 25-28/12/1997.
24. Trần Trí Phương: *Xóa đói giảm nghèo - người đói khổ*. Nông nghiệp Việt Nam 7-9/9/1998.
25. Nguyễn Thị Vi: *Mấy nét về tham nhũng và pháp luật chống tham nhũng*. Tạp chí Cộng sản, số 19/10/1998.
26. Vũ Hoàng Nam: *Trồng rừng trên giấy*. Nhân dân, 31/10/1998.
27. Ngô Giang: *Đồng bằng sông Cửu Long: Giải pháp nào cho nông dân không đất, thiếu đất sản xuất*. Nông nghiệp Việt Nam, 2-4/11/1998.

28. Thủ tướng Chính phủ: *Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo (CT. 133)*. 23-7-1998.
29. PGS.TS Lê Trọng, TS. Ngô Huy Liêm: *Làm thế nào để hộ nông dân xóa đói giảm nghèo có hiệu quả*. Tạp chí Cộng sản, số 8 tháng 4/1999.
30. PV *Sơ kết chương trình xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn*. Nhân dân 21/4/2000.

MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

I. Một số văn kiện và nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Sự thật, Hà Nội - 1987.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Sự thật, Hà Nội 1991.
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996.
4. Chỉ thị số 100 - CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương Đảng: Cải tiến công tác khoán, mở rộng

"khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong Hợp tác xã nông nghiệp. Báo Nhân dân, ngày 20/1/1981.

5. Nghị quyết số 10 - NQ/TƯ của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Báo Nhân dân, ngày 12/4/1988.
6. Nghị quyết Hội nghị TW 6 (Khóa VI) của Ban chấp hành TW Đảng (tháng 3/1989, xác định "Gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ"), Báo Nhân dân 27-28/4/1989.
7. Nghị quyết Hội nghị TW5 (Khóa V) của Ban chấp hành TW Đảng (6/1993) về "tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Báo Nhân dân ngày 1/7/1993.

II. Một số luật pháp và văn bản của Nhà nước

8. Luật Đất đai 1993. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995.
9. Nghị định số 64/CP của Chính phủ (ban hành ngày 27/9/1993) về việc giao đất nông nghiệp

cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

10. Bộ Luật lao động của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo Nhân dân số 22, 23, 25, 26/7/1994.
11. Pháp lệnh về nghĩa vụ lao động công ích. Báo Nhân dân 22/11/1988.
12. Pháp lệnh chống tham nhũng. Báo Nhân dân 18/3/1998.
13. Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Báo Nhân dân 17/3/1998.
14. Nghị quyết số 120 của Hội đồng Bộ trưởng về giải quyết việc làm. Báo Nhân dân 21/4/1992.

III. Sách

15. Ph-Anh-Ghen: Nguồn gốc gia đình của chế độ tư hữu của Nhà nước. Nxb Sự thật, Hà Nội - 1972.
16. Lịch sử nông nghiệp Việt Nam. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1994.

17. Nguyễn Sinh Cúc: Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam 1976 - 1990. Nxb TK, Hà Nội - 1991.
18. Ban Nông nghiệp Trung ương: Kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay tập I. Nxb Tư tưởng văn hóa, Hà Nội 1991.
19. Ban Chính sách và quản lý nông nghiệp: Thực trạng kinh tế hộ nông dân Việt Nam. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1992.
20. PGS. Lê Trọng: (Giáo trình) Cơ sở hình thành kinh tế nông hộ... Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1991.
21. Nguyễn Văn Tiêm (Chủ biên): Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1993.
22. Đào Thế Tuấn - Phạm Tiến Dũng: Trình độ hộ nông dân ở nước ta và các biện pháp thúc đẩy sự phát triển. Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp 1992. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1993.

23. PGS.TS. Lê Trọng: Phát triển và quản lý trang trại trong kinh tế thị trường. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1993.
24. PGS.TS. Lê Trọng: Kinh tế hợp tác của nông dân trong kinh tế thị trường. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1994.
25. Prbert Chambers: Phát triển nông thôn hãy bắt đầu từ những người cùng khổ. NXBDH Và GDCN, Hà Nội - 1991.
26. Tủ sách kiến thức: Cẩm nang kinh doanh ("Theo chương trình huấn luyện các nhà kinh doanh nhỏ" do trường Đại học Tổng hợp Georgetown Mỹ xuất bản). Nxb Thông tin - 1989.
27. Khoa Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Kinh tế quốc dân: Marketing trong nông nghiệp. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1992.
28. Ngân hàng thế giới: Giảm bớt nghèo đói thông qua các dự án nông nghiệp. Nxb Sự thật (trang 21 - 32), Hà Nội - 1992.

IV. Tạp chí

29. Bùi Ngọc Trinh: Người nghèo ở nông thôn và chương trình quốc gia chống đói nghèo. Tạp chí Cộng sản, số 11 - 1991.
30. Võ Trần Chi (UVBCT, BTTU - Tp. Hồ Chí Minh): Xóa đói giảm nghèo - một chương trình hội tụ ý Đảng, lòng dân. Tạp chí Lao động và Xã hội, tháng 11 - 1992.
31. Nguyễn Văn Tuất: Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Cộng sản, số 1 - 1993.
32. PGS.TS. Nguyễn Sinh Cúc: Phân hóa giàu nghèo ở các tỉnh miền Trung. Tạp chí Cộng sản, số 22 - 1996.
33. PTS. Nguyễn Sinh: Sự phân hóa giàu nghèo ở các tỉnh Tây Nguyên. Tạp chí Cộng sản, số 11 - 1997.
34. Nguyễn Thị Hằng (UVTWĐ), Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội): Từ thực tiễn 5 năm xóa đói giảm nghèo. Tạp chí Cộng sản, số 21 - 1996.

35. Phùng Văn Tiến: Thanh Sơn tập trung sức lực mạnh tổng hợp để từng bước xóa đói giảm nghèo. Tạp chí Cộng sản, số 22 - 1997.
36. PGS.TS. Lê Trọng: Ruộng đất của người nghèo; thực trạng và kiến nghị. Tạp chí Cộng sản, số 21 - 1996.
37. PGS.TS. Lê Trọng: Từ thực tế một xã, suy ngẫm về sự đóng góp của nông dân (Thái Bình). Tạp chí Cộng sản, số 6 - 1998.
38. PGS.TS. Lê Trọng: Đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tạp chí Cộng sản, số 16 tháng 8 - 1997.
39. PGS.TS. Lê Trọng: Làm gì cho phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập san hội thảo khoa học (HKHKTNLN). Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - 1997.

V. Các đề tài khoa học đã được nghiên cứu.

40. Nguyễn Thị Hương: Tình cảnh đói nghèo và những giải pháp chủ yếu xóa đói giảm nghèo ở

nông thôn (qua khảo sát ở một số xã huyện Kim Môn - 1993).

41. Từ Thị Xuyên: Những giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa vùng gò đồi ngoại thành thị xã Sơn Tây (Luận án Thạc sĩ - 1995).
42. Nguyễn Thanh Hiền: Những giải pháp phát triển kinh tế chủ yếu nhằm phát triển sản xuất của các hộ nông dân nghèo ở vùng khu bốn cũ (Luận án PTS - 1994).
43. Hoàng Văn Chính: Những vấn đề chủ yếu về phát triển kinh tế nông hộ ngoại thành Hà Nội (Luận án PTS - 1993).
44. Báo cáo đề tài KX08-05 do Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp chủ trì tháng 3 năm 1994.
45. PGS. Lê Trọng: Thực trạng về lao động nữ trong kinh tế nông hộ vùng đồng bằng sông Hồng (Hội thảo Quốc gia: Sự hòa nhập của phụ nữ trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, do Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp

Thực phẩm - NC FAW - FAO tổ chức tháng 12/1994.

46. Liên Hợp Quốc: Tiến kịp phát triển năng lực để xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam tháng 10 năm 1996.
47. Trần Thị Vín: Báo cáo tham dự hội thảo "Phát triển cân bằng giới" trong xóa đói giảm nghèo - người dân tộc Dao Quần Trắng, Tuyên Quang tháng 12/1996.
48. Biggs, Agricultural Models and Rural Poverty. Institute of Development Studies, University of Sussex England, 1982.
49. FAO, Farming systems development, Rome, 1990.
50. GRET, Farming systems research and development in Thailand, price of Songklan University, 1998.

VI. Các nguồn tư liệu và báo chí khác.

MỤC LỤC

	LỜI NÓI ĐẦU	7
Chương I:	TÌNH TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN	14
	ĐỐI NGHÈO CỦA VIỆT NAM	
	I. Tình trạng và khái niệm đói nghèo.	15
	II. Những cụm nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đói nghèo.	69
Chương II:	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	76
	XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO	
	I. Chủ trương của Đảng và chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo: kết quả và tồn tại.	76
	II. Mấy vấn đề cần quan tâm.	84
Chương III:	LẬP KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ	107
	NÔNG DÂN ĐỐI NGHÈO.	
	I. Kế hoạch làm ăn là kim chỉ nam cho hành động và là biện pháp tốt để vượt đói nghèo của hộ nông dân.	107

II. Những điều kiện cơ bản cần biết để lập kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo.	111
III. Lập kế hoạch làm ăn hàng năm của hộ nông dân đói nghèo.	119
IV. Tổ chức phân công lao động thực hiện kế hoạch làm ăn của hộ và sự phân công giúp đỡ theo dõi cụ thể của tổ chức cụ thể.	140
Chương IV: HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH ĐƠN GIẢN VÀ PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH LÀM ĂN CỦA HỘ NÔNG DÂN ĐÓI NGHÈO.	144
I. Hạch toán giá thành đơn vị sản phẩm.	144
II. Theo dõi thu chi tiền mặt của hộ gia đình nông dân đói nghèo.	147
III. Phân tích kế hoạch làm ăn của hộ nông dân đói nghèo.	155
PHỤ LỤC	164
TÀI LIỆU TRÍCH DẪN CHÍNH	188
MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	193

HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH LÀM ĂN CHO HỘ NÔNG DÂN ĐỂ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
19 - NGUYỄN BÌNH KHIÊM - HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS. TS. HOÀNG NAM

Biên tập

NGUYỄN THỊ CHÍNH

Sửa bài: THU HƯƠNG

Bìa : TRỌNG HOÀ

In 1.000 bản, khổ 13 x 19cm tại Nhà máy in Sách giáo khoa
Đông Anh - Hà Nội. Giấy phép XB số: 10/1284-XB-QLXB cấp
ngày 31/10/2000. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2001.